

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

ĐỀ ĐÁP LẠI CẢM
TÌNH NỒNG HẬU
CỦA 25.000 BẠN
ĐỌC ĐỐI VỚI
PHỒ - THÔNG
TRONG 4 NĂM NAY,

SỐ **N**ÀY
KỶ - **N**IỆM ĐỆ-TỬ
CHU - **N**IÊN TẬP-CHÍ
PHỒ THÔNG
đầy 264 trang
vẫn bán giá 10\$

THÂN TẶNG
BẠN ĐỌC MỤC LỤC TỔNG QUÁT

ĐẦY ĐỦ TẤT CẢ TRÊN
3000 ĐỀ - TÀI ĐÃ
ĐĂNG TRONG PHỒ
THÔNG

từ số 1 đến số 90

I - II - 1958 * I - II - 1962

*đóng chung trong
tập này (phần sau)*

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 38/Q.C.D.P.BY.T. ngày 22-7-60

W/19877

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ V ★ SỐ 91 ★ 1-11-62

1 — Nguyên vọng của Phổ.Thông năm thứ năm	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2 — Năng lượng nguyên tử	Hoàng xuân Hân	10 — 15
3 — Vấn đề da trắng da đen	Thiếu Sơn	16 — 21
4 — Mương nước (truyện ngắn)	Mỹ Khanh	22 — 29
5 — Đắm tàu	Hữu-Phương	30 — 36
6 — Nước nở (thơ)	Mạc Lệ Kiều	37
7 — Bức thư Paris : phụ nữ Việt-Nam ở Paris	Nguyễn văn Cồn	38 — 42
8 — Nghẹn ngào (thơ)	Lê minh Trang	43
9 — Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	44 — 48
10 — Khi-tượng-học của tiên-nhân ta	Nguyễn Triệu	49 — 54
11 — Duyên kỳ ngộ, tôi nghèo (thơ)	Đào Tứ Lang Trần hữu Hạnh	55
12 — Làm sao tránh được sự lộn xộn trong việc phiên âm danh-từ ngoại-quốc	Nông Bằng Giang	56 — 60

13.— Từ biệt (thơ)	Thanh Nhung	61
14.— Genève (hồi ký)	Lê thị Đính	62 — 66
15.— Danh nhân thế-giới : Charlie Chaplin	Té-Xuyên	67 — 73
16.— Một giấc mơ hoa	Duyên-Hồng	74 — 79
17.— Mối tình của Pô Brak	Văn Hồng Tịch	80 — 84
18.— Phê bình sách mới : Nhớ Thương	Nguyễn Thu Minh	85 — 88
19.— Bài ca con Rắn (truyện ngoại quốc)	Đỗ khắc Thúc	89 — 93
20.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	94 — 101
21.— Giới thiệu thơ Hoang-vu	Phồ Thông	102 — 103
22.— Phi-hành-gia thứ ba của Hoa-kỳ : Trung tá Walter Schirra	John G.	104 — 108
23.— Thơ Hoang-vu dịch ra thơ Pháp	Nguyễn Văn Cồn	109 — 110
24.— Sách báo mới	P. T.	111 — 113
25.— Trăng vẽ trên mái lá (thơ)	Thanh Phượng	114
26.— Lợi ngược (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	115 — 119
27.— Thơ lên Ruột	Tú Be	120 — 121
28.— Thư bạn đọc	Phồ-Thông	122 — 130

NGUYỄN VONG CỦA PHỒ-THÔNG NĂM THỨ NĂM

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.



ỔN năm qua, tạp chí *Phồ-Thông* hãy còn bé bỏng, mới đi được những bước đầu, ngập ngừng, trên con đường còn xa-lắc xa-lơ... Kiểm điểm lại những công việc đã làm, chúng tôi có cảm tưởng như chưa làm được việc gì. Còn bao nhiêu khuyết điểm chưa tránh khỏi. Còn bao nhiêu nguyện ước chưa thành. Bao nhiêu điều muốn nói chưa nói được, muốn viết chưa viết

được, muốn làm chưa làm được. Lặng lẽ, nhẫn nại, bình tĩnh, xây dựng được chút nào hay chút nấy. Nhưng mọi việc hãy còn dở dang. Hoàn cảnh còn chán nản. Lòng còn bấn-khoăn, chưa cởi mở. Trời chưa thuận, Đất chưa lợi, Người chưa hòa. Đem ra hết thiện chí, góp một vài năng lực, thành chưa được mấy mà hận đã có nhiều.

Đôi khi thông cảm với thời gian, chịu đựng với thực tại, quên mình, quên người, nắm hai bàn tay tiến tới.

Bốn năm qua, *Phồ-Thông* tự nhận mình còn vị thành niên. Thêm một năm mới của *Phồ-Thông*, chưa chắc đã trưởng thành.

Trong Nước, may nhờ bạn đọc yêu-mến và khoan-hồng, cái xấu cũng được tha-thứ, cái vụng cũng được bỏ qua, có sự thông-cảm về tinh-thần cũng như về thể-thức. Nhưng đối với các tạp-chí quốc-tế, về văn-hóa thua kém có lẽ không thua kém mấy, nhưng về kỹ-thuật quả thật còn khuyết-diểm nhiều.

Chúng tôi đã cố gắng. Đi thuê từ một nhà in nhỏ với những chữ đã cũ, đã mòn, đến một nhà in lớn hơn với những chữ mới hơn và sắc-sảo hơn. Nghệ-thuật ấn-loát đã khả quan hơn nhiều.

Từ số 1 in 5000 cuốn, đến số 91 in 25.000 cuốn: đây là một phần nhờ sự ủng-hộ thường xuyên của những bạn đọc trung-thành, trong Nước và ở ngoại-quốc, thêm vào đó một phần hy-sinh và cố gắng của toàn ban Biên-tập.

Chúng tôi sẽ còn cố gắng nữa, và cố gắng mãi. Còn ôm-ấp những nguyện vọng tiến-bộ, dù việc có thể sẽ không thành, nhưng nghĩ rằng công có lẽ sẽ không uổng.

Nguyện vọng tức là hy-vọng. Hoàn-cảnh đáng chán-nản, nhưng chúng tôi không bao giờ chán-nản.

Chúng tôi hy vọng sang năm thứ Năm của *Phồ-Thông* sẽ thực hiện được 3 điểm sau đây :

1.— Thề theo lời mong-muốn thiết-tha của một số khá đông độc-giả ngoại quốc đọc Việt-ngữ, chúng tôi sẽ cố gắng mở thêm trong mỗi kỳ báo 16 phụ trang Anh-ngữ, Pháp-ngữ và Hoa-ngữ, dịch các văn thơ và truyện hay nhất của Việt-Nam, và tài-liệu văn học, sử-học, xã-hội học Việt-Nam, để cho các bạn trí-thức ngoại-quốc được thưởng-thức tinh-hoa văn-ngệ xứ ta và hiểu biết, yêu-mến Dân-tộc Việt-Nam nhiều hơn.

2.— Chúng tôi sẽ mở nhà xuất bản *Phồ-Thông Tùng-Thư*. Ngoài những sách sáng tác và tham khảo có giá-trị học hỏi và văn-ngệ thuần-túy Việt-Nam, chúng tôi sẽ biên soạn và xuất bản những sách bằng Anh-ngữ và Pháp-ngữ về Văn-chương và Lịch-sử Việt-Nam.

Quyển Thơ « *Hoang-Vu* » là quyển sách thứ nhất của *Phồ-Thông Tùng-Thư* bằng Việt-Ngữ, quyển « *Solitude — Loneliness* » (Thơ Hoang-vu dịch ra thơ Pháp và thơ Anh) sẽ là quyển thứ nhất của *Phồ-Thông Tùng-Thư* bằng ngoại-ngữ.

Tất cả những sách của *Phồ-Thông Tùng-Thư* xuất bản đều do một nhóm tác-giả trong ban biên-tập *Phồ-Thông* tạp-chí.

Chúng tôi sẽ cố gắng cho những tác phẩm của *Phồ-Thông Tùng-Thư* bằng Việt-Ngữ và Ngoại-ngữ xuất bản đều-đều mỗi năm từ 4 đến 6 cuốn và sẽ phổ-biến ở Ngoại-quốc.

3.— Điểm thứ ba, là thề theo đề-nghị của một số đông Phụ-huynh học-sinh, độc-giả của *Phồ-Thông*, mong muốn mỗi tuần có một loại báo « *Phồ-Thông Nhi-đồng* », đặc-biệt giáo-hóa cho thể-hệ nhi-đồng hiện-tại.

Chúng tôi đã nghiên-cứu vấn-đề này, và đã dự-bị những phương pháp lành-mạnh và hấp-dẫn để giáo-dục và giải-trí đám con em, gây cho các em những phương-tiện sinh-hoạt tinh thần vừa mới-mẻ, vừa khang-kien.

Đó là 3 điểm chính trong chương-trình hoạt-động Văn-ngệ mà chúng tôi đã chuẩn-bị trong năm vừa qua và sẽ cố-gắng thực-hành trong năm thứ Năm của *Phồ-Thông* tạp-chí.

Nhân số kỷ-niệm đệ tứ chu-niên của *Phồ-Thông*, toàn ban Biên-tập thân-ái trao đến Bạn đọc lời chào văn-hóa.

PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ



● YÊU CẦU

Trong một buổi dạ hội khiêu vũ rất lịch-sự để kỷ-niệm dạ hội thứ 2000 của một ban nhạc danh tiếng, vài ký giả phỏng vấn nhạc trưởng :

— Trong suốt thời gian ông điều khiển dàn nhạc của những dạ hội đã qua, các ông các bà thánh-giả thường yêu cầu gì nhiều nhất ?

— Họ thường yêu cầu tôi nhiều nhất là chỉ giùm chỗ đi tiêu !

NĂNG-LƯỢNG NGUYÊN-TỬ

Lời Tòa-Soạn.— Thề theo ý mong muốn thiết-tha của đa-số bạn đọc, chúng tôi có yêu cầu giáo-sư Hoàng-xuân-Hân vui lòng gửi cho Phò-Thông một tấm ảnh. Nhà Bác-học Nguyên-tử-Lực (ông Hoàng-xuân-Hân là người Việt-Nam đầu tiên đã đỗ bằng Kỹ-sư Nguyên-tử-Lực — Ingénieur Atomiste) có nhậ ý gửi ảnh kèm bức thư có một đoạn sau đây : «... Tuy tôi do-dự, nhưng từ chối có thề làm độc-giả tưởng tôi hay câu-nệ. Vậy tôi xin gửi biếu Phò-Thông một tấm ảnh « căn cước », không có mỹ-thuật... »
Tạp chí Phò-Thông xin thành-thật cảm ơn thịnh-tình của nhà Bác-học khiêm-từ và nhậ-nhận.

PHÒ-THÔNG



* Hoàng Xuân Hân

4. — NHÂN NĂNG VÀ PHÁ NHÂN

(Tiếp theo P.T. số 89)

B Ậ Y giờ ta hãy trở lại vấn-đề năng-lượng thúc-kết các nhân-tử trong nhân. Như ta đã thấy trên, năng ấy lớn một cách lạ thường. Lấy thí-nghiệm và lý-luận suy nó ra cũng dễ. Sau khi đã biết khối của hạt vỏ và các hạt nhân, ta phỏng-đoán một cách tất-nhiên rằng khối của một nguyên-tử là tổng-số của khối nhậ và vỏ của nó. Thế mà

thí-nghiệm lại tỏ rằng ta tính như thế đã lầm ! Nó cho ta biết rằng khối của nguyên-tử ít hơn khối các hạt thành-phần cộng lại. Nếu có kẻ bảo ta rằng một cân bột trộn với một cân đường thành kém hai cân, ta có thề tin được chẳng ? Định-luật La-voa-zi-ê (LAVOISIER) bảo-tồn khối-lượng (dầu thiên biến vạn hóa, khối-lượng vẫn y-nguyên) mà ta

học từ lâu nay trở nên không đúng nữa chẳng ? Nếu quả vậy thì phần khối hụt kia đã biến đi đâu ? Thuyết tương-đối En-xi-ten sẽ trả lời ngay : phần khối hụt đã biến thành năng-lượng thúc-kết. Khối đổi thành năng, năng đổi thành khối như nước bốc nên hơi, hơi ngưng thành nước. Năng với khối chỉ là hai mặt, hai thề của một khái-niệm chung. Hai định-luật bảo-tồn khối và năng riêng rẽ nhau không đúng nữa, nhưng chung lại, bảo-tồn năng với khối thì đúng hoàn-toàn.

Năng-lượng thúc-kết kia bó chặt các hạt nhân với nhau, còn phần hấp-dẫn vỏ theo nhân thì không đáng kể. Nếu có cách gì phân-tách các hạt nhân ra, thì năng-lượng ấy lại được giải-phóng, phát nhiệt ra, mà ta có thề dùng như nhiệt của lò than. Năng-lượng ấy gọi là **Năng-lượng Nguyên-tử**. Cái tên ấy nay đã hầu quen, nhưng nó không chính-xác, vì năng nào chẳng từ nguyên-tử mà ra. Khi ta đốt than để phát nhiệt thì nhiệt có vì một nguyên-tử than ngoắc vỏ với hai nguyên-tử dưỡng-khí hóa-hợp thành thán-

khí. Nhiệt-năng ấy không lấy gì đáng kể. Trái lại phá bật được cái nhân của nguyên-tử than, sẽ tung ra một nhiệt-năng vô-cùng quan-trọng : một gờ-ram than có thề đun sôi gần hai tấn nước. Năng-lượng ấy thật từ nhân mà ra, cho nên ta gọi nó là **Nhân-năng** để được rõ-ràng hơn.

Vậy năng-lượng nguyên-tử cốt ở nhân-năng. Muốn phóng-thích nó ra thì phải phá vỡ nhân ra thành từng hạt hoặc thành nhiều mảnh. Nhưng chớ tưởng rằng ta có thề dùng vũ-lực mà bắn tung được nhân. Mà nếu có thề làm như vậy thì ta phải tốn biết bao năng-lượng mới giải-phóng được một phần nhân-năng. Về phương-diện kinh-tế, ta sẽ làm một việc ngây-ngô như Lý Toét thuê xe ra tỉnh để uống chút rượu rẻ tiền hơn ở quán đầu làng !

Hoặc có kẻ nhắc rằng phóng-xạ tức là nhân đã bị phá, mà không cần công-kích nó chút nào. Quả có như vậy, nhưng rất ít chất thiên-nhiên phóng-xạ, mà trong một khối chất ấy, chỉ một phần rất nhỏ phóng-xạ trong mỗi thời-gian mà thôi. Như vậy thì năng-lượng giải-phóng không

dùng làm trò gì được. Đã đành rằng về thực-tế, năng-lượng phóng-xạ không đáng kể, nhưng về lý-thuyết, phóng-xạ chẳng mâu-thuẫn với điều bền-bỉ của sức thúc-kết giữa các hạt nhân chẳng? Người ta nhận thấy rằng, sức thúc-kết trung-bình giữa hai hạt nhân là lớn bé tùy theo số hạt. Nó lớn nhất vào khoảng 60 hạt, nghĩa là vào khoảng các chất sắt, đồng. Số hạt ấy, tức là khối-số, càng cao thì sức ấy càng sút. Mà số hòa-nhân-tử càng nhiều hơn số dương-nhân-tử thì sức kết-thúc càng non. Nói tóm lại, các nguyên-tử càng to thì hạt càng bớt chặt. Ôm nhiều không chắc, cho nên có hạt bị tung. Đó là nguyên-nhân của sự phóng-xạ.

Gắng thêm một bước trên đường thí-dụ, ta có thể nghĩ rằng nếu ta cố nhét một hạt vào nhân, nhân có lúc bị bật vỡ, y như khi tay đầy quả mận mà muốn nắm thêm một quả thì cả nắm bị tung. Sự ấy có thật, và ta sẽ gọi nó là *phá nhân*. Nhân bị phá không phải vì sức mạnh bắn vào làm vỡ. Mạnh chẳng hay gì; mạnh thường thua mọn. Mẹo đây là một hiện-tượng đặc-

biệt mà ta gọi là *cộng-hưởng*. Hãy nhìn em nhỏ đánh đu: nếu em nhún mình theo nhịp đu, thì đu càng xít càng cao; nhưng nếu không nhún theo nhịp thì đu xít chậm lại. Khi nhịp nhún và nhịp xít ăn nhau, người ta nói rằng đu cộng-hưởng với người. Nhờ sự cộng-hưởng ấy mà chỉ dùng sức rất ít cũng đủ khiến đu dao-động lên cao. Cũng vì cộng-hưởng mà nhịp đi trên cầu có thể làm cầu dao-động mạnh rồi bị gãy. Lấy cơ-học xét sự động của các hạt trong nhân, người ta đã thấy rằng sau khi một nhân nặng hấp-thu một hạt nhân ngoài tới, nó đổi thành một nhân mới, bèn lên cơn dao-động, rồi vì cộng-hưởng có thể nứt làm hai mảnh hoặc hơn.

Hạt nhân dùng để phá-nhân phải là một hòa-nhân-tử. Một lẽ vì hòa-nhân-tử không mang điện, cho nên mới mon-men lại gần nhân được; chứ nếu đó là một dương-nhân-tử thì khi tới khá gần nhân, nó sẽ bị nhân kia cũng cùng tính dương đẩy nó ra xa. Lẽ thứ hai, nhân mới mang thừa hòa-nhân-tử cho nên không bền chắc nữa.

Nói tóm lại, mỗi khi một hòa-nhân-tử tới gần nhân một nguyên-tử nặng, nó có thể bị hấp-thu để tạo thành một nhân nặng khác. Nhân này mang thừa hòa-nhân-tử, dao-động cộng-hưởng rồi có thể nứt ra. Nó thường nứt ra làm hai mảnh nặng ngang nhau, và bắn thêm một vài hạt nhân nữa. Một phần khối nó lại biến ra năng. Phá-nhân vừa giải-phóng hạt-nhân vừa phóng-thích năng-lượng. Ví-

dụ chất U-ran mang khối-số 235 có 92 dương-nhân-tử và 143 hòa-nhân-tử. Như vậy thì số hòa-nhân-tử đã thừa nhiều. Nếu gặp một hòa-nhân-tử ở ngoài lại, nó có thể (chứ không phải nhất thiết) hấp-thu hòa-nhân-tử ấy rồi biến thành chất U-ran 236 tạm-thời kích-thích, «lên cơn» dao-động rồi nứt làm hai mảnh lớn và phóng-thích một nhiệt-lượng lớn và tung ra trung-bình gần hai rưỡi hòa-nhân-tử nữa.

5.— PHẢN-ỨNG CHUYỀN VÀ BOM NGUYÊN-TỬ

Phá được nhân một cách gián-tiếp như vậy đã là tài; mà lại còn thu được một lượng nhiệt, thế là quý. Nhưng chớ quên rằng ta đã xuất vốn ra mới thu-hoạch được lãi ấy: vốn ấy là hòa-nhân-tử ta đã đưa ra làm mồi. Nếu hết mồi thì hiện-tượng phá-nhân cũng dứt và nguồn nhiệt kia cũng khô tận. May thay, trong ví-dụ U-ran 235 trên kia, có gần ba hòa-nhân-tử được tung ra trong khi nhân bị phá. Vậy thì nguyên-tử U-ran 235 ăn mồi lại nhả ra mồi. Mồi mới lại có thể phá nhân mới nữa. Cứ như vậy tiếp-tục, phản-ứng

phá-nhân được liên-tục nối chuyễn: hiện-tượng ấy gọi là *phản ứng chuyễn*.

Ta hãy tưởng-tượng có một khối U-ran 235 mà ta châm mồi bằng một hòa-nhân-tử. Một nguyên-tử chất ấy nổ, bèn tung ra phỏng độ hai hòa-nhân-tử. Hai hòa-nhân-tử ấy lại làm nổ hai nguyên-tử khác và tung ra bốn hòa-nhân-tử. Rồi số nguyên-tử U-ran 235 cứ lựu-tiến tăng lên rất chóng; chưa đến một giây mà số nổ đã tới hàng triệu triệu triệu. Mỗi cái nổ như vậy phóng-thích một nhiệt-lượng tương-đối rất to.

Nhờ vậy mà một quả bom U-ran 235 lớn chừng bằng quả bưởi nổ bùng mạnh bằng mấy nghìn tấn bom thường. Đó là một thứ *bom nguyên-tử*, mà người ta đã gọi bằng tên tắt Bom A. (do tiếng A-tom nghĩa là Nguyên-tử).

Muốn làm bom nguyên-tử, trước hết phải tìm chất gây được sự phản-ứng chuyền. Chỉ có bốn chất có thể dùng được, trong đó hai đồng-vị U-ran (U-ran 233 và 235) và hai đồng-vị Pô-lu-ton (Pô-lu-ton 239 và 241). Trong đó chỉ có U-ran 235 tồn-tại một cách thiên-nhiên trong trái đất. Các chất kia đều « nhân-tạo », hình-thành trong những lò nguyên-tử mà ta sẽ nói đến sau. Trong thực-tế, người ta đã dùng bom U-ran 235 và bom Pô-lu-ton 239. Sau nữa, không phải hẳn có một ít chất ấy thì nó nổ bùng. Phải có một lượng tối-thiểu, nó mới có thể gây ra phản-ứng chuyền được. Nguyên-do là nếu khối nhỏ thì *thân* nhỏ, những hòa-nhân-tử được sự phá nhân tung ra có thể dễ dàng lọt ra ngoài và không thể trở lại trong thân bom để phá nhân khác nữa.

Nếu vậy, thì tuy mỗi phát nổ tung ra hơn hai hòa-nhân-tử mà chỉ có một phần nối-tiếp phá chuyền. Với chất nổ lượng ít, thì phần ấy là non một hòa-nhân-tử ; thành-thủ vốn một hòa-nhân-tử mà sau khi nổ lại chỉ hoàn chưa được vốn, vậy vốn mòn dần cho đến khi tiêu : bom nguyên-tử sẽ bị « tịt ngòi ». Nay ta tăng lượng chất nổ lên : kích-thước tăng, mặt ngoài bom cũng tăng nhưng tăng chậm hơn thể-tích. Thể-tích tăng thì số nổ càng tăng, số hòa-nhân-tử tung ra trong ruột bom càng tăng. Mặt ngoài tăng thì số hòa-nhân-tử thoát ra ngoài càng tăng. Nhưng vì diện-tích ngoài tăng chậm hơn thể-tích trong (nếu diện-tích gấp tư thì thể-tích gấp tám), cho nên số hòa-nhân-tử phát-sinh tăng chóng hơn hòa-nhân-tử thoát. Cứ tăng khối-lượng bom lên dần, thì có lúc phản-ứng chuyền bắt đầu duy-trì được. Đó là lúc bom sắp nổ bùng. Khối-lượng ấy gọi là *khối-lượng lâm-giới*, nó chỉ là vào chừng hai ba chục ki-lô mà thôi.

Những chất nổ trong bom A

phải rất tinh-khiết, không lẫn những chất khác nó *ăn không* những hòa-nhân-tử, nghĩa là nó hấp-thu hòa-nhân-tử mà không phá-nhân mà cũng không phóng-thích hòa-nhân-tử nào cả. Khốn nỗi ngoài vài ba chất nổ đã nói trên, các chất khác đều nhiều hay ít *ăn không* hòa-nhân-tử cả. Và chẳng lọc chất nổ cho ròng rất khó được một khối khá to. Mà lại phải biết trước khối-lượng lâm-giới của nó, kéo đi trừ chất nổ thành lượng quá nấc thì nó nổ bùng. Nhà chuyên-môn đã phải tính-toán và thí-nghiệm rất kỹ-càng mới dám lọc rồi trừ cắt các chất nổ ấy. Người Mỹ đã đặt cho cuộc thí-nghiệm kia một tên ngộ-ngĩnh và khá hình-dung : « vượt đuôi rồng ». Vượt đuôi rồng trên nó mà chơi, nhưng vượt mạnh quá thì nó quay lại phun lửa làm toi mạng ! Muốn chế bom nguyên-tử phải chế riêng từng mảnh nhỏ, bé hơn kích-thước lâm-giới. Lúc muốn cho nó nổ mới dùng máy tự-động mà người ta điều khiển

từ xa để cách mảnh ghép khít vào nhau trước lúc châm mồi.

Hai quả bom đầu tiên chấm dứt cuộc chiến-tranh Nhật-Mỹ, hoặc làm bằng Pô-lu-ton 239 hoặc bằng U-ran 235 đều thuộc loại bom này. Đó là lần đầu tiên nhân loại thấy rằng với những lý-luận huyền-vi hòa với kỹ-thuật tinh-xảo, người ta đã rút được một phần tinh-t túy của vật-chất mà biến thành những năng-lượng đốt cháy trong nháy mắt những thành rộng lớn và thiêu tàn mấy mươi vạn sinh-linh. Sau khi ta thấy trên màn ảnh những cuộc thí-nghiệm-bom nguyên-tử trên Thái-bình-dương, thấy bề lòng lửa dấy, thấy cột khói dùn-dùn dựng thẳng, tỏa ra như cây đại-thụ góm-ghê, ta không khỏi rung mình xúc-cảm. Sự nhớ đến nhà thơ triết-lý mà ta đã nhắc đến ban đầu. Câu than vãn của thi-nhân :

« Lò cừ nung nấu sự đời,
« Bức tranh vân cầu, vẽ người
tàng thương ! »

đã gần thành câu tiên-giác.

HOÀNG-XUÂN-HÂN

Đính-chính. — Trong số 89, bài Năng-lượng Nguyên-Tử, có in sai mấy chữ, xin bạn đọc vui lòng sửa lại giùm :

— Trang 12, cột hai, hàng thứ 2, xin đọc **Khối-số**, thay vì **Nguyên-tử-số**.

Cũng cột ấy, hàng thứ 12, xin đọc **Trit**, thay vì **Trit-ri**.

— Trang 14, cột một, hàng thứ 10, xin đọc **Bạc**, thay vì **Vàng**.

DA



TRẮNG

**PHẢI DỪNG
GIÁO-DỤC**
để tiêu diệt óc
kỳ-thị chủng-tộc

★ THIẾU-SƠN

GẦN đây trong những tin thế-giới quan-trọng có một tin khiến đa-số người Việt-Nam ngo-ngác vì thấy nó rắc-rối và kỳ-cục ngoài

DA



ĐEN

sức tưởng-tượng của con người.

Trước hết là vụ ba nhân-vật cao-cấp của Đại-Học-Đường Tiểu-bang Mississippi: một ông Chương-ân, một ông Viện-trưởng, một ông tổng Giám-thị không chịu ghi tên cho một sinh-viên da đen vào học chung với sinh-viên da-trắng.

Ba nhân-vật trên đây lại được ông Barnett thông-độc tiểu-bang ủng hộ. Ông Barnett lại được 42.000 khán-giả da trắng hoan-hô trong một trận đầu-túc-cầu về thái-độ « anh dũng » của ông. Chưa hết. Ông

còn được sự ủng-hộ của cựu tướng Edwin Walker là một trong những « người hùng » của Mỹ-quốc. Chính tướng Walker đã tuyên bố: « Tôi ở Mississippi, cạnh bên thống-đốc Barnett. Tôi kêu gọi toàn quốc phản-kháng cuộc âm-mưu phá-hoại nội-bộ Hoa-kỳ. »

Ai âm-mưu ? Thì chính Tổng-thống Kennedy với chánh-phủ liên-bang của ông. Tổng-thống và chánh-phủ liên-bang cương-quyết bắt phải thi-hành chánh-sách hòa-hợp chủng-tộc không phân-biệt đen, trắng đúng theo pháp-luật và hiến-pháp.

Tòa-án liên-bang tổng trát đòi Barnett, ông ta không thêm tới. Hơn nữa ông còn cố-động chống-đòi và được sự hưởng ứng của số đông, nhất là trong giới sinh-viên Đại-học.

Nhưng ông chỉ là một nhân-vật địa-phương. Cựu tướng Walker mới là nhân-vật quan-trọng có uy-tín lớn trong nước. Ông này đã từng tham chiến ở Cao-Ly, ở Gibraltar, từng chỉ-huy sư-đoàn 24 ở Berlin và mới từ-chức về

phản-đội Tổng-thống Kennedy mà ông chê là nhu-nhược.

Lời kêu gọi của Walker đã lôi kéo « chí-nguyên quân » ở các tiểu-bang lân cận tới bảo-vệ « chánh-nghĩa » của Mississippi.

Nhưng con người mà Walker chê là nhu-nhược lại không nhu-nhược đôi với bọn ngoan-cô lạc-hậu muốn chống lại pháp-luật của liên-bang.

12.000 quân liên-bang đã được gọi tới để ủng-hộ chàng Meridith, người sinh-viên da đen chống lại bọn kỳ-thị chủng-tộc da trắng.

« Người hùng » núp dưới u điều binh khiển-tướng. Barnett la bài hoải là Mississippi bị xâm-lăng làm người ngoại quốc có cảm tưởng như được thấy một ông Tshombé người Mỹ.

Quân-đội liên-bang phải dùng lưới lê để giải-tán bọn biểu-tình. Cả mấy trăm người bị thương và có người chết. Trong số chết có một ký-giả người Pháp.

Nhưng rốt cuộc lực-lượng liên-bang đã thắng và làm

chủ tình-hình. « Người hùng » Walker bị bắt và nhốt vào nhà giam người điên. Thông-độc Barnett đầu hàng và sanh viên da đen Méridith được ghi tên nhập học.

Chánh-phủ liên-bang thắng nhưng chỉ mới là một thắng-lợi về quân-sự. Nó chưa được hoàn toàn.

★

Ta phải nhìn nhận rằng Tổng-Thống Kennedy không phải là người nhu-nhược và thái-độ cương-quyết của ông đã cứu-vãn được phần nào uy-tín của Chánh-phủ Hoa-Kỳ.

Nhưng ông rất đau-khổ mà phải dùng tới biện pháp cứng rắn đối với đồng bào của ông.

Ông càng đau-khổ khi có người chết, có người bị thương. Lời phân-tru của ông về cái chết của người ký giả Pháp thật là nghẹn-ngào vì cảm-xúc.

Nhưng ai cũng thấy rằng óc kỳ-thị chủng-tộc còn nặng nề sâu-rộng trong bọn người da trắng, nhứt là ở Miền Nam trong đó tiểu bang Mississippi đứng hàng đầu.

Một trăm năm về trước đã có một trận giặc thật sự giữa hai miền Nam, Bắc để giải-phóng nô-lệ và đã kéo dài suốt bốn năm. Miền Bắc đã thắng nhưng máu đỏ rất nhiều; Miền Nam tuy thua nhưng vẫn chưa hoàn-toàn khuất-phục. Họ không bằng lòng cho bọn cự nê nô lệ được bình-đẳng với mình nên họ vẫn không chịu như họ. Họ không cho người da đen ở chung với họ, ăn chung với họ, học chung với họ và nằm chung với họ trong một nghĩa trang. Người da đen ở Mỹ cũng như bọn người parias ở Ấn-Độ.

Nhưng một thế-kỷ đã qua, biết bao nhiêu thế-hệ đã nối tiếp nhau mà óc kỳ-thị chủng-tộc còn được duy-tri tới ngày nay thì thật là một điều tai hại. Phải thật thà nhìn nhận rằng đa số người Mỹ, nhứt là ở Miền Bắc rất bất-bình về thái-độ lạc-hậu của bọn ngoan-cổ thiêu văn minh. Nhưng bọn bọn này không phải là một thiểu-số nhỏ nhứt không đáng kể. Lâu lâu họ dậy giặc một lần mà mỗi lần như thế là mỗi

lần thương-tồn đến uy-tín của nước Mỹ đương lãnh-đạo Thế-giới Tự-do. Những người không có màu da trắng trong thiên-hạ có quyền hoài-nghi về lòng nhân-đạo của người Mỹ và mất tin-tưởng phần nào đối với nước đàn anh.

★

Trên tôi đã nói thắng-lợi của Chánh-phủ liên-bang chưa hoàn-toàn là vì bọn kỳ-thị chủng-tộc chỉ mới khuất-phục trước võ-lực chứ họ chưa nhìn-nhận là họ quây.

Mặc dầu chàng Méridith được học chung một trường với bọn sanh viên da trắng nhưng bọn này vẫn có thái-độ khinh-bĩ và thù-nghịch đối với chàng. Chúng đã làm hình nộm Méridith và hỏa-thiêu. Chàng luôn luôn có lực-lượng an-ninh hộ vệ và chắc chàng cũng khổ tâm còn tâm-trí đau mà học tập?

Óc kỳ-thị chủng-tộc ở bọn thất phu vô-học ta không lấy làm lạ. Ta cũng không lạ đối với những bọn cực-đoan như Walker và Barnett.

Nhưng ta phải kinh-ngạc mà thấy bọn sanh-viên Đại-

Học và ngay đến những nhân vật cao-cấp của nền đại học mà cũng hành-động như những kẻ thất-phu.

Nhơn đó mà ta có thể nghi ngờ nền giáo-dục ở Hoa-Kỳ. Một trăm năm qua mà trường học ở nước này chưa xây dựng được con người cho xứng đáng với ý-nghĩa cao-cấp của nó. Sự học mở mang trí óc, giáo dục linh hồn thì chính là để thay đổi phong-tục cho những người ngu-ngoaan thô-bạo cho họ được tiên-bộ hơn, nhân đạo hơn, văn-minh hơn. Người văn-minh không coi mình trọng hơn người khác, không coi chủng-tộc mình quý hơn chủng-tộc khác. Hơn nữa người văn-minh phải thấy chỗ tiêu-dị và đại-đồng trong nhân loại. Da có đen, đỏ, trắng, vàng nhưng máu ai cũng đỏ và lòng ai cũng có thể chứa đựng tình thương. Hơn nữa người da đen không phải thiếu khả-năng và đã đóng góp rất nhiều cho sự phồn-vinh của Mỹ-quốc, nhứt là về phương-diện thể-thao trong các cuộc thể-vận. Những huy-chương vàng, bạc họ lãnh về

lũ khố mỗi năm nêu cao màu cờ Mỹ-quốc trên thao-trường quốc-tê. Vậy mà còn có một số người không chịu mở mắt, mở lòng để dung-nạp họ trong một nước mà luật-pháp đã nhìn-nhận họ là công-dân với đầy đủ quyền-hạn và bổn-phận.

Những người đó đã được hưởng một nền giáo-dục cưỡng-bách của một nước có trình-độ khoa-học và kỹ-thuật tân-tiên vào bực nhất hoàn cầu. Nước đó đã tạo ra được những nhà bác học thượng-thặng, những bậc kỹ-sư ưu-tú và những chuyên-viên lỗi-lạc.

Vậy mà còn có những nhà trí-thức đại-gia và những sanh-viên đại-học kỳ thị chủng tộc tới một mức-độ thấp kém như ở Mississippi thì thật là quá sức trớ-trợng của chúng ta. Nhớ lại lời nói của Montaigne : « Học văn mà thiếu lương-tâm chỉ làm hư linh-hồn. » (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme).

Tôi nghĩ rằng nền giáo-dục

ở Mỹ quá nặng về phần khoa-học thực hành đã xao-lãng phần nhân-bản để xây dựng con người. Một trăm năm qua, nhiều thế-hệ đã cấp sách tới trường mà tới nay óc kỳ-thị chủng tộc còn sâu đậm đến thế thì nhà trường đã dạy dỗ những gì và dạy dỗ ra làm sao ? Hay là luật-pháp liên-bang thì bắt thi-hành đúng-đắn mà việc học thì để cho mỗi tiểu-bang tùy-ý muốn làm gì thì làm ? Nếu vậy thì thật là nguy-hiểm. Một cường-quốc như nước Mỹ đâu cần tới cớ-văn Việt-Nam.

Nhưng việc xảy ra ở Mỹ vẫn có thể là đề-tài học tập cho tất cả mọi người trên thế giới.

Người Việt-Nam chúng tôi nghĩ rằng chỉ dùng giáo-dục mới cải tạo được linh-hồn chứ biện-pháp quân-sự không bao giờ đem lại kết-quả mỹ-mãn.

Người ta có thể không đồng-ý với pháp-luật nhưng người ta vẫn phải buộc lòng tuân theo pháp-luật vì người ta sợ cảnh-sát, hiền-bình hay quân-đội.

Nhưng giáo-dục sẽ thu-ết-phục người ta một cách êm-thắm và công-hiệu hơn nền giáo-dục dùng lối phần xây dựng linh-hồn mà chỉ chuyên lo phát triển khả-năng và đào-tạo con người để xử dụng máy móc.

Máy móc phát-triển tới cực-độ thì con người điều khiển máy móc cũng sẽ thiếu linh-hồn như máy móc mà rồi vẫn không ảnh-hưởng gì tới những phong-tục lạc-hậu và những thành-kiến hẹp-hòi.

Hơn nữa chính nhờ máy móc mà nước mạnh, dân giàu thì sự giàu mạnh đó lại làm cho con người khinh-bạc, ngạo-mạn thô-bỉ, coi dollar là tất cả mà chẳng biết đạo-lý là cái gì. Mà rồi chính những người lãnh đạo sáng suốt cũng

kẹt trong ngõ bí mà rồi chỉ biết dùng luật-pháp và quân-sự để trị dân. Họ quên rằng một trăm năm qua đã thừa đủ ngày giờ để giáo-dục cho những kẻ lạc-hậu biết trọng lẽ phải, biết sống nhân-đạo, biết tôn-trọng luật-pháp, biết hòa-hợp dân-tộc và giữ thế-thống cho nước nhà. Cờ-nhiên là công tác giáo-dục phải chậm-chạp và trường kỳ. Có khi phải trải qua nhiều thế-hệ mới tiêu-diệt được một tệ-đoan hay thành-kiến. Nhưng điều cần-thiết là nền giáo-dục phải có căn-bản nhân-đạo nhằm xây-dựng con người.

Phải tạo nên những kỹ-sư của linh-hồn để bổ-túc cho những kỹ-sư về kỹ-thuật.

THIẾU-SƠN



★ THUỐC TRỪ CĂN

Một ông hấp tấp chạy vào một tiệm thuốc hỏi ông Dược-sĩ :

— Ông ơi ! có thuốc gì trị chứng nứt-cứt không ?

Dược-sĩ đã cho hai cái tất thật mạnh và nói :

— Đây, thuốc trừ căn đấy !

Ông khách méo cả mặt, vừa thoa má vừa la lên :

— Trời ơi ! không phải tôi mà là nhà-tôi nứt-cứt, ông ơi !

mường nước

★ MỸ-KHANH

BỮ A cơm tối đã xong. Ông Hộ uống vội bát nước chè nóng, ra ngồi trên chiếc chõng tre ngoài sân. Trời nóng lạ, không có hơi tí gió nào. Mồ hôi chảy ướt đầm cả lưng. Ông cởi áo vắt ra góc chõng, vớ lấy cái quạt mo, quạt lia lia. Ngược nhìn vòm trời cao rộng, chỉ chút những sao, ông chép :

— Trời ác quá ! Còn nắng đến bao giờ mới mưa cho ! Hôm nay đã nửa tháng sáu rồi. Mọi năm, độ rày, lúa đã tốt.

Bà Hộ cũng ghé ngồi xuống đầu chõng, mở túi lấy miếng trầu bỏ miệng :

— Ông tính được gì chưa ? Không có thì phải tát nước vô mà gieo chứ không lẽ bó tay !

Ông Hộ nài cầu :

— Tính, tính cái cóc khô ! Bà có giỏi thì tát. Nước suối cạn hết rồi, còn hột nào họ giành nhau họ tưới cả ngày, mình chen giàu vô đâu mà tát !

Bà Hộ làm thinh, không nói nữa. Người đàn bà ấy vẫn có cái thói quen nói với chồng con kiểu đó mà họ thường gọi là cái thói « làm khôn ». Nhưng đến khi nghe « lập trường vững vàng » của chồng là bà nín lặng. Bà bước vào nhà bếp, lên tiếng gọi con :

— Thị ơi, dọn dẹp đi rồi còn già gạo con !

Tiếng người con gái dạ nhẹ nhàng sau tấm phen bếp.

Ông Hộ ở ngoài sân nói to :

— Liệu liệu đó, lúa đâu mà già gạo hoài đi ! Tụi bay không

biết tiện tận rồi có ngày chết đói, bữa nay mà đồng còn để đất trắng đó nghe.

Nhưng rồi cũng có tiếng chày rơi nhịp nhàng vào trong lòng cối, khi khoa-thai, khi dồn dập, bởi câu nói của người cha chỉ là một cảnh cáo người nội trợ.

Ông Hộ nằm ngửa trên chõng, lót hai bàn tay dưới gáy, nhìn trời và tính toán, lo lắng.

Gia đình bảy tám miệng ăn, nếu không làm mùa được thì có mà chết đói. Hai vợ chồng ông và mấy con lớn còn có thể chịu đựng được, còn tự kiếm lấy cái ăn được, chứ còn ba đứa nhỏ, chúng nó sẽ ra sao.

Kề ra, mọi năm trước, nhà ông cũng vào hạng đủ ăn trong thôn xóm. Khoai, lúa ông nếu biết dè xén thì chưa bao giờ dứt, phải đi mua. Nhưng suốt ba năm nay mùa mất liên tiếp vì thiên tai, vì nạn chuột bọ khiến ông đã gia tăng mức sản xuất rất nhiều mà vẫn không ăn thua. Hoa lợi thu vào chỉ còn bằng phân nửa những năm kề như trung bình. Ông đã thấy trước những ngày thiếu hụt sẽ đến với gia đình ông. Mùa này mất đi

qua, ông hy-vọng mùa khác đến sẽ kéo lại. Trong đầu óc giản dị, chất phác của người nông dân chỉ biết trông vào một sự cổ truyền nhất là cầu may ở trời làm mưa thuận gió hòa. Nhưng năm nay thì mọi người đều sốt ruột khi thấy hạn hán kéo dài suốt ba bốn tháng trời, đồng khô cỏ cháy. Nắng, nắng mãi, nắng cháy cả cây, cỏ, nắng đốt cả ruột gan người, nắng làm mọt nhồi cả thú vật.

Đêm nay, thêm vào nỗi lo sống, ông Hộ còn lo thêm một việc, một việc quan-trọng mà chỉ có kinh-tế trong gia đình quyết định nổi. Ấy là việc qua tháng mười sắp đến đây, ông sẽ cho đăng trai đi cưới cô Thị, con gái đầu lòng của ông. Tất nhiên, ông cũng phải tốn kém nhiều trong hôn lễ, tiệc tùng, ăn uống... theo thủ tục địa phương. Mà tiền thì ông không biết sẽ đào đâu ra, chỉ trông vào hột lúa, củ khoai cùng các hoa lợi vật vãnh. Bảo từ chối, khát lần với nhà trai thì ông không đủ lý do. Chẳng lẽ mặt mũi nào mà nói : Tôi còn túng quá, chưa có đủ khả năng lo liệu hay sao ! Vả, có nói cũng không được.

Nhà trai đã bảo họ chọn « ngày lành tháng tốt » kia mà ! Một năm, có một tháng, một tháng có một ngày, và một ngày có một giờ, lẽ đâu mình để lỡ cái giai kỳ của họ được ! Bên các lý do đó, còn một điều nữa mà ông cũng cho là quan trọng không kém để cho con gái chóng về nhà chồng, là cô Thị xinh nhất, có duyên nhất vùng, đi ra hay bị các cậu trai làng dòm ngó. Ông thường nói với bà Hộ : « Có con gái lớn trong nhà như mang một cục nợ ! » Thật ra, Ông Hộ đã quá lo xa mà nói thế, chứ cô Thị của ông, bên vẻ xinh đẹp lại còn đức tính dịu dàng nết na nữa. Đồng ý với nhà trai về các điều khoản đám cưới rồi, ông Hộ bây giờ mới lo nhiều như vậy.

Ông nghĩ đến tháng mười. Ông nhìn ra cánh đồng còn nguyên đất trắng mờ mờ qua lớp hàng rào tre thưa thớt. Theo thời tiết những năm trước, dạo này lúa đã xanh rì và người ta đã bắt đầu làm cỏ. Nhưng còn năm nay... Ông chép miệng nhìn trời thở dài.

Sau cùng, một ý nghĩ đến với ông, ông nhóm dậy, xắn thuốc

hút, đi ngay lại cạnh chuồng bò vác cái cuốc lớn rồi gọi to :

— Thị ơi, đưa cái đèn gió cho cha !

Tiếng cô con gái dừng chân đập cổ nói vọng ra :

— Đèn gió hết dầu rồi cha nợ !

— Hết thì đồ thêm vô !

— Hết cả trong chai, còn đâu mà đồ thêm !

Ông Hộ bực tức định gắt, nhưng nhìn thấy trong nhà tối om, mấy chị em cô Thị già gạo thắm giữa bóng đêm mập mờ, ông vác cuốc đi thẳng.



Trên bờ ruộng gồ ghề, ông Hộ vừa đi chậm chậm vừa suy nghĩ. Cánh đồng ban đêm vắng lặng trông bao la quá. Ánh sáng yếu ớt của vạn vì sao nhấp nháy cũng đủ cho ông bước đi mà không sợ vấp ngã. Sống với nghề nông từ bé đến bây giờ đã hai thứ tóc, ông thuộc hết tên những đám ruộng trong giải đồng này, cả những cái cò cò, cái góc xéo, cái góc nhọn của mỗi đám. Còn nói gì những tên chủ ruộng, cứ phải kể đến là ông thuộc vanh vách. Ngoài

ra ông còn biết rõ sự mua bán đôi chác giữa người này với người nọ về những đám ruộng ấy.

Đi ngang qua một đám đậu phụng màu lá xanh đen sẫm trong đêm tối, ông lầm bầm :

— Coi bộ muộn muộn mà Đám Đùi năm nay trúng. Cha con ông Mẫn có thời rồi đây.

Rồi ông vác cuốc đi lên phía trên, lần theo mấy bụi dừa dại. Tiếng ống quần chạm vào lá dừa nghe sột soạt khiến thỉnh thoảng ông giật mình cúi xuống đất, trở cán cuốc cầm nơi tay lăm lăm, phòng ngừa lũ rắn độc. Không có gì lạ, ông lại bước đi. Đến chỗ cái mương nước đầu suối, ông vui mừng mà thấy nước đầy lên hai phần mương. Trúng với ý nghĩ « trộm nước » của ông lúc ở nhà rồi. Với kinh-nghệm dày dặn, ông biết sở dĩ có nước đầy mương là do một tay nào đã tát, hay đã tháo từ lòng suối ra từ chiều. Nhưng để làm gì, ông chưa hiểu. Ông dò dẫm theo những dấu cuốc, đi trở lại đám đậu hồi nãy. À, ông biết chắc của cha con ông Mẫn tháo vô chứa đây

rồi sẽ tát qua đám đậu. Ông Hộ ngập ngừng. Ý nghĩ vệt mương nước cho chảy xuống ruộng ông, phía dưới đám ông Mẫn, ông muốn lắm. Nhìn đất khô nứt nẻ và nghĩ tới mùa mưa gió sắp đến, ông muốn khóc lên thành tiếng. Nhưng, thường được mục-kích những trận ẩu-đả giữa dân làng, có khi là anh em cha con, trong những vụ giành nước, trộm nước vào ruộng, ông ngăn ngại. Nhất là tình suôi già giữa ông và ông Mẫn. Ông nhìn mương nước, thêm thương ; ông vác cuốc trên vai định theo đường cũ quay về. Nhưng... nhớ đến tình-trạng quần-bách của gia đình ngày mai nếu chưa vãi được hạt giống nào xuống ruộng hôm nay, nhớ đến lũ con, nhớ đến đám cưới con Thị, ông mon men trở lại bờ mương. Cuối cùng, ông quả quyết, thầm nhủ : « Chà, nếu thắng Sự hay, mình nói với nó một tiếng, lẽ nào nó dám... ! »

Trong đêm tối, tấm thân cực mịch bắt đầu cúi xuống hi-hục cuốc chỗ này, vệt chỗ kia. Lưới cuốc bén xén đất gây nên tiếng sần sật nhỏ. Giòng nước trong

đã bắt đầu theo đường rãnh nhỏ, chảy đi ngoanh ngoéo rồi đến ruộng. Tưởng tượng ngày mai đám đất trắng khô cằn cỗi của ông sẽ thấm đều nước, cha con ông sẽ ra sức cày sâu cuốc bẫm để rồi ông sẽ yên tâm vãi hạt giống trên làn đất mịn, ông Hộ mãi miết làm việc không ngừng.

✱

Cha con ông Mẫn lúi đi trên con đường quen thuộc. Ông Mẫn đi trước, miệng ngâm điệu thuốc lá cháy dở, tay cầm cây gậy. Hai Sự quảy chiếc gàu giai đồng đưa trên cán cuốc vừa đi, vừa ngáp dài, có vẻ uể oải. Mọi hôm anh còn háng hái, mới ăn tối xong đã vác gàu đi. Nhưng hôm nay, có lẽ kiệt sức vì mấy tháng liền trong mùa đậu, ngày nào cũng đan mình dưới nắng thiêu đốt để tát nước vào đám này, đám khác, anh đã ngủ một giấc dài từ hồi chập tối. Thế mà không trúng phiên gác đấy. Những hôm ấy anh còn bận rộn nhiều nữa, nếu có ừ lì chậm chạp một tí là anh tiêu đội đã thẳng vào nhà lòi đi ngay.

Đêm nay, cha anh lay gọi hồi

lâu mà anh không muốn mở mắt. Đôi mi nặng trĩu cứ như dính liền lại một làm, anh mấy lần ngồi dậy lại nằm vật xuống. Ông Mẫn giục lắm, anh mới bước ra ảng nước rửa mặt qua loa rồi quảy gàu theo cha. Anh bước đi những bước chậm chạp và đề cổ tỉnh táo, anh ngẩng đầu nhìn trời đếm mấy vì sao sáng nhất. Một luồng gió đêm mát lạnh thoảng qua làm anh rùng mình, nghĩ đến mùa đông lạnh lẽo. Làm nông như anh, mấy lúc được nghỉ ngơi, cả những khi nắng cháy râm da, cả những ngày mưa gió rét mướt buốt đến ruột gan. Miên man nghĩ vãn vợ về công việc làm ăn rồi trí anh xoay dần qua gia đình. Anh mỉm cười nhớ đến Thị, người vợ sắp cưới của anh. Chính lúc này là lúc anh đang lo thu xếp, tạo phương tiện cưới nàng. Anh nhẩm tính: còn bốn tháng nữa. Cha mẹ anh cũng đang nhắm vào hoa lợi mùa đậu này mà cưới vợ cho anh. Đủ thứ tiền: Tiền cưới, tiền may sắm cho dâu, tiền bông vòng, tiền lễ mễ cỗ bàn thết đãi họ. Vì vậy, càng nghĩ đến ngày sum họp, Sự càng cố gắng nhiều trong công việc đồng áng.

Cũng có lúc anh buồn rầu so sánh sự chênh lệch giữa cảnh ngộ mình với một vài bạn thanh niên đồng lứa trong thôn xóm. Việc vợ con, họ đã có cha mẹ lo cho. Họ khỏi phải nai lưng làm quần quật suốt ngày như mình để kiếm tiền lo đồng này đồng nọ. Nhưng chính vào nhiều lúc buồn rầu đó, anh cảm thấy thương mến người bạn trăm năm nhiều hơn và anh tự an ủi rằng bởi tại mình nghèo túng, và tình nghĩa vợ chồng xây dựng trong sự nghèo túng mới đáng quý.

Hôm nay, chỉ còn một phiên tát nữa là nghỉ để nhõ dạ về nhà. Anh mỉm cười, nhẹ thở ra khoan khoái tưởng tượng đến một ngày nào, đồ lễ cưới la liệt, bà con họ hàng đông đúc và anh, quần áo chỉnh tề, sừng sững mà e lệ đi qua nhà nàng trước cặp mắt ước ao của bạn hữu.

— Sự, mày thấy gì không?

Tiếng ông Mẫn quảy lại thì thầm nói vào tai làm anh giật mình.

Nhanh như cắt, người cha ngồi xuống, nấp vào bụi tràm

bên đường và ra dấu cho con làm theo. Ông chỉ tay về phía trước mặt. Sự nhìn theo ngón tay cha, để ý lắm mới nhận ra một bóng trắng mờ mờ đang lom khom nơi đầu mương, chỗ hai cha con sắp đi đến. Bóng ấy hình như đang cử động luôn tay mà không để ý gì đến bên ngoài. Ông Mẫn nghiêng rặng, lăm bằm:

— Quân chó má, vet hết mương nước mình rồi chứ chi! Cái quân chỉ ung ăn của sẵn.

— Cha có nhận ra ai không? Sự khê hỏi.

— Không, tối quá, không thấy rõ.

Ông Mẫn đỡ lấy cái cán cuốc có đeo gàu tát. Ông trao gậy cho con, đẩy Sự tiến về phía trước mặt, truyền lệnh:

— Đánh chết cha nó đi cho tao! Ai kẹ ai!

Thấy Sự ngăn ngừa, ông đảm cáu:

— Trai tráng đâu mà nhát quá thỏ. Thôi, đưa đây!

Vừa nói ông vừa hăm hăm giục gậy lại.

Cử chỉ của cha làm Sự điên tiết, chạy về phía mương nước,

Anh giá cao cây gậy phang vào bóng trắng đang khom lưng cuốc. Bóng ấy dơ hai tay đỡ cây gậy và một tiếng la: Trời ôi! xé tan sự yên tĩnh của đêm khuya. Sự giật mình để rơi cây gậy xuống nước đánh tòm một cái. Bóng ấy chạy vụt lên phía trên và rẽ ngoặt vào trong xóm. Sự chạy theo, vừa chạy vừa gọi rối rít: Cha, cha phải không cha, cha ơi! Nhưng tiếng lũ chó mấy nhà quanh xóm sủa ran lên làm át tiếng gọi của anh. Đang này, bóng ông Mẫn vác gàu chạy biến về một lối khác.



Về đến ngõ, Ông Hộ đứng dừng lại thở, mồ hôi vã ra như tắm. Ông sờ trán thấy một cục u lớn, đau râm râm. Ông xuất xoa, lăm bầm:

— May mà không đỡ máu.

Qua cơn hồi hộp, ông lên tiếng gọi:

— Thị ơi!

Người con gái chạy ra mở ngõ. Thấy mặt con, Ông Hộ bừng nhớ lại người đã hăm dọa phang ông một gậy, ông hân học, chỉ tay vào trán Thị:

— Chỉ tại mầy mà ra! Chỉ tại mầy mà ra!

Thị sợ hãi, lùi một bước. Nàng tưởng cha có chén ngoài quán nên nói thế. Nhưng không, ông Hộ vẫn xĩa xối vào mặt nàng, mồm cứ lặp một câu:

— Chỉ tại mầy, trăm sự tại mầy.

Thị ngơ ngác, không hiểu thái độ của cha. Nàng đánh bạo hỏi nhỏ nhỏ:

— Tại con làm gì, cha nói thử!

Ông Hộ chỉ tay vào trán ông, nghiến răng:

— Chỉ tại mầy không đưa cái đèn gió cho tao, biết chưa?

Nàng vẫn còn ngơ ngác. Bà Hộ nghe lao xao, trở dậy. Thấy cục u ở trán chồng, bà la lối om sòm. Nhưng ông khoác tay, nói dịu giọng xuống:

— Không hề chi. Chỉ tại không có đèn, tao va nhảm cây trụ ngõ của « Nhà Thông Tin » đó mà! Thôi, dọn đi ngủ.



Thị đứng dưới gốc chuối, vành nón nghiêng hẳn về một bên. Nàng cúi mặt, tay mân mê chiếc khăn tay nhàu nát, thỉnh thoảng đưa lên chùi cặp mắt đỏ

hoe. Từ này đến giờ, nàng vẫn nói mãi một câu:

— Sao anh không đánh cho ông chết luôn đi!

Sự ngồi trên cây đòn gánh gát ngang phiến đá trước bờ giếng, đầu cúi xuống, lộ vẻ đau khổ.

Từ hôm lằm lở phạm đến ông nhạc tới nay, anh luôn luôn bức rức, áy náy không yên mặc dầu ông Hộ coi như không biết kẻ đã chơi cho ông một võ nặng đêm ấy, là chàng rể yêu quý. Ông lặng yên, không hỏi môi cho ai biết. Sự lấy làm khổ tâm. Thà là ông gọi anh tới mắng để anh trầu rượu thú lỗi còn hơn cái thái độ lặng lẽ chết người ấy. Phần ông Mẫn, ông cũng lo sợ như con, ông lo sợ cho chuyện « cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt » của đôi tẻ.

Trưa nay, Sự xốn xang quá, phải hẹn với người vợ chưa cưới ra đây để chàng bày tỏ nỗi lòng, vì anh sợ Thị không hiểu, sẽ giận anh. Thế mà nghe xong, Thị cứ một mực nói câu đó hoài:

— Sao anh không đánh cho ông chết luôn đi!

— Khổ quá, thì tôi đã nói nhiều lần, cô cứ khấn khấn sao,

cô Hai! Chẳng qua cha bên ấy và cha tôi cũng cùng chung lo một việc cho hai đứa mình mà nên nổi. Hai, em Hai, em nên bỏ qua mới phải.

Thị chùng đã cảm động, hết giận vì câu nói cuối cùng của bạn, nhưng còn làm bộ, lườm Sự một cái dài:

— Em em anh anh gì, chút nữa thì ông giận lây, ông đánh tôi bẻ mặt.

Sự bây giờ tươi tỉnh hẳn. Anh cười vỗ nhẹ lên vành nón Thị:

— Thôi mà, trăm sự xí-xóa. Người con gái quay lại, mỉm một nụ cười rất xinh với Sự rồi nghiêng nón đi vào trong ngõ vắng.

MỸ-KHANH



NGÂN HÀ

— Thỉnh thoảng nhà em lại ăn cơm cái kiểu này để nhớ lại những ngày ở chốn lao-tù đấy!



ĐÀM TÀU

★ HỮU - PHƯƠNG

Lời Tòa soạn. — HỮU-PHƯƠNG
là bút-hiệu của một sĩ-quan cao-cấp
Hải-quân Việt-nam. Còn trẻ tuổi,
ông ham nghiên cứu các sách về Hải-
quân của các cường quốc trên thế-
giới, và trong những phút nhàn rỗi ở
dưới tàu, ông thích viết lại một vài
chuyện thích-thú về hàng-hải.

Câu chuyện ông gởi về tặng bạn đọc
PHỒ-THÔNG, đăng trong số này là
có thật, xảy ra hồi tháng 5 năm 1960
ngoài khơi **FLORIDE. ALBATROS**,
loại thuyền chạy vừa máy vừa buồm,
là một hải-học-viên lưu động do
CHRISTOPHER SHELDON chỉ huy.
Cử-nhân thần-học, tiến-sĩ triết-học
và văn-chương, **SHELDON** 34 tuổi
có vợ là Bác sĩ **ALICE SHELDON**
bỏ nghề theo chồng viễn du. Trong
chuyến đi dài hơn 100.000 hải lý
được kể sau đây, ông trở về bến một
minh với 12 thủy thủ đoàn trên 18
người gồm những giáo sư và sinh viên
đại-học.

P. T.



Mãn phiên
hải-hành từ
không đến
bốn, Richard
xuống phòng
ngủ một
giấc. Chàng được lay dậy
ăn sáng hồi 7 giờ 30. Ngồi
nán lại giường, chàng có cảm
trông thuyền lướt nhanh hơn
đêm qua và dường như bị
nghiêng chếch về hữu mạn. Lúc
bây giờ, buồm đã dương và

chàng nghe sóng hốt lên boong
thuyền ngang trên đầu chàng.

Trong buổi đêm tâm, trạng
biên càng thêm bị quan. Albatros
(tên con tàu) bắt đầu nghiêng
ngã dữ dội. Sấm chớp miên
man, tiếng xé không trùng nghe
vọng gần bên tai. Thuyền trưởng
Sheldon nhìn một thoáng lên bầu
trời, quạ vuông hăm mở trên
boong, tuyên bố:

— Điều này, không phải đùa
nửa đâu!

Ấn sáng xong, Richard trở lại
giường, trong ngăn buồng phía
trước mũi. Chàng soạn bài Anh
ngữ ra làm. Hai sinh viên Tom
và Bob cùng ở đây, đang cặm-
cui học bài, còn John nằm dài
trên giường của hắn cạnh
giường chàng, về phía sau.
Thuyền nghiêng thêm khá
nhiều về hữu mạn. Bỗng
một suối nước xanh dờn trút
ập lên mình chàng buộc chàng
kêu lên:

— Ướt hết rồi, cả sách lẫn
giường.

John nhảy chồm dậy, ngạc-
ngác. Mực nước dâng lên nhanh
chóng trong phòng của họ. John
lặng cặm không nói được thành
tiếng. Nhưng ai nấy đều nhận
thực tại họa.

Họ nhảy xuống khỏi giường,

mặc quần đùi, chân ngập nước, nhìn nhau dò hỏi. Họ cố giữ cho khỏi ngã chờ con tàu nghiêng trả lại. Nhưng con tàu vẫn chềch một bên, mạn hữu dính sát mặt nước, mặc dù biển sóng cuồn cuộn.

Charles từ cabin giữa chạy vọt về phía trước, lúc bấy giờ, toán người có cả Richard tháp tùng, lần theo hành lang nhỏ tiến về mũi tàu. Họ định đến miệng hầm, dưới là căn buồng hẹp. Chân họ vấp phải nào máy chữ, nào thức ăn bỏ hộp, mừng mừng bồng bồng trên mặt nước. John bỗng hô lên :

— Yên chí ! không có gì đáng ngại.

Sóng biển tràn vào khắp các buồng hầm. Thuyền bị ngập nước một cách nhanh chóng. Toán người đã xuống được cả trong ngăn buồng nhỏ hẹp sát mũi tàu, nơi đây mực nước lên đến háng. Bob đầu tiên men đến miệng hầm, nhưng hai mảnh ván đập bị áp lực nước bên ngoài ép chặt, Bob dùng tận lực mới nhứt lên nổi. Nước tràn vào thác lũ đầy cả bọn vào buồng và trong nháy mắt căn buồng bị ngập lụt.

Không khí đã thở hết rồi. Bob

và Tom đi lùi lại, trở lên được trên boong bằng lối xuống. John bám sát theo sau. Charles tuy ngập thở nhưng cũng cố tháo ra ngoài. Chỉ còn Richard. Thác nước đầy chàng xuống ép dính chàng vào một tấm vách ngăn khiến chàng mất hướng. Chàng không tìm thấy ngõ ra. Mực nước đã dâng cao đến bờ vai, chàng kinh hãi la lên : Chết, chết ! Nhưng bản năng sinh tồn của chàng thúc giục chàng cố tìm cho ra lối thoát. Chàng nghĩ chàng có thể đi lùi lại và thoát bằng vuông hầm mở ngay giữa tàu. Nhưng chàng không biết được chỗ nào nữa. Thuyền hoàn toàn bị ngập lụt, bây giờ đến lượt phải chống lại với thủy lực. Khí thở gần như đã hết rồi, chàng cố giữ thân mình ngửa trên mặt nước, đầu kê vào vách ngăn. Đang khi ấy, chiếc Albatros từ từ chìm xuống biển sóng.

Richard tự nhủ : « Không thể để chết lặng như vậy. Phải tìm cho ra lối thoát ». Sau đó, chàng phản ứng ngay. Chàng cố nghiêng đầu qua một bên, bỗng chàng trông thấy ánh sáng mờ-mờ cách chàng độ một thước tây. Chàng

hiểu ngay việc gì đã xảy ra. Chiều nghiêng con thuyền đã đổi rồi. Hẳn một khi thuyền ngập nước, khối nước ấy có thể giúp tàu lấy lại cân bằng.

Trường hợp này đã đến. Ánh sáng lu mờ kia tỏ lên. Richard phân biệt hình thể của vuông hầm mở ngõ. Nhưng đã nuồng sức vì ngập thở, chàng không sao phối-hợp các cử động. Với tàn lực của đôi tay, chàng lần người đến ánh sáng, nhưng chỉ đủ sức để nhô đầu ra khỏi miệng hầm. Chàng trút hết hơi thở còn lại một nửa trong buồng phổi để lòn một tay ra ngoài bấu chặt. Sau cùng chàng thoát được toàn thân song chàng mệt đến ngất đi. Lúc ấy, tiềm thức chàng lay gọi : « Đừng vội đi đâu nhé. Cố nín thở lâu hơn. Sẽ trời lên được ».

Richard cắn răng. Chỉ có thể, chàng mới cầm giữ được hơi thở. Chàng không biết mình cử động nhưng chàng biết mình từ từ nổi lên, thân chàng chạm nhiều mới nổi. Thời gian này, chàng có cảm tưởng như bất tận. Cho đến khi giọt mưa bắn vào mặt, chàng mới hay mình đã nổi lên. Chàng ngước đầu hít

manh một hơi dài. Bầu trời xám xịt đột nhiên bừng sáng, chàng nghĩ như thế.

Chung quanh Richard, sóng dâng cuồn cuộn. Con thuyền đã biến mất rồi. Chiếc Albatros và đoàn thủy thủ của nó, những chàng trai vui trẻ yêu đời đang trên đường về tổ ấm, bây giờ ở đâu ? Chàng chỉ còn thấy bồng bênh nơi này một chiếc giỏ rau, vài hộp dự trữ, những cỗ chai và một số mảnh buồm manh vụn vặt...

Nhìn về phía dưới gió, Richard đếm được ba người đang cố bám vào thân một chiếc xuống cấp-cứu, bị lật úp. Chuck, đứng rồi, với mớ tóc đỏ trở màu vàng cam. Cùng với John, vành trán hói của hắn bóng ngời dưới nước xanh. Chàng bơi về hướng của họ. Vừa khi gần đến, chàng kêu John :

— Tao tưởng rồi mạng rồi.

— Đâu có dễ như vậy. John đáp :

Hắn nói có lý. Bây giờ, thuyền họ không còn nữa. Họ đang bị bằm giữa khơi, không ai hay biết việc gì đã xảy đến với họ.

Bơi gần đến xuống, Richard

nhận ra thuyền trưởng Sheldon, đang hí ngóay với chiếc bè cao su chưa được bơm phồng. lát sau, chiếc bè màu vàng đã thành hình, khác nào một vị cứu tinh hiện đến.

Thuyền trưởng leo lên bè cùng với hai thủy thủ đoàn đuối sức nhất. Những người còn lại cố lật ngược xuồng bị úp. Richard sức nhớ : bà Sheldon đâu rồi ? Thật là dã man ! Chỉ trong hai phút đồng hồ, con người mất cả thuyền, cả ngôi nhà lẫn cả người yêu.

Rồi chàng dáo dác tìm người bạn thân. Chàng hỏi John :

— George đâu rồi ?

— Hắn không thoát được.

Chàng lăm lăm đếm số đầu người đang bơi. Tất cả có 13. Thế là mất đi 6 : bà thuyền trưởng, George và 4 sinh viên. Những người sống sót khác cũng dùng mắt tính ngay bài toán trừ ác nghiệt.

Lúc bấy giờ, Sheldon nắm lấy ngay tình thế, ra lệnh tắt cả hợp sức lật ngược xuồng lại và tát nước đi. Không một tiếng thở than, con người ấy xoay nghĩ đến việc cứu nguy những kẻ sống sót.

Đột nhiên, chiếc xuồng thứ hai từ dưới lòng biển vọt lên mặt nước. Quả là món quà quý báu của đại-dương ! Họ chộp lấy, lục xét những hộp kín nước của xuồng. Thức ăn khô và nước ngọt dự trữ trong ấy có thể đủ dùng trong ba tuần lễ nữa. Sau đó, họ chia nhau lên hai xuồng. Theo lệnh thuyền trưởng, họ sẽ hướng mũi về bờ biển phía tây Tiểu-bang Floride. Trong khi sắp sửa lên đường, Tim cất tiếng gọi Sheldon :

— Thuyền trưởng, tôi tưởng chúng ta nên quây quần đây một lát xem còn có thể cứu vớt thêm vật gì nữa không.

Ai ai cũng hiểu Tim muốn nói gì : có thể nào còn người sống sót nữa bây giờ ?

Thuyền-trưởng Sheldon đứng dậy, nhìn biển vô tư. Gương mặt người khó giải đoán được. Mặt biển lênh-bềnh những mụn cây vô dụng, vài mảnh buồm và chiếc mai rùa to, từ hữu của một đoàn viên. Sheldon nhìn biển một chập lâu mới đáp :

— Thôi, không cần. Những gì phải nổi đã nổi lên rồi.

Bây giờ, hai xuồng cấp cứu đã lên đường hướng về Bắc.

Giọng nói đầy vẻ lo-lắng của một thanh-niên nào đó cất lên :

— Thật sự, cái gì đã xảy đến với chúng ta ?

— Một trận cuồng phong chứ gì.

— Không hẳn, Sheldon điềm tĩnh đính chánh. Đó là một trận bạch phong.

— Tôi có nghe thấy loạt gió nào đâu.

Câu nói sau cùng của John. Hắn nói với một giọng ngờ vực, vì chính hắn đã cầm tay lái chiếc Albatros, trong khi xảy ra tai nạn.

Bạch-phong, ai nấy đều thỉnh lặng suy nghĩ. Đây là một hiện-tượng truyền thuyết trong những niên-sử hàng hải : một cây nước đánh tạt qua không báo trước rồi lại biến đi nhanh chóng, sau đó trạng biển và không khí trở lại bình thường. Biết như vậy, nhưng không một ai dám nghĩ ngợi lâu về câu chuyện vừa mới xảy ra.

Suốt buổi hành trình, không một tiếng bình luận về số người bạc mệnh. Thuyền trưởng Sheldon, kẻ đau khổ nhất, đã làm gương cho họ trước tiên. Lúc bấy giờ, điều đáng được chú

tâm là làm thế nào thoát khỏi nơi này. Một cơn mưa ào-đến, đoàn người run-rét. Xuồng lướt đi chòng chành, đuổi theo sau một đàn cá mập dài hơn hai thước, kỳ vọt lên cao rẽ nước phẳng phẳng.

Mỗi người trên xuồng đều có phận sự ấn định : trục phiến, lèo lái, tát nước. Xuồng của Richard bị hỏng bánh lái đã được thay bằng một mái chèo.

Trưa lại, cơn mưa đã tạnh nhưng từ bây giờ đến đầu hôm, họ không trông thấy gì cả. Tối đến, họ chia nhau một phong bánh và một hộp sữa đặc.

Khoảng 10 giờ đêm, Chuck tưởng chừng trông thấy một phi cơ nhưng thật ra một hỏa tiễn đang bay trên quỹ đạo. Một giờ sau, người bên xuồng Sheldon báo có ánh đèn. Trăng dần dần sáng tỏ và hình dáng một tàu dầu đang cùng chiều về Bắc hiện lên rõ rệt ; cách họ độ một hải lý. Thuyền trưởng bắn hỏa châu kêu cứu. Nhưng viên hỏa pháo đầu tiên lên được mười lăm thước lại rơi tòm xuống nước, tiếp tục cháy. Màu xanh nhò-nhọt tỏa ra soi vào những gương mặt lo lắng. Thuyền-

trưởng bắn thêm hai viên nữa, lần này ánh sáng vọt lên không trung nhưng con tàu kia lại xa dần, đèn hướng màu xanh hữu hạn từ từ khuất dưới chân trời. Họ chỉ còn nghe tiếng kêu ri-rít của giàn buồm và tiếng sóng vỗ lách-tách chung quanh xuồng.

Thình lặng nặng nề. Bỗng tiếng thuyền trưởng vang lên :

— Dịp may chắc chắn sẽ đến. Chúng ta đã vào trong vùng nước có nhiều thuyền bè qua lại.

Hôm sau, vừa lúc tảng bưng, xuồng Sheldon tri hô : « có tàu bên phải ! »

Mọi người ngồi chồm dậy ngó về một hướng. Một thương thuyền đang tiến về họ. Chiếc GRANRIO thuộc Hòa-lan. Nó lượn qua một vòng mới chịu ngừng máy. Chiếc thang dây buông thòng bên hông và số người trên hai xuồng cấp cứu lần lượt trèo lên tàu. Sau đó, thương thuyền thẳng hướng về hải cảng TAMPA, thuộc xứ Floride.

Sáng hôm sau, khi tàu sắp sửa cập bến, Richard bị cưỡng vào kho thực phẩm để nghe anh đầu bếp trên thương thuyền ra giọng triết-lý :

— Chuyện gì mà buồn. Đừng thù ghét biển làm gì. Biển lúc nào cũng thế cả. Lúc ra khơi mình phải tiếp nhận mọi sự như nó đến với mình và cố làm theo sức mình.

Đúng như thế, thủy thủ đoàn Albatros đã thu nhận tất cả mọi sự do biển cả gửi đến và mọi người, chết cũng như sống đều đã làm hết sức mình. Riêng Richard, chàng cảm thấy sung sướng vì biết rằng những kẻ khác cũng nghĩ như chàng nghĩ.

Khi thương thuyền GRANRIO cập bến TAMPA, thuyền trưởng SHELDON nhận được một điện tín. Người chìa cho chàng một lá và nói bằng một giọng khác lạ chàng chưa bao giờ nghe :

— Tôi tin rằng anh sẽ thỏa ý khi đọc đến nó.

Bức điện tín ký tên thân phụ một sinh-viên trong số người bạc mệnh, đã nói lên như sau : « Tôi xin gửi đến ông những lời phân ưu thành thật và xin đa tạ ông đã mang đến cho con trai tôi một năm đẹp nhất trong đời nó ».

HỮU-PHƯƠNG

Uống mãi chưa vơi chén rượu sầu,
Nhai hoài chẳng nát chữ thương đau.
Cho nên gầy vẹo, hồn tôi vẫn
Nước nở đêm dài trong hố sâu.

Người đã đi và đã phụ tôi
Buồn sao khắc khoải đến khản lời
Yêu đương, ừ nhỉ. Yêu đương đấy,
Tất cả là thương nhớ ngạt trời.

Năm, tháng trôi mau đến hững hờ,
Chỉ còn, ôi chỉ mấy vần thơ.
Mà đêm nay nữa là đêm cuối
Tôi khóc cho tan những đợi chờ.

Từ biết đời tôi sẽ quạnh hiu
Mộng tình đổ vỡ, ngập hoang liêu
Hai Mươi hoa trắng sang màu tím,
Liệm kín hồn đơn, buốt lạnh nhiều.

Rồi một ngày mai, tôi chết đi
Người ơi. Xin chớ tiễn đưa gì
Có thương xin nhỏ đôi dòng lệ,
Chẳng dám cầu mong... ước vọng chi.

Cố nén sầu thương không thở than
Lòng nghe như tiếng thở đêm tàn
Hoang vu động lại trên viền mắt,
Da dết chỉ hoài những dở dang ?

Giờ còn là những áng mây trôi,
Tôi sẽ đơn côi suốt cuộc đời.
Vết cũ chưa vùi sâu đáy mộ,
Ngàn năm đau dễ đã phai phai.



Bức
thư

P
A
R
I
S

Bạn thân mến,

Tôi đã nói với bạn về đời sống của học-sinh Việt-nam tại Paris. « *Bức thư Paris* » sẽ thiếu sót nếu tôi không nói về phụ-nữ Việt-nam.

Nếu bạn qua Paris, bạn sẽ gặp đàn bà Việt nam trên các đường phố, và nếu vào một buổi mùa hè ấm áp, bạn sẽ thấy các bà ấy trong bộ quốc phục : quần đen, áo dài, giày cao gót. Nhưng — và tôi xin lỗi các bà trước — phần nhiều đàn-bà Việt nam mà bạn gặp trên đường phố Paris với bộ quốc phục đều là từ bốn chục, bốn mươi lăm tuổi trở lên. Ngoài ra, các cô, các bà trẻ tuổi thường mặc theo phụ

★ NGUYỄN - VĂN - CỎN

PHỤ-NỮ

VIỆT-NAM

ở Paris

nữ Âu-phương trong lúc đi học hay đi làm việc.

Xét rõ vấn-đề trang phục không liên can đến tuổi tác mà là đến cách sinh-hoạt : các bà Việt-nam đã có tuổi qua đây thường là theo chồng hay ở với gia đình bà con thân thuộc, công việc của các bà là công việc nội-trợ ; khi nào ra phố là chỉ hoặc đi mua vài thức lặt vặt hoặc đi dạo chơi. Như thế các bà không vội vàng hấp tấp và giờ khắc không có gì bó buộc cả. Bộ quốc phục tha thướt của các bà không những là tượng trưng của sự phong lưu mà còn có đường nét mỹ-thuật.

Các cô, các bà đi học hay đi làm thì khác hẳn. Dân thành

BỨC THƯ PARIS

phố Paris lúc nào cũng « chạy đua với đồng hồ » (course contre la montre). Trên hè đường hay trong lối métro (couloir) phần nhiều họ chạy hơn là đi. Đó là tôi chưa nói đến những người vượt theo ô-tô-buýt để nhảy lên cho kịp. Đã đi làm hay đi học, tất nhiên phải dậy sớm, phải làm « *đuôi* », phải sắp hàng khi đi ô-tô-buýt hay métro, và khi xe đến, phải lên cho nhanh. Như thế thì cái quần ống rộng và cái áo dài tha thướt sẽ bị vướng và làm trở ngại. Vì vậy mà bộ đồ đầm thích hợp hơn, huống hồ bộ quốc-phục của phụ nữ Việt nam hay Ấn-độ lúc nào nhìn cũng khác biệt và bị người ta đề ý xem ngó quá nhiều. Thế thì, đã đi làm hay đi học, hàng ngày phải tiếp xúc với người Âu-phương tốt hơn mặc ngay quần áo theo họ để tránh tất cả những trở ngại.

Thường thường các thiếu-phụ Việt-Nam ăn mặc Âu-phục rất gọn gàng : một cái « pull-over », một cái « jupe » và ở ngoài choàng cái « veste » bằng len hay bằng « daim » (da nai) mùa nực, họ mặc một cái « robe » xinh xinh. Khi nào cần « sang trọng » và « diện » đôi chút, thì chị em mặc

một bộ « *tailleur* » cắt rất đúng « *mốt* ».

Phần đông các chị em mặc có « *goût* » lắm, hơn nữa, phụ nữ Việt-Nam thường « *minh hạc* », xương mai », nên trông gọn gàng, duyên-dáng và có nhiều « *succès* » (thắng điểm). Ở Âu-phương, người đàn bà đẹp phải dong đồng cao, hơi xương xương, vì vậy mà nhiều bà quá « *bự* », tốn rất nhiều tiền, nhiều công để làm mất vài cân thịt, mà nhiều khi cũng vô hiệu quả.

Có lẽ phụ-nữ Việt-Nam từ thuở bé ăn cơm với giá, đậu phụ, nước mắm, ít ăn thịt, uống nước trà, nên dáng người thanh thanh và trẻ lâu !

Những bà có tuổi mặc y-phục Việt-Nam thì phần đông vẫn giữ những tính cổ-truyền, tức là e-dè, điềm đạm và hiền hậu. Từ cách đi đứng cho đến cách ăn nói, lúc nào cũng khoan thai, kín đáo. Ít khi ta thấy các bà ấy bắt tay, trừ ra khi nào gặp các người Âu-phương ở các buổi hội-hop. Còn các chị em nữ học-sinh thì trông bộ « *mới* » hơn và hồn nhiên hơn.

Thường thường buổi trưa, tôi gặp các chị em ở quán cơm

PHỒ-THÔNG - 91

39

«bình dân» dành riêng cho sinh viên. Tay xách cặp, tóc uốn ngắn, mặt không son phấn, các chị em trông tự-nhiên, nhanh-nhẹn. Gặp nhau, hay gặp các bạn trai, chị em bắt tay, nói cười vui vẻ, không có vẻ gì thẹn thùng, lúng-túng. Nhưng, nếu ta chỉ chú ý và «nhìn lén», ta sẽ nhận thấy trong lúc ăn, lúc nói, chị em còn giữ được vẻ nhu mì, đứng đắn của dân-tộc Việt-Nam. Và nhìn kỹ hơn, ta vẫn thấy các chị em rất khác đàn bà Âu-phương: tuy cười nói vui vẻ, nhưng lúc nào cũng nghiêm chỉnh, đoan-trang, tuy sống giữa kinh thành tự do, nhưng không khi nào suồng sã, uống rượu hay hút thuốc trước công chúng.

Đôi khi trong métro, tôi gặp thiếu nữ Việt nam đi một mình, hay đi với các chị em; giữa đám người chen chúc nhau, tôi thấy riêng biệt một khuôn mặt hiền từ, một dáng người thanh tú và điệu đi khoan thai, khiến tôi nhớ mấy câu thơ:

«Người nước tôi! đáng yêu
kiểu, diêm đạm
Trải bao năm vẫn là ảnh đào-
nguyên!»

Bây giờ chúng ta hãy tìm xem hoạt-động của phụ-nữ Việt-nam ở Paris là những gì?

Các bà nào có chồng đi làm việc, thì chỉ ở nhà trông nom bếp núc, dọn dẹp và xem sóc quần áo của chồng con. Nghe thế, ta chớ vội cho là nhàn hạ, vì ở bên này phần đông các bà phải tự mình làm lấy hết, không có người ở như bên nhà. Tại sao? — Vì tiền công rất cao! (chẳng hạn muốn một người «bonne», mỗi tháng lương tối thiểu là 35.000 quan, tiền ăn 2 bữa, mỗi ngày 700 quan; mỗi tháng là 21.000 quan. Cộng chung là 56.000 quan mỗi tháng. Tính theo giá bạc 5 quan một đồng, thì mỗi tháng là 11 nghìn 2 trăm đồng bạc ta. Đó là chưa kể, ba tháng chủ nhà phải đóng 30% tiền công của người làm vào quỹ «xã hội bảo đảm» (Sécurité Sociale). Như thế, phải giàu lắm mới muốn được người ở; mà người ở làm có giờ giấc — độ 8, 9 giờ một ngày, chứ người chủ không có phép bắt buộc người ta làm lụng đầu tắt, mặt tối, cả ngày cả đêm như trâu, như ngựa.

Trong ngày nghỉ, cô «bonne» đi nhà thờ, hay đi dạo phố, quần áo bánh bao, duyên dáng, giầy cao gót, tay mang «găng» trắng, đã mấy ai nhận được giầu xã hội giai cấp trên người cô. Theo đó, bạn nhận thấy cô là công dân của một nước có tổ-chức, và *con người có tiền* không có quyền đối đãi với *con người không tiền* như nô-lệ, theo thời phong kiến xưa kia!

Vì muốn người phải trả tiền công quá đắt, nên các bà Việt-nam qua đây thường phải ra tay làm lụng: đi chợ, nấu ăn, quét dọn nhà cửa, giặt dũ. Như thế cũng gọi là bận, vì quay đi quay lại đã hết ngày.

Bây giờ phải làm việc vất vả, và khi thấy cách người Âu-phương đối đãi với người làm mướn, hay đúng hơn thấy luật lao động bảo-vệ nhân phẩm và quyền lợi của những người tôi tớ, chắc có lẽ đôi khi các bà nghĩ lại cũng thương hại cho những người ở với mình xưa kia. Nhiều bà Việt-nam bên này giúp chồng, hay tự mình buôn bán làm ăn một cách rất đảm đang.

Thường thường, người mình hay mở tiệm ăn; có nhiều tiền

thì mở tiệm có hạng, còn ít thì mở quán cơm bình dân; nhưng dù mở sang, hay mở thường, lúc nào tiệm ăn cũng có thể sống được. Không hiểu vì lẽ gì, mà «mốt» ở Paris là đi ăn cơm Tàu hay cơm Việt. Trưa hay chiều thứ bảy, tiệm nào cũng đông; những người Pháp đã ở bên mình, lúc nào cũng thích đi ăn cơm Việt hơn. Họ vẫn nhớ chả lụa, phở, nem Thủ-đức. Tôi đã ngạc nhiên thấy nhiều phụ nữ Âu-phương cầm đĩa rất ngon lành.

Ngoài việc mở tiệm ăn, các bà còn phụ giúp chồng điều khiển một nhà ngủ, hay một tiệm giặt ủi. Nhưng lúc sau này, ít người mở tiệm giặt, vì nghề này, tuy xem dễ làm, nhưng rất phức tạp, chẳng hạn như phải dò số quần áo, hay «drap» cho kỹ, kéo quần áo của người này đưa làm cho người khác thì rầy rà lắm.

Nghề xem Hôtel cũng khó, vì phải vào sổ tên tuổi, địa-chỉ của khách. Nhớ mà quên, thì sở Cảnh-sát phạt nặng lắm, nhứt là nếu chứa, làm những tên tù vượt ngục, hay trộm cướp mà không biên tên cẩn-thận.

Tại Paris cũng có một hai

tiệm sách bán đủ sách Việt-Nam, và gần đây đã có ba bốn cửa tiệm «trạp phở» bán các thực phẩm xứ ta như nước mắm, bánh tráng, tôm khô, mắm, kèm theo nem, đậu phụ, v.v... Máy tiệm này được khách hàng Việt-Nam đến khá đông, và người Pháp đã ở lâu bên Việt-Nam cũng biết mua về nấu ăn ở nhà.

Bây giờ ta nên nói đến hoạt động của các cô, các bà trẻ tuổi.

Có nhiều người hoặc đã học xong, hoặc vì cảnh gia-đình mà bỏ học, nên đi làm. Vài ba bà mở phòng khám bệnh, chữa răng, còn số đông đi làm thư ký tại các công sở. Ngoài ra, các chị em trẻ tuổi phần nhiều đang còn đi học. Nữ sinh-viên Việt-Nam số đông theo học Y-khoa, hay Dược-khoa; một số ít theo học văn-chương hay chính-trị. Ngoài tiếng Pháp ra, chị em theo học sinh-ngữ, như Anh-ngữ hay Hoa-ngữ. Vì phần xuất sắc, có lẽ, các chị em sinh viên không bằng nam sinh viên, nhưng về sự đều đặn, chăm chỉ và ít khi bị loại hẳn, thì các chị em lại có phần chắc hơn phái nam.

Tôi đã nói phần đông chị em

lúc đi học thường mặc Âu-phục, nhưng những ngày hội họp quan trọng, hay trong những ngày xuân ấm dịu, chị em vẫn mặc quốc-phục. Áo hồng, áo tím phất phơ trong gió, quần đen tha thướt, đôi giày cao gót, làm cho phụ nữ ta có một dáng điệu thanh nhã đài các. Giữa đám đông người toàn mặc Âu-phục, bộ quốc phục của phụ-nữ Việt-Nam nổi bật hẳn lên, và vẻ mỹ-thuật đã làm cho nhiều người trầm trồ ngợi khen. Dáng điệu của chị em không còn xa lạ với người Âu-phương nữa. Họ khỏi cần hỏi cũng biết đó là phụ nữ của nước Việt-Nam.

Trước kia nhiều người Âu còn lẫn lộn người Trung-Hoa, người Nhật-bồn và người mình, nhưng bắt đầu từ năm 1950, chị em qua bên này học đông hơn trước thời chiến tranh 1939 — 1945, nên dân chúng Pháp quen biết người mình hơn trước.

Tại các học đường, và trong cuộc đời, sống hàng ngày tại các « quận » (arrondissements) của thành-phố Paris, chị em Việt-Nam lúc nào cũng làm thơm danh xứ sở, mặc dầu đôi khi hàng xóm hơi lạ với mùi cá k o với nước mắm.

Thân mến chào bạn và xin hẹn « Bức thư Paris » kỳ sau.

NGUYỄN-VĂN-CỒN

nghe ngào

*Hoa lá theo xuân đã úa tàn
Hè về rồi hết, đợi Thu sang.
Thu theo gió giục cây rời lá !
Lại đón Đông về buốt cả gan.*

*Vầng trăng tròn khuyết đuôi năm đi
Bảy lần mây xám lợp biên thù
Dòng sông lịch-sử hờn pha nước,
Quan-tái đôi miền khóc biệt-ly !*

*Đồng xanh, ruộng lúa, thuở nào tươi
Tóc phủ màu tang tất nự cươi
Máu nghe từ tim, tràn mắt lệ,
Đếm từ năm tháng ! đếm ngày rơi !*

*Trời xanh, chim trắng, chiếc cầu ngang
Mơ ước ! Ôi thôi ! bạt gió ngàn.
Khói quện mây chiều xanh hóa xám
Máu hòa nước bạc biển màu tang !*

*Thôi đừng hoài vọng nữa người ơi !
Tang thương đã ngự trị đây rồi !...
Hoa Xuân thôi nở, vì gươm súng,
Xám cả Thu Đông xám đất trời.*

★ **LÊ-MINH-TRANG**
(Cần-thơ)



Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

1910-1960

(Tiếp theo P.T. 90)

N Ó I đứng ra, 5 cậu con nít nẩy đều có cảm-tưởng là đang làm một việc «động trời», cho nên trò nào cũng còn ngại-ngùng sợ sệt. Ai mà khi-không dám cầm roi quật vào mông ông Tây? Nhưng ngẫu-nhiên được cơ-hội «đánh Tây», Tuần tỏ ra hăng hái nhất. Tuy rằng cậu không có thù-oán gì ông Tây Quan-Ba nẩy đâu, trái lại, từ lúc mới gặp cho đến bây giờ cậu và 4 đứa bạn đều kính mến ông và được hân-hạnh chơi thân với ông, nhưng sẵn «trò-chơi» kỳ-quái và nguy-hiểm nẩy do ông Tây bày-đặt ra, và chính ông van-lơn, năn-nỉ các trò đánh đập ông, Tuần bỗng-nhiên cảm thấy từ trong thâm-tâm nổi dậy sự vui thích đã-mạn được đánh một ông

Tây cho thỏa-mãn lòng «cắm-thù». Đó là ảnh-hưởng đầu tiên của những bài thơ ái-quốc mà cậu đã được đọc lên trong hai tờ báo bí-mật Việt-Nam-Hồn và Le Patria.

Sự «cắm thù» hoàn-toàn vô-ý thức, vì không có lý-do gì cả đối với cá-nhân ông Tây Quan-Ba rất hiền-lành từ-tề kia, nhưng Tuần sung-sướng được dịp cầm roi quật «trót! trót!» thật mạnh, thật đau, trên đôi mông trần-truồng của ông Tây, vừa đánh đã đời, vừa chửi cũng đã đời: «Tô ch... thằng Tây! Tao hoánh cho chết ch... mày! Sao mày qua lấy Nước tao?... Sao mày bắt bỏ tù Vua Duy-Tân của Nước An-Nam?...» Thật là một cơ-

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

hội hi-hữu, vừa là một dịp đầu-tiền trong đời trẻ con của cậu học-trò trường Tây được đánh một ông Tây! Tuần đánh nhiều hơn cả, liền tiếp ba cây roi tre đều đập nát hết. Rồi đến phiên 4 trò kia cũng thi nhau mà đánh, mà chửi, một trò không dám đánh mạnh, một trò vừa đánh vừa cười! Ông Tây vẫn nằm yên, sấp mặt xuống đất, tay chun bị trói chặt bằng mây vòng giây dũa to bằng ngón chân cái. Theo đúng lời căn-dặn của «khô-chủ», 5 trò đánh nát cả chục cây roi tre, đè trên hai mông của ông chàng-chặt những lần roi rướm máu, rồi giã muối ớt thật cay để xát vào những lần máu kia. Quái lạ làm sao! Ông Tây vẫn nằm yên, không hề tỏ vẻ gì đau - đớn cả, và không kêu la một tiếng. Nhưng khi năm bàn tay học trò xát mạnh muối-ớt lên những lần roi ứa máu, thì tội này nghe ông bắt đầu rên-rỉ... Ông rên-rỉ một giọng khoái-trá, một giọng dễ-mê... như tiếng mèo được ôm ghi lầy mèo cái trong đêm khuya rên rỉ trên mái nhà.

5 đứa học trò «An-Nam»

không hiểu cái lời «chơi» gì lạ-lùng quái gở của ông Tây.

Nửa giờ sau, cuộc «chơi» chấm dứt. Mười cây roi tre đã đập gãy xác xơ, năm muối ớt chà trét trên mông ông Tây cũng đã hết rồi. Ông nằm rên một lúc khá lâu, mắt nhắm riết gần mười phút đồng hồ, không quấy cựa. Năm cậu học trò ngồi xuống đất, hồi-hộp đợi xem.

Tuần khẽ bảo mấy đứa bạn:

— Nè, nếu ông ngồi dậy la làng-xóm, thì tội mình chạy trốn hết nhé. Đứa nào đứa này lên về nhà, năm. Sáng mai đừng đi ra phố mà cũng đừng nói gì cho ai biết chuyện này; tội bay nghe?

Tất cả đều bắn-khoăn lo sợ! Trò Tuần sợ nhất vì chính trò «cắm đầu» vụ này và trò đánh ông Tây hăng-hái nhất.

Ông Tây mở mắt mỉm cười, tuy nụ cười hơi mệt-nhọc. Ông nói chậm-rãi, uể-oải, nhưng giọng nói thỏa-mãn:

— Ah! mes enfants! C'est bien! C'est très bien! Merci!... Merci!...

(À, các con ơi! Giỏi lắm! Giỏi tuyệt! Cảm ơn!... Cảm ơn!...)

Ông bảo tiếp :

— Maintenant, délivrez-moi de cette corde de coco ! (Nào, bây giờ các con hãy cởi hộ cái giây dừa ra cho ta).

5 đứa học trò xúm lại mở giây trói ra cho ông rồi ông lấy áo quần mặc vào. Ông móc túi áo lấy cho thêm mỗi đứa 2 đồng bạc, vừa nói lầm-rầm trong miệng :

— Merci ! Merci ! (cảm ơn ! Cảm ơn !)

Ông và lũ học-trò kéo nhau xuống thành phố. Dọc đường, Tuần hỏi cuộc « chơi » lạ kỳ ấy có ý-nghĩa gì, và ở bên nước Tây người ta thích chơi kiểu đó lắm sao ?

Ông Tây mỉm cười đáp :

— Đó là một lối chơi riêng của người Âu-châu, nhưng chỉ có số ít người chơi thôi, nhất là những người ở Hải-quân, vì họ đi ngoài biển tháng này qua tháng nọ ít được tiếp xúc với đàn bà... Nhưng các con đừng nói lại chuyện này cho ai biết nhé.

Mấy cậu học trò vẫn không hiểu gì cả, và ông Quan-Ba, thuyền trưởng chiếc tàu *Orénoque*, cũng không nói thêm câu nào nữa. Hình như

ông mắc-cờ, cho nên gặp chiếc xe kéo bánh cao-su đang đi lang-thang kiêu-khách, rung lạc len-keng... len-keng... ông Quan Ba vội vàng nhảy lên xe bảo chạy ra bãi biển.

Mấy hôm sau, chiếc *Orénoque* đã rời bến đi mất rồi, Tuần mới dám đem chuyện đánh ông Tây Quan Ba ra thuật lại cho một vài vị Giáo-sư nghe và nhờ quý vị giải-thích giùm cho. Nhưng tất cả các giáo-sư và mấy thầy làm việc gần Tây đều không ai tin câu chuyện của Tuần, cho rằng Tuần đặt chuyện nói láo.

Câu chuyện thắc-mắc « đánh ông Tây » vẫn còn in đậm trong đầu óc Tuần mười mấy năm sau. Tuần muốn tìm hiểu cho kỳ được. Một hôm ngẫu-nhiên ở thư viện Hà-nội Tuần đọc một quyển sách Pháp nói đến các chứng bệnh về tình dục (Maladies Sexuelles) có tả một câu chuyện giống hệt như chuyện Tuần đánh ông Quan Ba. Trong sách bảo lối « chơi » bệnh hoạn ấy gọi là *Flagellation*. (Đánh roi). Nhưng vị Bác sĩ tác giả quyển sách cũng không giảng-giải rõ ràng,

chỉ phân tách một vài triệu chứng đau thần kinh mà thôi.

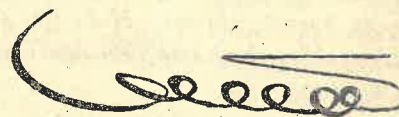
Vụ Quan-Ba Tàu *Orénoque* do Tuần và 4 đứa bạn nói cho nhiều người nghe, vài ba hôm sau cả thành phố đều biết. Và sau đó 8 tháng, chiếc tàu *Orénoque* trở lại cập bến, nhưng viên Công-Sứ Pháp cai trị thành phố ra lệnh cấm ông Quan Ba lên bờ.

Có lẽ để giữ thể diện chung cho người Pháp ở Đông-Dương chăng ?

Tuần và 4 đứa bạn vẫn khoe

với mọi người rằng chúng đánh Tây mà được Tây thưởng tiền ! Lời khoe-khoang của con nít còn khờ khạo, nhưng sự ngẫu nhiên được đánh Tây tuy là một hành động may mắn do chính ông Tây kia xúi giục để thỏa mãn một chứng bệnh tình-dục của ông, nhưng không hề đó cũng là khởi điểm một thỏa mãn thẩm lên được « đánh Tây » và « chửi Tây » của mấy cậu học trò « An-nam » 14, 15 tuổi đã đọc *Việt-Nam-Hồn*...!

(còn nữa)



★ Trả lời một nhóm bạn đọc thân-mến, người Việt Gốc Hoa

Theo như tôi đã nói trước, trong lời nhập-đề, «Tuần, chàng trai nước Việt» không phải là một tiểu-thuyết, mà là một « dẫn-chứng lịch-sử và xã-hội » của một thời-đại. Tất cả những sự-khện được thuật lại trong thiên ký-ức này, đều là những việc có thật và mỗi việc đều có liên-quan đến cuộc tiến-triển của Lịch-sử cận-đại Việt-Nam Chỉ có các tên người là thay đổi không đúng với những tên thật, nhưng tác-giả cố-ý lựa chọn toàn những nhân vật điển-hình, tiêu-biểu cho các tầng lớp người của thế-hệ 1910 — 1960.

Kể lại những chuyện thật đã xảy ra trong thời-gian qua, là những tài liệu sống của Lịch-sử và xã-hội Việt-Nam. tác-giả luôn luôn trung-thành với thực-tế dù rằng thực-tế ấy thường chưa chín, mĩa mai, đôi khi chạm đến danh-dự của cả người Việt-Nam thuở trước, và phản-ứng một tâm trạng không tốt đẹp ở thời-kỳ bị nô-lệ cho Tây.

Chuyện học-t ở trường Qui-nhon đánh lộn với các Hoa-Kiều ở hiệu « Diêu-Ký », năm 1924, là chuyện có thật, và tất cả những điều ghi chép về vụ này đều có thật, không phải là chuyện bịa-dặt. Đã gọi là dẫn-chứng lịch-sử, thì bịa đặt sao được ? Những người Việt-nam và Hoa-Kiều ở Qui-nhon năm 1924, và hiện còn sống, đều đã chứng-kiến vụ ấy. Cũng như những vụ học-trò đánh với Hoa-Kiều ở Quảng-ngãi, Huế, Vinh, Sài-gòn, Hà-nội, Nam-định, Cần-thơ, v.v... trong thời-kỳ ấy, đã chứng tỏ rằng lúc bấy giờ giữa Việt và Hoa chưa có tình hữu-nghị, thân-ái như ngày nay. Đó là điều quan-trọng. Cũng như vụ học-trò trường Tiểu học Quảng-Ngãi đã phản-đối lính khố-xanh, và sau này tác-giả sẽ thuật lại những vụ học-trò Hà-nội, Huế, Sài-gòn, Vinh, Qui-nhon, v.v... bất khóa chống chính sách thực-dân Pháp, năm 1925—1927 v.v... đều là sự thật cả.

Sự thật của lịch-sử dân-tộc, chỉ là sự thật của một giai-đoạn lịch-sử. Cũng như các sách Sử-ký Việt-nam trong chương-trình giáo-dục dạy cho học-trò về những bậc anh-hùng Trưng-Trắc, Lê-Lợi, Hưng-Đạo, v.v... đánh đuổi quân Tàu từ mấy Thế-kỷ trước, cũng là những sự kiện Lịch-sử dẫn chứng tình-hình chính-trị và xã-hội Việt-nam của giai-đoạn ấy mà thôi.

Lịch-sử là Lịch-sử. Dù Lịch-sử bang-giao Việt-Hoa có trải qua những thời-kỳ đau-dớn như thế, sự kiện ấy không thể « xúc phạm đến danh-dự » của Thế-hệ Hoa-Kiều 1962, và không thể nào « Làm hại đến tình hữu-nghị Việt-Hoa » hiện giờ.

Mong các bạn người Việt gốc Hoa thông-cảm rộng-rất theo đà tiến-triển Lịch-sử và Xã-hội.

TÂN-PHONG

K H Í T U Ọ N G H Ọ C

của
tiền-nhân
ta

★ NGUYỄN TRIỆU



Phạm những hiện tượng ở trong bầu không-khí bao-la trời đất mà chúng ta có thể thấy được, nghe được, cảm-giác được, đo lường được, đại-đề

có những yếu-tố như khi nóng, khi lạnh, cơn nắng, cơn mưa, tiếng sấm tiếng sét, cho đến sắc những đám mây đen, vàng, sức gió mau chậm, cùng các thứ hình-trạng do khí trời phát ra, ấy là khí-tượng. Người ta dùng mắt trần, óc khôn, hoặc lấy cơ-khí để đo-lường xem xét những hiện-tượng ấy cho biết dữ lành, lợi hại thế nào, tức là khí-tượng học.

Khí-tượng đã có nhiều yếu-tố như thế, lại đối với các cuộc sinh-tồn động-tác của loài người, bất cứ về phương-diện nào, sự-nghiệp gì cũng có vang bóng quan-hệ, không trực-tiếp thì gián-tiếp. Thật thế, dù một đám mây biến sắc, một cơn gió xoay chiều, ta chớ lằm nhĩ không ăn thua dính-dấp gì đến đời sống của ta ! Nay, lớn từ việc quốc-phòng, việc dân-sinh, nhỏ đến sự an-ninh của xã-hội, cuộc lại vang trong dân-gian, nhất nhất chịu khí-tượng chi-phối và nhờ có khoa-học khí-tượng mà được gặp lợi tránh hại không phải là ít. Từ các công cuộc giao-thông, vận tải, bưu-chính, khai-khăn, cho tới mọi nghề chăn-nuôi,

trồng-tĩa, kỹ-nghệ, bán-buôn, không một thứ kinh-doanh, một ngành hoạt-động nào của con người ta có thể làm mất lạ được với khí-tượng và những biến-thái ở trong bầu trời.

Bởi thế, khắp các quốc-gia ngày nay, những cơ-quan gọi là « quan-tượng-đài », là « khí-tượng-đài » là « khí-tượng-trắc-nghiệm-sở », hay là « thiên-văn-đài » như chúng ta quen gọi không phân-biệt, dựng lên như nấm mọc. Người ta rèn tập những nhân tài chuyên-môn, chế tạo những cơ-khí tối-tân cốt để xem xét khí-tượng thật-tinh, thật đúng cho cả dân-sinh, quốc-phòng và các sự-nghiệp trong xã-hội cũng được hưởng-thụ lợi-ích.

Ví dụ, đoàn pháo-đài-bay định tải hàng-tấn bom đi dội xuống nơi nào, hoặc một chiếc phi-cơ vận-tải sắp sửa cất-cánh lên không, nếu được tin quan-tượng, đài báo cho biết sẽ có giông-tổ trên đường mình bay thì tất phải đình cuộc phi-hành qua một giờ khác, không dám mạo-hiểm; nhờ đó mà tránh được tai-nạn thiệt-người, hại của vô-ích. Cũng như một đoàn ghe chài, hãy hoãn chờ neo kéo buồm, vì biết sắp có cuồng-phong ngoài bề; nhà canh-nông hiểu rõ khí-tượng,

chắc không khi nào gieo, trồng liêu-linh để cho mất vốn uổng công. Ấy, công việc xem xét khí-tượng có ích cho người ta đại-khái là thế.

Nhưng chẳng phải đến nay người ta mới biết xem xét khí-tượng và hiểu chỗ lợi-hại của nó đâu. Kỳ thật, khí-tượng-học đã có lai-lịch thâm-niên lắm rồi, ở phương Đông ta hay ở phương Tây cũng vậy.



Phương Tây, bốn năm thế-kỷ trước Thiên-chúa kỷ-nguyên, đã có nhiều nhà học-thức lỗi-lạc về môn khí-tượng, gia công tìm tòi xem xét, trứ thư lập ngôn, để lại những cái nguyên-tắc, dù đến bây giờ vẫn còn giá-trị.

Khoa-học này, phương Đông ta còn sớm hơn nữa..!

Trung-quốc và các Quốc-gia ở Miền Đông-á, nguyên xưa lấy nông nghiệp dựng nước, cày bừa trồng tĩa là căn bản dân sinh, các bậc Đế-Vương Thánh Hiền đắp đời vẫn xem việc « Trĩ lịch minh thời (治曆明時) » làm nhiệm vụ tối trọng, cốt để giúp dân biết sớm muộn khí hậu, quý tiết đời thay, cho việc canh nông khỏi lầm lỡ thời cơ, thu được mùa màng chắc chắn.

Vì thế, khí tượng học này nở sớm lắm. **Nghiêu** hát *Khánh-vân*, **Thuấn** đặt *toàn-cơ*, **Thi kinh** có chương *Mân-phong*, **Lễ-ký** có thiên *Nguyệt-lệnh*, đều là những tác phẩm quan hệ về Khí-tượng-Học mà phương Đông tự-phụ được rằng có sớm hơn người. Rất đời có người thông-minh như **Sư-Khoáng** đời Xuân-thu, có thể chiêm nghiệm khí hậu bằng tiếng âm nhạc. Từ nhỏ, ông học âm-nhạc, bực tức vì không được chuyên, tự nghĩ rằng « nghề mà chẳng tinh, là vì tâm đề nhiều nơi; tâm mà bất nhất là vì mắt thấy nhiều sự... » thế rồi ông hui mắt cho đui mù đi, hầu được chuyên tâm học nhạc. Đến sau có thể lấy tiếng đàn mà đoán biết khí hậu biến hóa không sai.

Mặc dầu khí-tượng-học phương Đông mở trước Thiên hạ và có những tác-phẩm như *Nguyệt-lệnh*, *Mân-phong*, có nhân tài lạ lùng như **Sư-Khoáng**, mà đến nay sánh lại phương Tây, chỗ thua kém xa cách nhau gần như Trời vực, là tại làm sao...?

Thiệt tưởng không vì lẽ gì

khác hơn là tính chất người phương Đông mình, chỉ thích hòa-bình tồn-cử; phạm một việc gì đã tìm ra được đôi chút, đã cho là đủ dùng rồi, cứ lấy thành kiến và kinh-nghiệm mà theo, chẳng muốn bận rộn trí khôn suy cứu cho mới lạ tấn tới hơn hữa. Thành ra, không những về khí tượng học, còn nhiều trí thức khác, tuy mình có tiếng phát minh lợi dụng từ những đời nào, mà rốt cuộc phải theo chân học lại thiên hạ không xong...



Khí tượng học của các cụ ta ngày xưa cũng là nhân vào thành kiến và những sự kinh-nghiệm lâu đời, chớ không có phương-pháp nghiên-cứu hay là nguyên tắc khoa-học nào cả.

Đời nọ đời kia, khẩu thụ tâm truyền, chỉ chiêm nghiệm thời-tiết mùa màng phần nhiều ở quyền lịch, câu vè, và những sách xưa để lại, nhất là quyển « *Ngọc-hạp quảng ký* » tương truyền của **Hứa-chân-quân**.

Ví dụ hôm mong một tháng giêng, khí-vận một năm bắt đầu, các cụ bảo cứ xem 4 phương

trời, nếu có mây vàng, thì năm ấy thế nào cũng *phong-dăng hòa-cốc*; trái lại, nếu sáng mồng một, có sương mù, không phải là điềm lành, đáng lo *đại-hạn*!

Ngày *Lập-Xuân* nắng ráo, ấy là tin mừng cho con nhà Nông, cả chiêm lẫn mùa, năm chắc thu-hoạch tốt đẹp. Lại có thể xem ngày hôm ấy, nhằm vào can, chi nào mà đoán định niên-vận xấu tốt: nó nhằm *Giáp, Ất* thì được mùa; *Bính, Đinh*, có đại-hạn, *Mậu, Kỷ*, lo lúa xấu; *Canh, Tân*, người không yên; *Nhâm, Quý*, chắc lụt lội.

Các ngài thử xem trong tháng hai, nếu có ba ngày là ngày *Mão*, thì quanh năm, lúa má, hoa quả đều được mùa.

Mưa rào hôm mùng một tháng ba là một hiện-tượng quan-hệ, vì nó báo trước tai-dịch lao-đao đến nơi. Nhưng ngày *Thanh-Minh* có gió *Nam* thì lại là giai-triệu cho con nhà Nông.

Tiếng sấm cũng có ảnh-hưởng cho nông-nghiệp dân-sinh đảo-đề...! Tháng hai, giữa tiết *kinh-trap*, mà có sấm kêu ran, từ hướng họ sang hướng kia, gọi là sấm «trôi», thì trông năm thóc gạo rē. Trái lại, trong

tháng tư mà hai ngày *giáp-tý* và *Canh-thìn* có sấm thì lúa bị sâu ăn..., cũng như tháng tám, giữa ngày *thu-phân* sấm chớp thì gạo tất kém!

Tóm lại, mỗi ngày, mỗi tháng, khí-tượng phát-hiện thế nào thì có quan-hệ liên-lạc đến cuộc đời sinh-hoạt, nghề nghiệp nông-tang của chúng ta thế nào, tiền-nhân đều lấy kinh-nghiệm mà đoán-dịnh tốt xấu, dừ lành dữ cả. Trên đây chúng tôi chỉ kể mấy việc làm lệ chứng thế thôi.

Sự kinh-nghiệm của tiền-nhân không phải hoàn-toàn sai-lạc; kỳ thật vẫn chứa có nhiều cái giá-trị học-thuật đáng cho chúng ta nghiên-cứu. Nói cho công-bằng, lắm điều tiền-nhân ta nhận xét, tưởng như thành-kiến không hợp với khoa-học đời nay, nhưng nghiệm ra sự thật, ta thấy vẫn đúng.

Chẳng phải có khoa-học xây-dựng lên bởi nền-tảng kinh-nghiệm và thành-kiến đấy ư?

Muốn cho độc-giả biết khí-tượng học của tiền-nhân ta một cách rõ hơn, đề mà chiêm-nghiệm cả năm, chúng tôi sao lục bài ca dưới đây, tựa là *Chiêm chu niên khí-hậu phong*

sắc ca; tác-giả tên gì không rõ, chỉ thấy chép trong một cuốn gia-phả xưa mà chúng tôi được xem qua, đề *biệt-hiệu* là « *Cụ huyện Hiệp-Hòa* ».

Cứ trong ngọc-hạp chiêm niên
Chép làm quốc-ngữ đề truyền
cho con.

Dấm dàu làm khéo làm khôn,
Gọi là đề dạy gia-môn nhà mình.

Biết năm, biết tháng dừ lành
Biết mưa biết nắng, được dành
ấm no.

Biết cơ ắt cũng khỏi lo,
Dầu mà tiền bạc đề cho chẳng
tày.

Tháng giêng từ trước kể
ngay :

Lập-xuân sao được một ngày
tạnh cho.

Lập-xuân tạnh thời được
mùa,

Đầu năm mồng một sương mù
hạn tai.

Mây vàng khắp bốn phương
trời,

Thời trong năm ấy thanh thoi
mùa màng.

Thượng-nguyên trời nắng
chang chang,

Quả hoa năm ấy mọi đường tốt
tươi.

Tháng hai *Kinh-trap* sấm
trôi,

Được mùa năm ấy gạo coi như
bùn.

Ngày *Xuân - phân*, có mưa
phùn,

Quanh năm chẳng có tai ôn
dầu mà!

Tháng hai ngày *Mão* được
bã,

Nơi nơi lúa thóc quả hoa được
mùa.

Trong ngày *Xuân - Xá* mà
mưa,

Lúa nhiều mà giống quả-hoa
chẳng nhiều.

Tháng ba mồng một mưa rào
Ấy điềm tai-dịch lao-đao chẳng
lành.

Gió *Nam* trong tiết *Thanh*
Minh,

Thỏa lòng những kẻ nông canh
cây bừa

Mồng ba mưa, tốt tằm tơ,
Đoạn rồi xem tiết tháng tư

Lập hè.

Gió *Đông* ắt bệnh chẳng chi,
Mưa ngày mồng bốn gạo suy
bằng tiền.

Mưa ngày mồng tám *phong*-
niên,

Sấm ngày *giáp-tý*, *canh-thìn*,
sâu keo.

Tháng năm *Đoan-ngọ* mưa
rào,

Sấm ngày *Mang* hiện thấy
hầu cũng no.

Hạ chí mưa, lúa đầy bờ,
Gió *phương Tây-Bắc*, hải lờ
Hạn-tai.

Tháng sáu, Tam phục nắng
 Ruộng nhiều lúa ít, hạn tai khá
 Tai thương mùa ấy chẳng
 Thời tai Vũ-tuyết ba đông
 Tháng bảy lập thu không
 Vật nào vật nấy Trời chia nửa
 Nhưng mà Mưa Quý phân
 Mưa dầm thì lại mất ăn lúa mùa
 Ngày Xứ - thứ mà mưa to.
 Cũng diềm mất mùa lúa trở
 Khí trời tháng Tám Thu-
 Mây bạc lúa muộc được ăn
 Sấm chớp thời kém thương đi.
 Thu-xả mưa thì tốt lúa sang
 Tháng chín nũng một sương
 Ất là thời - khí tai xâm bệnh
 Tháng ấy nắng lắm cũng nao,
 Sấm ran thời gạo giá ngang
 Ví mà nắng ngày Trùng-
 Thế là diềm báo nắng khan đã
 Mưa ngày Trùng - dương
 No nê lúa gạo, nông canh
 thỏa lòng.
 Tháng mười, ngày Nhâm lập-
 Ruộng cao sâu nước uồng công
 Năm ngày Nhâm, còn vừa
 Gặp ngày nhâm-tý thời lo tồn
 Tháng một mừng một gió
 Thời sinh đạo tặc, lắm loài
 Tuyết sương thời lắm ma
 Bằng ngày Đông - chí, thiên-
 Trời tạnh mà không mặt Trời,
 Thái-bình thiên-hạ nơi nơi bằng
 Tháng chạp mồng một gió
 Tai ương lục súc hải-hùng xiết
 Đại-tuyết thời hạn năm sau,
 Tình minh mới được phong thu
 Diềm trời ra trước rành rành,
 Một năm khí vận xem lành đối
 Lấy trong Quan lịch mà so,
 Biết thời, biết tiết, làm mùa,
 Mười hai tháng mây câu nô
 Gia-truyền để lại nghìn năm lâu
 dài.

N. T.

duyên kỳ ngộ

★ ĐÀO-TỨ-LANG

(U. P. Philippines)

Người ở đầu non, ta cuối non ;
 Ước mơ hội-ngộ buổi trăng tròn.
 Nợ duyên còn nặng tình vương-vấn
 Nên kiếp này cam chịu héo hon.
 Trãi mấy trăng rồi xa cách nhau ;
 Nhớ thương hoa lá cũng thay màu,
 Khi mùa thu đến vàng rơi rụng
 Hạnh phúc tìm về : hết khổ đau !
 Người biến thành Trăng, ta hóa Mây ;
 Đêm Rằm tháng Tám cảnh mơ say,
 Gặp nhau lưu-luyến, tình không nói,
 Mây trắng, Trăng vàng lá lướt bay !..

tôi nghèo

TRẦN-HỮU-HẠNH

(KBC 4950)

Tôi tưởng yêu em đến trọn đời !
 Không ngờ chỉ có nửa chừng thôi.
 Tôi nghèo em phải sang thuyền khác
 Duyên nợ từ đây đã hết rồi !
 Đời tôi Binh-sĩ có giàu đâu
 Chiếc áo quân nhân đã bạc màu.
 Chỉ biết hy sinh cho lẽ phải,
 Dù đời có chịu lắm thương đau !
 Em theo tiếng gọi của giàu sang
 Bỏ một đời tôi sống dơ gian
 Lỗi nhip ôm lòng tôi khóc hận
 Nụ cười em rẽ bước sang ngang !

làm sao tránh sự
lộn xộn trong việc

PHIÊN - ÂM

danh-từ ngoại-ngữ

★ NÔNG-BẰNG-GIANG

(Tokyo)

LTS.—Vấn đề «Phiên âm danh từ ngoại-quốc» đã được nêu ra nhiều lần. Tạp-chí **Phổ-Thông** cũng đã có đề-cập đến, cùng lúc Ô. Nguyễn-Vỹ có trình bày rõ-ràng quan-điểm của **Phổ-Thông** về cách phiên-âm thích hợp nhất, trong một buổi diễn thuyết ở Câu Lạc Bộ Báo-Chí do Bộ Thông-Tin tổ-chức.

Rất tiếc, các nhà văn nhà báo ở Sài-gòn hình như không tha thiết lắm với vấn đề quan trọng này và mỗi người phiên âm mỗi cách, không có phương pháp nhất định, không có lập trường rõ-rệt.

Chúng tôi vui mừng nhận thấy ở Paris các ông Hoàng Xuân Hãn, Võ quang-Yến, Ng. văn Cồn, và ở Tokyo bạn Nông Bằng Giang cùng chung quan-điểm với **Phổ-Thông** Tạp-chí.

Phổ-Thông

HÃU hết những người Việt nam mà tôi gặp ở đây, trên con đường hồi hương hoặc xuất-ngoại, đều nhờ tôi viết tên của họ ra chữ Hán, với mục-đích để cho người Nhật hiểu, chiều ý họ, tôi đã viết những gì mà họ đã đòi hỏi, nhưng tôi cũng không quên viết tên của họ theo lối phát âm Nhật ngữ (chữ KATA-GANA) tuy nhiên tôi vẫn yêu cầu họ nên đề nguyên ngữ tên của họ hơn là phải dịch hoặc phiên-âm làm chi.

Có thể nói đây là quan-niệm sai lầm của người Việt khi đến Nhật, họ muốn cho người Nhật hiểu rõ ý-nghĩa về tên riêng

PHIÊN-ÂM DANH-TỪ NGOẠI-QUỐC

của họ, nhưng họ đã quên là khi làm cái việc ấy, người Nhật chỉ hiểu được ý nghĩa về tên của họ, chứ người Nhật không thể gọi tên họ được. Mà mục đích của họ là muốn cho người Nhật hiểu rõ ý nghĩa tên của họ hay là muốn cho người Nhật gọi tên họ dễ dàng? Hơn nữa phiên âm và dịch như thế còn làm cho người Nhật lăm lăm trong lối đọc, do đó mà tên của họ đang có ý nghĩa cao đẹp, nếu có, lại bị người Nhật vô tình gọi một cách vô lễ. Tôi lấy ví dụ như có một anh tên Quân, anh ấy muốn cho người Nhật hiểu tên anh là Quân, nó có nghĩa là vua, là quân tử, mới viết tên Quân ra chữ Hán là 君. Nhưng khổ nỗi khi gặp chữ 君 (Quân) như thế người Nhật không đọc là Quân mà lại đọc là KUN hay là KIMI, nghĩa là thay vì gọi anh là Quân người Nhật gọi anh là KUN hay KIMI.

Ở đây tôi muốn nói ý nghĩa hai chữ KUN (君) và KIMI (君) trong cách dùng của tiếng Nhật ra làm sao, và nói tại sao nó lại có ý vô lễ.

— Trong tình bạn hữu thân-

thiết chữ KUN có nghĩa như ANH, và chữ KUN bao giờ cũng được đặt sau một danh từ riêng chỉ về người. Ví dụ bạn gọi nhau.

Tanaka KUN (田中君): anh Tanaka.

KUNIMOTO KUN (國本君): anh KUNIMOTO.

— Chữ KUN còn có nghĩa như chữ anh, dùng khi viết thư, hoặc đề ở phong bì, cũng thường dùng cho những người thanh niên trẻ và thân nhau.

— Giáo sư gọi tên học sinh, sinh viên cũng dùng chữ KUN. Ví dụ như giáo sư muốn gọi tên học sinh, sinh viên có tên Tanaka chẳng hạn thì gọi là: TANAKA KUN.

— Chữ KUN này gần như không bao giờ dùng để gọi người con gái, trừ một vài trường hợp đặc biệt vô ý, nhưng rất vô lễ, kém lịch-sự.

— Chữ KIMI, trong cách dùng tiếng Nhật có nghĩa như chữ MÀY của Việt-Nam, hoặc như chữ TOI, chữ TU của Pháp, những người trẻ tuổi bạn bè thân thiết thường dùng.

— Người lớn tuổi, có địa-vị

rất thường dùng chữ KIMI để gọi người nhỏ tuổi, địa vị thấp hơn, nhưng ngược lại là một điều vô lễ, kém giáo-dục.

Sự khác biệt ấy, chúng ta thấy rằng vô tình tên Quân đã bị người Nhật gọi một cách vô lễ, chẳng phải là một điều đáng tiếc hay sao. Hơn nữa, như chúng ta biết đã là danh từ riêng thì gần như nó không có nghĩa, nếu có nghĩa chẳng nữa tôi tưởng cũng không có một cuốn tự điển nào có thể định nghĩa nó một cách chắc chắn rõ ràng được. Nhất là tên của người, nó có tính cách truyền tộc, đôi khi lại có tính chất tình cảm và có màu sắc ái tình. Như vậy, việc phiên âm, dịch danh từ riêng chỉ về người chẳng phải là điều vô lý ư?

Ngược lại người Việt nam cũng đã dịch phiên âm những danh từ riêng chỉ người từ nguyên ngữ ngoại quốc ra tiếng Việt. Ví dụ như :

KISHI	dịch là	Ngạn
IKEDA	—	Trì Điền
MEIJI	—	Minh Trị
TANAKA	—	Điền Trung
NAPOLÉON	—	Nã-phá-Luân
KARL MARX	—	Cát-Mát
KONGLE	—	Không Le

Chúng ta thấy sự phiên âm này căn cứ vào lối viết chữ Hán và lối phát âm ngoại-quốc. Thử xét hai lối phiên âm, dịch trên đây có cho, chúng ta những ưu điểm gì và những ích lợi nào không.

— Từ chữ KISHI (岸) và IKEDA (池田) phát âm theo người Nhật là KY-SI (KISHI) và Y-KÊ-ĐA (IKEDA), chúng ta lại dịch là NGẠN (岸) và Trì-Điền (池田) làm cho chúng ta nghe như hai tên mới lạ, chẳng hiểu Ông IKEDA (池田) với ông Trì-Điền là một người hay hai người. Điều này còn cho ta một sự bối ngỡ, một sự hiểu biết chậm và làm cho chúng ta phải suy nghĩ nhiều và nếu phải tiếp xúc với người ngoại quốc thì họ chẳng bao giờ hiểu hai ông NGẠN và ông Trì-Điền là ai, dù hai ông là cựu và đương kiêm Thủ-Tướng Nhật bản.

— Nếu theo lối phát âm ngoại quốc làm cho chúng ta cảm thấy như người dịch cố ý xuyên tạc, hay ít nhất cũng đã tỏ ra không đúng đắn trong vấn đề này. Ví dụ như :

KHRUSHCHOV dịch là Kút-xếp
KONGLE — KHÔNG-LE
SIHANOUK — Xi - à - Nút

Trong lối phát âm ngoại-quốc, chúng ta còn nhận thấy còn có nhiều điều sai lầm không đúng, giả như chữ KONGLE phần đông người ngoại quốc đều đọc là Công-Lê, ngay như người Laos họ cũng đọc là Công-Lê (KONG-LE), chỉ có người Cambodia đọc là KHÔNG-LE (KONGLE). Chữ Sihanouk theo lối phát âm của người Cambodia là Xi-ha-nút, chứ không phải là Xi-à-nút. Như vậy, nếu muốn phiên âm theo lối phát âm ngoại quốc thì nên dùng lối phát âm của người bản xứ hơn hay là dùng lối phát âm quốc tế.

— Trong lối phiên âm này đôi khi còn cho chúng ta những hiểu lầm đáng tiếc, giả như danh từ Nã-phá-Luân, một số người từ lâu vẫn nghĩ rằng nó phát xuất từ lối phát âm Pháp-ngữ của chữ Napoléon, nhưng thật ra danh từ Nã-phá-Luân lại dịch từ tiếng Trung-hoa 拿破倫 (NÃ-PHÁ-LUÂN).

Nếu phiên âm theo lối phát âm ngoại-quốc đúng đắn hơn nữa, chúng ta thấy nghe nó cũng ra làm sao ấy, giả như nếu chúng ta phiên âm :

BERGSON — Bết-xong
MICHIKO — Mi-chi-cô

Hơn nữa, lối phiên âm này sẽ

có nhiều khó khăn trong lối phiên âm quốc tế, vì nếu đem một tiếng đa âm để viết thành tiếng đơn âm tưởng là một việc làm khó khăn vô cùng và nghe ra cũng lấy làm chướng tai gay mắt lắm. Giả như những danh tài riêng như : Winston Churchill, Eisenhower, Jean Paul Sartre, Schopenhauer... thì phiên âm ra làm sao.

Đến đây, có thể ai cũng đồng ý với tôi là cả hai lối phiên âm dịch trên đây đều có khuyết điểm. Một đằng thì chịu ảnh hưởng văn hóa Trung-hoa sâu đậm và một đằng lại không giải quyết được vấn đề phiên âm quốc tế. Nếu chúng ta nghĩ rằng vì ngôn-ngữ của chúng ta quá nghèo nàn đến nỗi phải vay mượn tiếng Trung-hoa, như vậy cũng không có gì gọi là nhục nhã lắm, nhưng chúng ta phải nghĩ rằng chữ Hán mà chúng ta dùng hiện tại (trong Hán-Việt từ điển của Đào-Duy-Anh và thiên chữ) có giống với chữ Hán của nước Trung-Hoa và Nhật-bản đang dùng hiện tại không. Tôi xin nói là không. Đối với thanh thiếu niên Nhật-bản hiện đại họ chẳng biết được những chữ Hán cổ, vì chữ Hán đương dùng trên toàn lãnh thổ nước Nhật đã được sửa đổi, nghĩa là được đơn giản hóa những chữ quá nhiều nét. Và ngay đối với người Trung-hoa

hiện tại, chữ viết của họ cũng đã thay đổi ít nhiều.

Để tránh những khuyết điểm trên, tôi tưởng chỉ có một cách duy nhất là nên đề nguyên ngữ những danh từ riêng ấy. Và nếu đề nguyên ngữ như vậy, chẳng những chúng ta tránh được những khuyết điểm ấy mà còn cho chúng ta những điều lợi như sau :

— Không lệ thuộc vào văn hóa Trung-Hoa.

— Cho chúng ta hiểu nhanh chóng và có thể nhận biết ngay cá nhân mang tên danh từ riêng ấy là người của nước nào. Ví dụ như :

Khi nghe tên những người nào có tên như là Tanaka, Nakamura, Michiko, Yukiko... chúng ta có thể đoán được họ là người Nhật. Khi gặp những người có tên như Leibnitz, Kant, Schopenhauer, Nietzsche... chúng ta phải nghĩ rằng họ phải là người Đức hay ít nhất cũng có thể đoán rằng những người mang tên như thế thường là những người ở vùng Đông Âu. Hoặc những danh từ riêng như Epictetus, Marcus Aurelius, Epicurus,... cho ta cảm thấy như họ là người La-Hy. Còn những danh từ riêng như là Sartre, Gide, Voltaire, Hume, Hobbes cũng

cho chúng ta hiểu biết nhanh chóng, rõ ràng. Cũng theo phương pháp này chúng ta có thể đoán nhận ra những danh từ mà chúng ta chưa đọc, biết qua bao giờ.

— Khi đã quen thuộc với những danh-từ riêng ấy, còn có cái lợi, là chúng ta có thể đọc, và tham khảo bất cứ một sách báo nào viết bằng những thứ tiếng thông dụng nhất thế giới. Giả như học sinh, sinh viên từ lâu chỉ quen dùng sách pháp, chỉ quen những danh từ như Platon, Aristote, Epicure, Marc Aurele, Aristote... chẳng hạn, đến khi tham khảo những sách báo viết bằng Anh-ngữ, Đức-ngữ thì tránh sao khỏi bối ngỡ.

— Giúp cho học sinh, sinh viên quen dần với lối phát âm ngoại-quốc, để có thể đọc đúng với nguyên âm của tiếng nước đó. Nếu là danh từ riêng mà nguyên ngữ là tiếng Đức, hoặc Mỹ, hoặc Nhật thì nên có gắng phát âm cho đúng với lối phát âm của tiếng Đức, hoặc Mỹ, hoặc Nhật... chứ không phải bất cứ nguyên ngữ nào cũng phát âm theo pháp-ngữ.

— Khi tiếp xúc với người ngoại quốc sẽ có sự thông cảm nhanh chóng hơn. (còn nữa)

NÔNG-BẰNG-GIANG

Thôi còn bao nhiêu mộng
Tôi gói lại cho tròn
Đem dâng về biển cả,
Về trời xanh muôn phương.

Trả cho người thuở ấy
Với mộng đầy trong tim.
Trả cho người tình-ái,
Một mùa thu êm-dềm.

Giữ chi lời miễn-cương,
Và tình-yêu-mây-bay ?
Người đã không hò hẹn
Sao tôi thiết-tha hoài ?

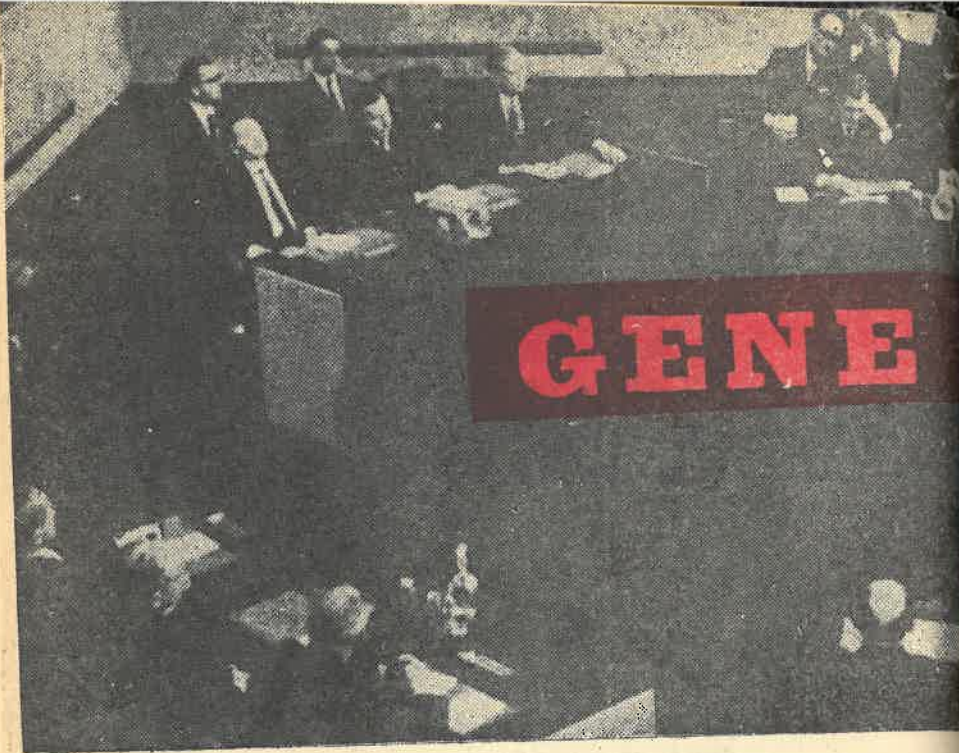
Mượn lửa nồng thiêu đốt
Những dư-ảnh cuối cùng
Dẫu không nhìn nhau nữa,
Tro tàn gói thủy chung.

Không còn chi ràng buộc
Người về cuộc sống xưa
Tôi đi vào xa lạ
Những bước chân hững-hờ.

Ôi những ngày tháng cũ
Với mộng vừa phôi-pha
Với một niềm thất-vọng
Xin từ nay cách xa,

Tôi đi rồi tất cả
Hoàng-hôn và đắng cay
Vụt trở về quá-khứ
Tôi còn lại ngày-mai.

Hai tay liền trút bỏ
Cuộc đời xưa nào-nề,
Tôi đi tìm phương đó
Với linh-hồn-pha-lẻ.



★ **LÊ - THỊ - ĐÍNH**
(Suisse)

Cô Lê-thị-Đính là một bạn đọc của Phở - Thông tạp-chí, ở Bruxelles (Belgique), từ 1960. Nhân kỳ nghỉ hè vừa rồi cô cố đi qua Suisse, với một cô bạn đồng môn, Nữ Bác-sĩ. Anh. Cảm-xúc vì « sơn-thủy hữu-tình » của xứ này, và được phép dự một phiên « Hội-nghị » Genève, hai cô cao hứng viết một bài hồi-ký đề kỷ-niệm cuộc du-lịch hào-hứng này. Bài của cô bạn người Anh, viết bằng Anh-văn gửi về một tờ báo Phụ-nữ ở London. Bài của nữ Bác-sĩ Việt-nam viết bằng Việt-ngữ, gửi về Phở-Thông tạp chí.

Cô Lê-thị-Đính viết riêng về tòa báo một nhận-xét như sau đây : « Có điều hơi buồn một tí, là bài của Jane, tôi đọc được, còn bài của tôi, tôi phải dịch cho Jane nghe. Buồn, là tiếng mẹ đẻ của người ta được thông-

dụng hơn, nên ai cũng học, còn tiếng mẹ đẻ của mình, được mấy người ngoại-quốc biết đến?... Nhưng dù sao, tôi hy-vọng nếu chị Diệu-Huyền đăng bài của tôi, tôi cũng sẽ được hành diện đưa cho bạn tôi xem bài của mình được đăng trong một tạp-chí Văn-hóa có giá-trị hiện nay ở Nước Nhà mà hình thức và tinh-thần không kém gì một tạp-chí Văn-hóa ở London.

Đây là một chút tự-ái chủng-tộc, nên tôi nghĩ rằng nếu « văn chương » của mình không đến nỗi lúng-cúng quá, không lẽ chị Diệu-Huyền không đăng?... »

Chúng tôi rất vui lòng dành riêng cho Bác-sĩ Lê-thị-Đính 5 trang trong kỳ này, và 5 trang tiếp theo kỳ tới, để đăng trọn vẹn thiên hồi-ký rất hấp dẫn của cô.

Diệu-Huyền

LẦN đầu tiên chúng tôi đến nước Suisse, (1) chúng tôi có cảm-tưởng như lạc vào một Truyện Thần Tiên thơ-mộng. Các bạn hãy tưởng-tượng hai thiếu-nữ xa-lạ nắm tay nhau đi trên bờ hồ Zoug một buổi chiều mùa Thu, mà ánh nắng đang điểm-tô một bức tranh tuyệt-tác trên đỉnh núi Righi ! Khách du-lịch Âu-châu đến nơi đây rất đông. Phong cảnh thật đã hữu-tình, mà trên mặt của người dân bản-xứ cũng có một nét hiền-hòa khả-ái. Chúng tôi chào một thiếu-nữ đi lang thang một mình trên bờ Hồ, — định làm quen. Cô ta mỉm cười chào lại bằng tiếng Đức.

Cũng may là chúng tôi có biết chút ít tiếng Đức tạm đủ dùng để trao-đổi vài câu chuyện hàn-huyên. Cô là người Thụy-sĩ, nhưng cô cũng như đại-đa-số dân-chúng ở vùng này (miền Đông) đều nói tiếng Đức. Phong-cảnh ở đây đẹp rất hấp-dẫn là nhờ ngọn núi Righi không cao quá 1.800m, và khí trời sáng-suốt, êm-dịu, mặt nước Hồ trong-vắt như pha-lê với những đường vân gợn xanh, hồng, tím... Người Nhật ca-

ngợi núi Fouji của họ, nhờ tuyết đông thường xuyên trên đỉnh núi, tạo thành một cảnh-tượng đặc biệt. Núi Righi là một cảnh cũng tuyết-mỹ như thế, mà cả Âu-châu đều biết tiếng. Khách-lãng du khắp thế-giới đã đến Suisse thì không thể nào không đến xem thắng cảnh nơi đây. Núi Righi không có tuyết nhưng ánh nắng sáng và chiều phản-chiếu trên đầu non thành một màu trắng linh-động, chói lòa như một đỉnh núi kim-cương. Tôi cứ tưởng rằng trên thế-giới chỉ có phụ nữ Việt-Nam là hay mơ-mộng, tôi không ngờ trước một bức tranh thiên-nhiên, huy-hoàng tráng-lệ, dù là phụ nữ nước nào cũng không thể tránh được tâm hồn bị quyền rũ bởi những màu sắc diễm-huyền, phối hợp nhau như một tình yêu vĩ đại. Ngồi trên cỏ xanh, Jane bên cạnh tôi, im lặng có hàng giờ ! Jane nhĩa tôi mơ màng, nói :

— Không có người yêu nào đẹp hơn Chúa. Không có tình yêu nào lớn hơn tình

(1) Tên chính-thức, người Việt phiên-âm theo người Tàu, là « Thụy-sĩ ».

GENÈVE

yêu Thiên-nhiên... Phải không, Ding ? (2)

— Đúng thế, — tôi đáp, — cho nên các Thi-sĩ của nước tôi, từ trước đây 5. 6 thế-kỷ, đã thích ngồi uống rượu ngâm thơ, để ca tụng những non nước gấm hoa, những cảnh trí bao-la vắng lặng, hình ảnh của Kỳ-vĩ và của Thái-bình.

Dưới chân núi Righi, không để chúng tôi để giòng tư-tưởng tự nhiên tuôn ra, vì nói cho đúng, ở đô thị lớn, chúng tôi bị cả ngày vui đầu vào công việc ở các bệnh viện, gần các bệnh nhân, đầu còn được giờ phút rảnh rang để suy nghĩ những điều trong sạch hơn, cao thượng hơn. Jane nói tiếp :

— Rất đáng tiếc, một xứ yên-tĩnh và xinh đẹp vô cùng như Swiss, một xứ mà toàn thể dân-chúng chỉ yêu chuộng Hòa-bình và cần-lao, lại bị bọn chính-trị quốc-tê chọn làm nơi gặp-gỡ để bàn-cãi về chiến-tranh ! Nào là « Hội-nghị Hòa-bình », « Hội-nghị tài giảm binh cụ » v.v... toàn là những danh-từ giả dối, đáng ghét, bị lạm-dụng

để che-đậy những cuộc dự-bị chiến tranh... Thật là chán khi được dự một phiên nhóm Hội-nghị Hòa-bình xứ Lào, như chúng ta, chỉ chứng-kiến thực-sự những trò mánh lới bịp-bợm, những mưu-mô xảo-quyệt để chuẩn-bị một cuộc chiến tranh tàn-khốc hơn, dưới chiêu-bài hòa-bình, thông-nhất quốc-gia, trung lập ! Chị có thấy không ? Họ bảo đến Genève để thảo-luận « tái lập hòa-bình », nhưng họ ngồi xung quanh bàn tròn để đá-kích nhau, chửi bới nhau, toàn những giọng thù oán, căm-hờn, chỉ muốn mưu-mô giết hại lẫn nhau mà thôi !

— Thật đây, họ sẽ có hòa-bình ! Nhưng họ chỉ dùng « hòa-bình » giả-tạo ấy làm khí-cụ để sắp đặt một chiến tranh kinh khủng trong đó phe nọ cũng muốn tiêu-diệt phe kia. Lần đầu tiên tôi được dự một phiên nhóm Quốc-tê lo kiến thiết hòa-bình cho một nước láng-giềng bé nhỏ của nước tôi thì tôi đã thất

(2) Jane, cũng như các bạn ngoại quốc, gọi tên tôi như thế.

vọng ! Tôi chỉ thu-nhập được cảm-tưởng là họ đang cùng nhau tiến tới một cuộc chiến tranh sát vào biên giới Việt-nam. Tôi không hiểu gì về chính-trị cả, nhưng những cuộc bàn-cãi mà chúng ta đã dự thính hôm trước tại trụ-sở Liên-Hiệp-Quốc ở Genève đã mở mắt cho tôi để thấy rõ hiểm-họa chiến tranh hơn là viễn-ảnh Hòa-bình !

— Vậy cho nên chính phụ-nữ ở xứ Swiss này không bao giờ thích đi xem các Hội nghị Quốc-tê nhóm ngay ở Genève, thủ đô của xứ họ. Chỉ biết không, cả đến những vấn đề chính trị trong nước họ, họ cũng không muốn tham gia bàn bạc.

Không bao giờ họ đòi bình đẳng với đàn ông, hoặc đòi quyền bầu cử quốc-hội. Lý tưởng của phụ nữ Swiss là Hòa - bình. Họ chỉ phụng sự hòa bình cho gia đình và Tổ-quốc của họ.

Chương trình cuộc du ngoạn mà hai đứa chúng tôi đã sắp đặt từ trước, là làm sao xem lễ Quốc khánh của Thụy-sĩ. Thì đây, chúng tôi đã đến đúng hẹn và hôm nay là ngày 1 tháng 8, lễ Quốc-khánh của toàn dân Liên-bang Thụy-sĩ.

Trời vừa tối, đồng hồ chúng tôi đã chỉ 7 giờ, thì

bỗng nhiên một ngọn lửa bốc cháy sáng rực trên đỉnh núi Righi. Đây là ngọn lửa tượng trưng, kỷ niệm Lịch-sử thông-nhất 25 «tổng» của nước Suisse từ năm 1815. Tất cả các ngọn núi ở Thụy-sĩ đều nổi lửa đêm 1 tháng 8, theo tục-lệ ngày Quốc-Khánh của họ, để đáp lại tiếng gọi hiệp-nhất mấy vùng « tự-trị ».

Vì hẳn các bạn cũng biết rằng nước Suisse chia ra bốn vùng khác nhau về ngôn ngữ : ở miền Đông, nhân dân nói tiếng Đức, miền Bắc và Tây họ nói tiếng Pháp, và miền Nam nói tiếng Italia. Tuy khác giọng nhưng toàn thể nhân dân đều hiệp-nhất thành một Liêng-bang Suisse không phân biệt nguồn gốc chủng-tộc. Ngày Quốc-khánh 1 tháng 8 mà chúng tôi được chứng kiến hôm nay bắt đầu bằng cuộc đốt lửa ở trên các đỉnh núi Alpes và các núi khác, nhắc lại cuộc đốt lửa « ăn thề » hồi năm 1815 quyết chống lại các kẻ thù xâm lăng, đoàn kết toàn thể các lực lượng trong nước, và bảo-vệ nền Tự-do Hòa-bình, Trung-lập, của Liêng-bang Suisse. Cuộc đốt lửa trên các đỉnh núi đã tạo ra trước mắt chúng tôi một cảnh tượng hùng-vĩ, thiêng liêng, đẹp vô cùng !

(còn một kỳ nữa)

Danh-Nhân Thế-Giới

Triển-bản Thế-Kỷ Hai-Mươi

7. — Charlie CHAPLIN

(Tiếp theo P.T. số 90)

NĂM 1931, Charlie Chaplin đi du lịch vòng quanh thế-giới với một bạn thiết, tài tử Ralph Barton đã có lần chán đời toan tự tử vì vợ. Thấy bạn đồng cảnh ngộ với mình như trước, nên Chaplin này thiện cảm muốn giúp đỡ anh ta.

Tại Âu-châu, ông được nhiều chánh khách, danh nhân tiếp đón : từ thủ tướng Churchill đến nhà thông thái Einstein đều có hội kiến với nhà thiên tài điện ảnh. Ông còn được gặp thánh Gandhi ở Luân-đôn nữa.

Trong những cuộc hội-đàm, Charlie Chaplin đem những ý kiến của ông về cái-cách kinh-tê ra thảo luận vì ông thiết tha mong ước có những biện pháp kinh-tê gì khả dĩ cải-thiện đời sống dân nghèo.

Năm 1952 là một năm quyết định khúc quẹo trong đời ông. Tại Mỹ có dư luận đã kích Charlot là « tá khuynh » ; chánh-phủ Mỹ cho ông hay rằng cần phải xét lại vấn-đề có nên để ông được quyền trở lại Mỹ không. Ông vẫn là dân Anh từ trước đến giờ.

Charlot không cần cầu-khẩn và ở luôn Âu-châu từ đó.

Tính ra trong gần 40 năm, Charlot vừa đóng phim vừa sản xuất được gần 80 cuộn phim.

● ĐỜI TÌNH-CẢM CỦA CHARLOT

HỒI Charlot thành công lớn ở Mỹ, trở thành tỷ-phú, thì cuộc đời tình cảm không hề

đem lại cho Charlot chút hạnh phúc nào trong những năm toàn thịnh ấy. Trái lại, có



khí vì giàu có, mà hạnh phúc gia đình của ông bị thương-tồn vì ông gặp phải người vợ chỉ biết thương cái tài-sản lớn lao của ông thôi.

Ba lần lấy vợ là ba lần tan vỡ đau thương, có lần còn bị mang tiếng xấu, bị dư-luận nổi lên kết án nữa.

Charlot lấy vợ lần đầu vào năm 1918, năm 29 tuổi. Mùa hạ năm ấy, ông gặp cô Mil-fred Harris mới 16 tuổi, con một người đàn bà giúp việc tẩm thường trong phim trường. Hai người yêu nhau và làm phép cưới ngày 23 tháng 10 năm 1918 tại Los Angeles. Ở với nhau được một năm thì Harris xin ly-dị, lấy cớ rằng Charlot quá

keo-kiệt ; nàng dám đặt chuyện với báo chí rằng chồng nàng bắt mẹ vợ vá quần áo và mạng vớ cho nàng. Charlot trả lời bằng cách đưa ra làm bằng có những cuộn ngân-phiếu trong đó những số tiền tổng cộng 55.000 Mỹ - kim đã được lấy ở ngân-hàng ra để chi-dụng cho gia-đình trong một năm. Tuy vậy báo chí vẫn không tiếc lời mạt sát người chồng vô-phước.

Ngày 19-11-1920 tòa tuyên án cho ly-dị : cô Harris được lãnh số tiền cấp dưỡng 100.000 Mỹ-kim.

Lấy vợ lần thứ nhì, Charlot gặp con báo to còn nặng hơn.

Năm 1924 đang quay phim « Tôi tìm vàng » — (La ruée vers l'or)

— Charlot thuê dựng một cô đào mới bước chân vào nghệ, tuổi mới 16 (cùng tuổi với cô Harris, vợ trước). Cô đào tên thật là Lolita Mc Murray, lấy biệt-danh Lita

★ TẾ-XUYỀN

世界名人錄

Grey. Đang độ thanh-xuân, hăng hái với cái tuổi 32, Charlot đã yêu tha thiết Lita Grey. Nàng có người chú làm trạng-sư luôn luôn đem luật pháp ra xử-trí với đời. Ông chú bèn báo cho Charlot biết rằng phải làm phép cưới liền nếu không thì gia-đình Lita có thể đưa Charlot ra tòa về tội dụ dỗ gái vị-thành-niên.

Đám cưới được cử-hành ngày 24 tháng 11 năm 1924 tại Mỹ-Tây-Cơ, gần như một hôn lễ ép buộc bởi một « tôi hậu thư » của ông chú.

Thân mẫu cô Lita ở chung nhà với con và rề sau đám cưới. Vì Lita có thai nên không còn tiếp tục đóng được một vai phụ mà nàng đã nhận trong cuộn phim « Đi tìm vàng ». Nàng bị luật pháp bắt phải đi học vì nàng mới có 16 tuổi mà chưa có bằng cấp gì. Thê là « bà chủ » trẻ tuổi trong gia-đình phải đón thầy về dạy học trong khi cai quản một biệt thự rộng tới 40 phòng với kẻ hầu hạ như một gia-đình quý-tộc.

Lita sanh được hai con trai với Charlot : đứa con đầu ra

đời ngày 28.6.1925 đặt tên Charlie Spencer Chaplin ; đứa thứ nhì ra đời 9 tháng 9 ngày sau anh nó và được đặt tên Sydney Earle Chaplin.

Tuy đã có 2 con nhưng trong gia đình lại lục-đục. Bà mẹ vợ là người xảo-quyệt, thêm ông chú vợ là một luật gia, nên vợ Charlot thường lấy lý ra xử với chồng thay vì tình.

Charlot chán ngán, thường giao du với bạn bè, xao-lãng gia đình.

Trong khi ấy Lita Grey cũng mời bạn bè đến nhà, tổ chức những cuộc liên hoan giải muộn. Ngày 1-12-1926 Charlot ở phim trường về nhà — lúc này đang quay phim « gánh xiếc » — thì thấy Lita say rượu be bét với một số đồng tân-khách cũng ngả nghiêng vì quá chén. Hai vợ chồng cãi nhau lớn tiếng làm cho khách phải rút lui.

Thê là tan vỡ. Ngày hôm sau Lita đem hai con cùng bà mẹ về nhà riêng và xin ly-dị. Báo chí về hùa với Lita nổi lên công kích dữ dội Charlot « một kẻ

ngoại-quốc, thiếu đạo-đức, đã làm hại một đời thiếu nữ Mỹ». Các hội phụ-nữ quyền tiến « để mua sữa » cho 2 đứa trẻ bị cha ruồng bỏ. Họ làm lớn chuyện cốt bôi nhọ Charlot, chớ thật sự 2 đứa trẻ có thiếu sữa đâu.

Lita đưa đơn lên tòa, lá đơn dài 42 trang đánh máy, kể tội chồng. Nàng còn xin chặn các ngân khoản của Charlot nữa.

Nàng hăm dọa sẽ làm ô-danh 5 nữ tài-tử từng giao thiệp với Charlot. Muốn cứu vãn danh-tiếng cho 5 người bạn vô tội, Charlot phải điều-đinh với Lita để đi đến một cuộc ly-dị êm-thắm. Vì vậy ngày 1.6.1927, tòa xử trong có 20 phút và tuyên bố cho Lita được hưởng số tiền cấp dưỡng 600.000 Mỹ-kim, 2 đứa con được 200.000 Mỹ-kim và giao cho Lita nuôi; Charlot có quyền đến thăm con.

Lita bắt đầu biết Charlot

bằng cuốn phim « Đi tìm vàng » và đã « tìm được vàng » nhờ cuộc ly-dị với Charlot.

Một trong hai đứa con của Charlot, cậu Sydney, 22 năm sau đóng một vai vào hạng thứ ba trong phim « Ánh sáng sân khấu » — (Limelight).

Mỗi tình thứ ba của Charlot cũng không được tốt đẹp.

Năm 1932, Charlot sống chung với cô đào Paulette Goddard rồi tạo cho cô một địa vị trong điện ảnh. Cuộc sống ấy kéo dài đến 10 năm và không ai để ý là Charlot và Paulette đã có làm hôn thú chưa và làm ở đâu? Mãi đến 1942 thấy 2 người xin ly-dị ở Mỹ-Tây-Cơ mới hay là họ đã lấy nhau chánh thức từ hồi nào không ai biết.

Cuộc ly-dị lần này không gây ra sóng gió cũng để lại cho Charlot một kỷ-niệm đau buồn vì ông đã tốn nhiều công của để xây dựng địa-vị cho Paulette Goddard.

● TÌM ĐƯỢC HẠNH - PHÚC

MÃI đến 54 tuổi, Charlot mới xây dựng được hạnh-phúc. Ông lấy cô Oona

O'Neil làm vợ. Mới 18 xuân xanh, con của kịch-sĩ danh tiếng Mỹ Eugene O'Neil,

cô gái ấy tuổi chỉ bằng 1 phần 3 tuổi của Charlot, đã phải có can đảm lắm và có thể nói là có một nghị lực sắt, mới thắng được hoàn cảnh hồi bấy giờ.

Nhằm lúc Charlot muốn kết hôn với Oona thì ông lại phải đương đầu với một vụ án tình xử trước tòa án tỉnh Los Angeles: Một cô đào tên Joan Barry 17 tuổi, được Charlot thuê dựng để đóng phim, nay có bầu và nhứt định rằng bào thai cô mang trong bụng là đứa con của Charlot.

Barry đưa đơn kiện chủ đòi tiền cấp dưỡng. Nhưng may sao tòa án cho thử máu đứa trẻ thì thấy không phải là con của Charlot, bèn cho bị can trắng án... tại phiên tòa ngày 4-4-1944 xử vụ này, Charlot đau đớn, mất hết tinh thần vì đã bị tòa án dư-luận lên án gắt gao quá, trước khi nghe bản án của tòa án pháp-lý.

Được trắng án rồi, Charlot khoác tay Oona đi ra khỏi phòng xử. Một mái đầu bạc, một mái đầu xanh từ nay bước vào một giai-đoạn mới,

Nghệ-sĩ thiên tài đã bước lên con đường hạnh-phúc. Thật vậy, ở với Oona 18 năm, có tới 8 đứa con, mỗi tình giữa cặp chồng già, vợ trẻ ấy đã là một mối tình chân thật và lý-tưởng. Suốt 18 năm, hai người quên tuổi tác, chỉ thấy có niềm vui của gia đình và yêu-đương. Họ không xa nhau ngày nào, ngoại trừ 5 ngày vào năm 1952 khi Oona phải về Mỹ bán nhà cửa để cùng chồng sống ở Âu-châu. Trong 5 ngày ấy, Charlot ở Luân-đôn, mỗi ngày đều có nói chuyện với vợ bằng điện thoại.

Trong tạp-chí « Constellation » xuất bản tháng 7-1962, Oona đã tuyên-bổ với đặc phái viên tạp-chí này: « Chồng tôi trẻ hơn tôi ». Câu nói mới nghe có vẻ mâu thuẫn, song Oona giải thích thêm: nàng quên cả tuổi nàng và tuổi chồng; nàng cố gắng cho xứng đáng là vợ một danh nhân, còn chồng nàng nhờ đã tìm thấy hạnh phúc mà như người hồi xuân, mặc dầu tuổi đã quá thất tuần.

Trả lời câu hỏi của tạp-chí

« Lectures pour tous » về bi-quyết hạnh phúc của ông. thì Charlot đáp : « Tôi không có bi quyết gì hết. Đó chỉ là nhờ may mắn ! »

Thật ra là nhờ Oona, một người vợ thông minh, biết chiều chồng, hy sinh trọn đời cho chồng, Oona biết rằng các thiên tài đều cần có một người hiểu họ, thông cảm với họ.

● NGHỆ-THUẬT CHÂN-CHÁNH

CHARLOT đã quay cuốn phim « Ánh sáng sân khấu » để biểu dương quan niệm của ông về nghệ-thuật, một nghệ-thuật chân-chánh.

Calvero trong phim diễn hình cho lớp nghệ-sĩ già sắp tàn tạ và Terry diễn-hình lớp trẻ đầy sinh-lực đang vươn lên. Hai thế-hệ trẻ và già kề tiếp nhau, đó là nghệ-thuật liên tục tiền mãi không ngừng.

Calvero còn là một nghệ-sĩ mang cái tâm trạng chung của phái già lo sợ mất tên tuổi trong sự lãng quên của công chúng. Nhưng anh ta đã tìm ra một lý-tưởng là đào tạo mầm non và anh đã

Trong một biệt thự ở Thụy sĩ, cặp vợ chồng tuổi tác cách biệt ấy, đã sống một cuộc đời có tổ chức, có kỷ-luật. Oona lo hết việc gia-đình, con cái để cho chồng yên tâm viết ký ức. Charlot làm việc rất đúng giờ, mỗi ngày để trọn 8 tiếng đồng hồ viết sách. Thời-khắc biểu của ông không ngày nào bị sai một khác.

thành công khi đưa được Terry lên đài danh-vọng. Quan niệm của Charlot về nghệ thuật là như thế : con người nghệ sĩ chân chánh không khư khư giữ mãi địa vị độc tôn của mình mà phải giúp cho các tài năng trẻ trung mãnh tiến để kế tiếp mình phục vụ nghệ thuật.

Ở Calvero, Charlie Chaplin còn đề cao cái say mê hào hứng của nghệ-sĩ không bao giờ chịu yên nghỉ, muốn sống với nghệ-thuật, phục vụ nghệ thuật đến hơi thở cuối cùng. (Trong phim, Calvero theo đuổi vai trò anh hề sân khấu cho đến khi gặp tai nạn

rủi ro phải thiệt mạng ngay tại sân khấu).

Charlot còn có triết-lý riêng của ông nữa. Sống ở Mỹ trong 38 năm, làm giàu nhờ đất Mỹ mà ông không chịu nhập quốc tịch Mỹ. Không phải vì ông miễn tiếc nguồn gốc Anh-quốc của ông song chỉ vì ông mơ-ước làm một công dân hoàn-cầu ; chẳng vậy mà ông đã sống những năm sau này ở Thụy-sĩ là nước có tính cách quốc-tê.

Xuất thân ở chỗ hàn vi, từng nằm đủ mùi đói, lạnh, ngủ trên lề đường, ăn nhờ cháo bồ thí, Charlot am hiểu những đau khổ của các lớp bình dân ; ông đã mô tả trong các phim của ông những bất công trong xã hội khiến người xem phải cười ra nước mắt.

Vì những tư tưởng tiến bộ của ông mà hồi 1952 « phong-trào bài trừ hoạt động chống Mỹ » đã lên án ông là tả khuynh và gián tiếp cấm ông trở về Mỹ.

Charlot chỉ là con người theo đuổi một lý tưởng muốn cho từng lớp trong xã-hội bớt lầm than. Trả đũa các cuộc công kích ông ở Mỹ, ông đã sản xuất cuốn phim cuối cùng : « Một ông vua tới Nữ-Ước », nó là cả một bản án

mĩa mai, chua chát, trào lộng, đối với nền văn-minh kỹ-thuật thiếu tinh-thần đạo-đức.

« Tôi không tin tưởng ở một Lý thuyết nào cả. Chỉ có con người, chỉ có cá nhân là đáng kể trước nhất và hơn hết. Sống trong đời hiện tại mà mọi sự vật đều bị kiểm chế, chỉ huy, nghệ-sĩ cần nghỉ, hơn lúc nào hết, đến đời sống bên trong của cá nhân ; nghệ-sĩ cần phải sáng tác cho người, vì người ».

Đó là lời nói của Charlie Chaplin do ông R. Green thuật lại. Tôi xin trích ra để kết luận bài này.

TẾ-XUYỀN



Khi người tài-xế chạy đua



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. 90)

★ Thứ Bảy, 19-3 — 8 giờ tối

Giời đất quỷ-thần ơi!... Có thể có chuyện như thế được ư? Gái đời nay có thể có những cô bị nhiễm xấu-xã đời b... àn m... ấ... ư? Thật hôm nay giận con Trang hết chỗ n... Chép mấy giòng này, tay còn run! Khiếp!...

MỘT GIẤC MƠ HOA

7 giờ 30 Trang đến chơi, đi thẳng vào phòng học của mình, cẩn-thận khóa cửa lại rồi khẽ bảo mình: « Cho bồ xem cái này. . . . ! »

Hồng hỏi: — Cái gì thế?

Trang vừa cười bí-mật, và thoải-mái, vừa mở cặp sách ra lấy đưa mình một quyển album lớn bằng quyển carnet, ngoài bìa in giềng chữ Việt: « *Bảy đêm khoái-lạc* ». Hồng kinh-ngạc và rùng mình, chưa dám mở ra xem vội, ngó Trang, hỏi: « Cái gì thế? » Trang vẫn cười khoái-trá, vừa bảo: « Cứ xem đi! Formidable! », vừa mở ngay trang đầu... một bức hình chụp...

Hồng vừa trông thấy, ghê tởm, liền nhắm riết mắt lại, lấy tay gạt quyển Album ra một bên, bảo: « Thôi, mày, tao không xem đâu... Xếp lại, bỏ vào cặp mày nhanh lên! » Mặt Hồng nóng bừng lên... Đến bây giờ hây còn nóng. Hồng đứng dậy bỏ đi ra ngoài. Trang vội vàng nhét quyển album bần-thủu vào cặp nó, rồi cũng đi theo ra. Hồng ngồi xuống thềm. Trang cũng ngồi xuống sát cạnh, khẽ hỏi:

— Bồ giận Trang hả?

— Việc gì mà giận!

— Thế sao bồ bỏ đi ra? Không xem thì thôi chứ... Thôi, Trang xin lỗi nhé...

— Hồng không thể tưởng-tượng rằng Trang có loại ảnh tòi-bại ấy. Hồng không thể tưởng-tượng được rằng một nữ-sinh có những đồ bần-thủu ấy trong cặp sách!

— Đầu phải của Trang.

— Thế làm sao Trang có?

— Cửa con Hà nó cho mượn xem chơi, sáng mai sớm Trang trả lại nó, chớ bộ!

— Trời! cậu chơi thân với lũ con Hà, con Loan, đến nỗi chúng nó cho cậu xem những loại hình ảnh ấy thì chết rồi! Con Hà, con Loan, chúng nó có những thằng « bạn trai » mắt dầy

mới cho chúng nó những quyển album khôn nạn như thế. Chứ Hồng biết Trang làm gì có của-nợ ấy. Nhưng mà Trang hỏi mượn làm gì cơ chứ ?

— Trang đâu có hỏi mượn. Con Hà nó bảo thằng bồ của nó mua của tụi chuyên môn bán lén đồ ấy ở đường Bô - Na. Thằng ấy xin tiền của Má nó để đóng tiền học 300 đồng, nhưng tháng này nó học « cộp », để tiền mua hai quyển Albums này. Người ta in sẵn và dán sẵn vào Albums, tụi con trai nhiều đứa mua lắm, mỗi quyển giá 120 đồng in 36 tấm hình. Trang đến Hà chơi rồi nó đi Ciné, nó mới lấy khoe với Trang rồi cho Trang mượn đó chứ.

— Trang cũng mượn hả ? Hồng nói thật với Trang, Hồng mắc-cở lắm. Tụi mình phải giữ gìn tư cách một chút chứ, gặp gì cũng xem sao được. Những loại ảnh đó bần thiểu thế mà Trang cũng xem được, Hồng thật ngạc nhiên quá !

— Tại Trang thấy dơ-bẩn mới đem cho bồ xem chơi. Không xem thì thôi, đừng có chửi tở nữa chứ.

— Trang vào đây, Hồng cho Trang xem quyển này...

Đưa Trang trở vào phòng học, lấy trao nó quyển *Blanche Neige* của Walt Disney, bìa đóng da màu xanh da trời, in chữ vàng, ở trong toàn những ảnh màu rất đẹp, giấy lán và dày, của Hải mua tặng hôm lễ Sinh-nhật của Hồng.

Trang mê các tranh ảnh, hỏi mượn, hứa xem xong chủ nhật sau mang giả.

✱ Chủ nhật, 8 giờ sáng

Nhất định quên cái vụ album tối hôm qua, nhưng nhớ trông thấy thoáng qua một cái ảnh ở trang đầu, (may là chỉ trông thấy mỗi một cái hình ấy thôi !), mà cứ bị nó ám-ảnh mãi. Bực quá. Giận Trang quá. Khiếp quá ! Chả trách có một số thiếu-nữ, nhất là nữ-sinh, cùng lứa tuổi với Hồng, đã « thềm thường », « khao-khát » chuyện dục-tình ! Lỗi tại ciné, người ta cho chớp tự-do trên màn ảnh những xen « cộp-lạc » cho thiếu-niên thiếu-nữ tha hồ xem ; lỗi tại mấy quyển tiểu thuyết mô tả toàn những chuyện

dâm-ô như trên màn ảnh : lỗi tại những kẻ con buôn vô-liêm-sĩ, khai thác tuổi hoa-niên của « đợt sống mới », lén in những loại albums và sách hình đều-giả như quyển albums của con Hà, rồi lưu-hành lén lút trong các giới thanh thiếu niên học-sinh. Các bậc cha mẹ chớ có trách tại sao con gái đời nay sớm hư hỏng !

✱ Thứ Năm, 24, 10 giờ, 27 phút

Hải ơi, em vừa học thuộc xong bài Anh-ngữ và làm xong bài dịch Pháp-ngữ, khó ghê đi, anh ơi ! Cái gì lại :

*I was a nightingale, but now I croak
Like some dark harpy hidden in night's cloak,
Upon the wall. ?*

Còn bài Français, cô giáo bắt dịch bài « *Prière pour nos morts* » của E. Mosselly. Nhiều chữ khó kinh-khủng, tra Larousse cũng chẳng hiểu gì cả, em phải nhờ Papa làm hộ. Ông Cụ cao húng lại dịch ra thơ song-thất-lục-bát, em lại càng không hiểu gì sắt ! Rốt cuộc rồi em phải cố gắng tự dịch lấy vậy. Nếu có Hải yêu-quý của em học chung lớp với em, em sẽ nhờ Hải giảng hộ cho những chữ khó, hay là em cộp theo bài của Hải, thế có phải thích thú hơn không nhĩ ? Hải ơi, bài của em học khó kinh-khủng thế nào thì em yêu Hải cũng kinh-khủng thế ấy. Nghĩa là em yêu ghê đi ! Hoàng-tử của tụi em ! Thiếp xin tặng chàng mấy câu thơ lần-thần này nhé :

*Anh ở Nancy
Em ở Đất-Hộ,
Cách nhau hai ba cây số,
Cách nhau bốn năm đại lộ,
Cách nhau mười sáu đồng taxi !
Nhưng tình yêu đã thu rút lại,
Đường đất bao xa không ngại,
Em vẫn bên anh ở đường Nancy,
Anh vẫn bên em cạnh trường Đất-Hộ
Không cần taxi,*

Khởi bằng đại-lộ
Vũ-trụ Tương-Tư zéro cây số.
Thời-gian không-gian thu trong chiếc ò
Ồi êm-ấm biết bao nhiêu;
Của hai tâm hồn ôm-ấp trong Tình-yêu !

Đố anh đoán đúng bài thơ con cóc đó ở trong hang nhày ra lúc nào ?

Lúc đêm qua giời vừa tối, có lác-đắc vài sợi mưa ngâu;

« và lại có cả một đôi dom-đóm

Bay dập-dùu như muốn phải-lòng nhau » !

Xin phân búa: hai câu sau này là của Anh-Thơ, chứ không phải của em đâu nhé !

* Đêm Thứ Bảy, 26

Ông Giáo-sư X... vẫn còn theo tán-tĩnh chứ ! Chiều nay, cả gan gửi thư cho mình, đến tận nhà ! May phúc người phát thư đưa thư đến gặp lúc ở nhà ngoài không có ai, mỗi một mình Hồng ngồi học bài ở ghế xa-lông.

Thầy Me mà bắt được thư ấy, thì phải biết !

Con người gì mà không biết trọng danh-dự thế ?

Dám viết trong thư : « Tôi không ngờ mấy hôm học-tập ca-nhạc ấy đã để lại trong ký-ức của tôi một hình-ảnh diễm-kieu, say-miê : Hình ảnh của Duyên-Hồng ! Suốt mấy đêm nay, X... không ngủ được, Hồng ạ, vì một thần-tượng rực-rỡ, thiêng-liêng, mà hiện thân chính là Hồng !... »

Thần-tượng ! Thiêng-liêng ! Chỉ là những câu nịnh-bợ, rỗng-tuếch ! Sao dám gọi người ta bằng « em » ? Hồng đâu phải là một đứa con gái quá dễ-dãi như Loan, Hà, Liên ... ?

Lại viết : « Ngày đêm X... mong đợi tin Hồng. Thư phúc-đáp của Hồng sẽ quyết định duyên-số của anh (— chưa chi, đã dám tự xưng là « anh » với người ta ! trơ-trẽn !) một lời thông-cảm của Hồng sẽ đem lại cho X... một hy-vọng tràn-trề hạnh-phúc... »

« Một hy-vọng tràn-trề hạnh-phúc » ! Rõ thật lắm-cầm. Thế mà cũng « giáo-sư Trung-học đệ-nhất và đệ-nhi cấp » đấy ?

Vâng, muốn « phúc đáp » thì 7 hôm nữa, « em » sẽ phúc-đáp !

★ Đêm Thứ Bảy, 7 đêm sau đêm thứ Bảy nhận được thư « chàng » giáo-sư

Kính thưa Thầy,

Vì tôi bận học bài và làm bài, nên phúc-đáp muộn, dám mong Thầy rộng lượng tha-thứ cho tôi. Nhận được thư Thầy, và đọc xong, tôi không biết nói gì hơn là kính xin cảm-tạ nhĩ-ý của Thầy đã chiếu-cổ đến tôi, và dạy bảo cho tôi những lời vàng ngọc. Tôi rất e-thẹn vì tự xét không xứng-đáng nhận cảm-tình cao-quý của Thầy và những lời Thầy quá khen.

Vả lại, thưa Thầy, tôi còn bé-bỏng, chẳng hiểu gì ngoài việc cố gắng học-hành.

Vậy xin Thầy tha lỗi cho kẻ nữ-sinh khờ dại, tâm hồn còn non-nớt.

Kính chúc Thầy gặp nhiều may-mắn
trên đường đời, và thành-công trong
nhiệm-vụ giáo-hóa thanh-niên.

Bái thư,

DUYÊN - HỒNG

Sáng mai nhờ vú-già sẵn đường đi chợ bỏ thư này vào thùng Bưu-diện.
(còn nữa)



★ CHÍ LÝ

Đi ngang qua một tiệm hớt tóc, một người hỏi bạn :

— Đố anh « Hớt tóc » là nghĩa gì ?

— Anh này mới lần-thần chứ. Hớt tóc là cắt tóc, cạo râu, cạo mặt v.v... chứ gì.

— Không phải. Hớt tóc đúng nghĩa là : « Ông sẽ lui tới chỗ này mãi vì ông không tự làm « cái việc » ấy một mình được.

mối tình của PO BRAK và NEI MATRI

★ VĂN-HỒNG-TỈNH

Lời tòa-soạn.— Ông Văn-Hồng-Tỉnh là một nhà trí-thức Chăm, hiện chỉ-huy một cơ-quan Thanh-niên Quận Phan-Lý-Chàm, ở Phan-Rí. Sự-tích Chăm rất lý-thú mà ông có nhâ-ý trình-bày trong số này cùng bạn đọc **Phổ-Thông**, ông đã viết thành Việt-Ngữ theo lời của vị **Chủ-Giáo Đạo Bà-La-Môn** hiện nay ở Phan-Rí, cụ **Văn-Rô**. Vị Chủ-giáo và ông Văn-Hồng-Tỉnh đều là độc-giả trung-thành của **Phổ-Thông** tạp-chí, sẽ trình-bày nhiều tài-liệu khác liên quan đến phong-tục tập-quán của Tôn-giáo Bà-Ni và Bà-La Môn (**Brahmanisme**) của người Chăm, một dân-tộc rất văn-minh đã làm chủ cả một giải đất Trung-Việt hiện nay, trước đây 5 thế-kỷ.

P. T.



GÀY xưa cũng như hiện nay người Chăm ở Phan-Rang hay Phan-Rí đều theo hai tôn-giáo Chính-thông: Bà-Ni và Bà-La-Môn. Mặc dầu ở dưới quyền cai-trị tối-cao của các Chiêm-Hoàng, nhưng những thành-kiến bất-dồng về giáo-lý không mất được.

Đến đời Pô Brak hai tôn-giáo hòa hiệp thông cảm nhau, nhờ Pô Brak biết lập thêm hai vị Cổ vấn Tôn-giáo này bên cạnh.

Trong hai vị cổ-vấn, có Ông Nôl Rak, giáo-chủ Bà-Ni, thông-minh, xuất chúng. Không những giúp vua về mặt tôn-giáo mà

MỘT GIAI THOẠI CHIÊM THÀNH

còn giúp vua cả mặt hành-chính nữa. Nên nhiều lần vua hạ giá đến đàm đạo tại nhà hoặc tại tư viên Ông Nôl Rak.

Một buổi sáng trời đẹp, Pô Brak cùng đoàn tùy-tùng đi săn ở cánh rừng Ya-Mik (Vùng Minh Mỹ, Quận Phan-Lý-Chàm, Tỉnh Bình-Thuận bây giờ). Trên đường về vua ghé vào vườn ông Nôl Rak nghỉ chân và đàm đạo. Nhưng ông này đi vắng, trong căn nhà tranh Pô Brak chỉ thấy cô con gái Ông Nôl Rak là Nei MaTri

đang mân mê chéo áo nhìn vị vua trẻ tuổi với vẻ thẹn thùng.

Với cái tuổi 16, Nei Matri có một vẻ đẹp đặc-biệt của giòng giỏi quý phái, đôi mắt đẹp, khuôn mặt dịu hiền, làm cho vị Chiêm-Hoàng tuổi mới 22 nhìn ngây ngất.

Bàng hoàng vua liền hỏi :

— Chẳng hay Hoàng-sur và tôi tớ đi đâu mà Nei Matri lại một mình ngồi giữ tư-viên này?

Nei MaTri liền tâu :

— Cha con (tiếng xưng của dân Chiêm đối với Chiêm-Hoàng) đi vắng, các nô tỳ về nhà trong cả rồi. Xin Hoàng-thượng có gì dạy bảo.

— Tôi đi săn có dịp ghé thăm Hoàng-Sur, vậy cô cho tôi một bầu nước uống.

Nei MaTri dâng cho Pô Brak một bầu nước nhỏ, vua uống xong, liền chuyển cho quan quân thấp tùng uống hoài không hết. Pô Brak ngạc nhiên nghĩ rằng chắc Nei MaTri con trời đầu thai nhà Ông Nôl Rak. Pô Brak liền hỏi Nei MaTri :

— Chẳng hay Nei MaTri có chồng chưa?

— Dạ con có chồng rồi.

— Chồng cô ở đâu, sao không cùng cô giữ vườn này?

Trong một phút lưỡng lự, Nei MaTri liền tâu :

— Tàu Hoàng-thượng, còn ba tháng nữa, Cha con mới cho phép cưới chồng. (chế độ mẫu hệ, con gái có quyền cưới con trai).

— Thế thì nhà Nei MaTri đã đi hỏi xong chưa?

— Tàu, Ba con chỉ dự định thôi chứ chưa đi hỏi; con cũng chưa biết người ấy ở đâu, hiện làm gì.

Trong những phút đầu gặp gỡ, Pô Brak cảm mến Nei MaTri nên liền hỏi nàng :

— Tôi đã yêu Nei MaTri rồi, Nei MaTri ạ. Mặc dầu mới gặp

Nei MaTri lần đầu tiên nhưng tôi đã gặp Nei MaTri trong giấc mơ từ lâu rồi. Tôi thờ mái hình ảnh ấy và nguyện sẽ đi tìm trong Chiêm-quốc này.

— Hoàng thượng đừng nói thế, con là thần dân Chiêm-quốc dưới quyền Ngài. Con khác tôn giáo với Hoàng-thượng (đạo Châm Bà-La-Môn) con không thể làm một việc trái với giáo lý Bà-Ni được. Nghĩa là con không thể lấy người khác đạo.

— Pô Brak thở thê : Tôi sẽ tông đạo Bà-Ni và hy sinh theo Nei Matri hết cuộc đời.

Trước một Chiêm-hoàng đẹp trai, trẻ tuổi, uy quyền. Mỗi tình Chiêm-hoàng Pô Brak chiêm trợn tâm tư Nei MaTri từ phút đầu gặp gỡ (trong những ngày đầu tiên đến viếng ông Nôl Rak tại nhà).

Đề mặc cho Nei MaTri bị dày vò trong ý nghĩ : tình yêu và lễ giáo gia-đình. Vua Pô Brak và đoàn tùy-tùng lên đường về Kinh-đô không một lời từ-giã.

Ở kinh-đô trong những lúc công-vụ nhàn rỗi, vua thường hướng cặp mắt về chân trời Tây, nỗi Luồn cô đơn vô cớ đến trong lòng vào những buổi chiều qua đi như thế này.

Gần ba tháng qua, chiều nay nổi nhớ nhưng Nei MaTri vùng dậy, hình ảnh Nei MaTri đã ghi khắc vào tâm tư Chiêm-Hoàng si-tình này, đầu xung quanh có hàng trăm cung nữ.

Pô Brak vào cung thay Xiêm y, khoác vào một bộ áo quan thường dùng vị quan thân tín lên ra hoàng thành bắt ngựa tiến về khu vườn vùng Ya-Mik phía Tây Kinh-đô. Pô Brak cho ngựa đi từ từ xung quanh vườn xem có ai ngoài Nei MaTri không ? Bấy giờ, là buổi chiều hoàng hôn hơi hóp thở trên chóp núi xa xa, Nei MaTri một mình đang vùng vác cho đàn gà ăn. Pô Brak ra lệnh cho quan cận vệ dừng lại, một mình tiến về phía trước nàng. Ngạc-nhiên nhìn thấy vua, Nei MaTri vội quỳ xuống, Pô Brak miễn lễ cho Nei MaTri.

Trong những phút ngồi tâm tình, Nei MaTri thổ lộ tâm tư :

— Mặc dầu khác tôn giáo, tôi đã mến Hoàng-thượng từ phút đầu mới gặp tại nhà tôi. Tôi không dám tình với thân phụ tôi ý-kiến hôm đi săn của Hoàng-thượng, vì con trai hay con gái đạo Bà-Ni không bao giờ được kết hôn với người khác

đạo. Lời nói ra của tôi đầu không có chẳng nữa vẫn có tội với đạo lý. Thân phụ tôi đã quyết-định làm lễ cưới vào ngày mai, đúng giờ Ngọ.

— Pô Brak liền hỏi : Chứ hay Nei MaTri nghĩ thế nào ?

— Nei MaTri tâu : Niềm tin mãnh-liệt đối với giáo-ly Đạo Bà-Ni, danh-dự gia-đình và uy-quyền người cha, tôi một người con gái con nhà lễ giáo đành vâng lời, mặc dầu tôi có yêu Ngài.

Nói xong, trên khoé mắt Nei Matri long lanh hạt lệ, nỗi đau khổ xé thắt tâm can nàng. Nhìn qua, Pô Brak biết Nei Matri khổ lắm. Vua an ủi đôi lời và lặng lẽ lên ngựa về hoàng-cung.

Đêm nay, một đêm khó ngủ nhất của Pô Brak, ngài trằn trọc mãi, tơ lòng rối vô nơi vị vua trẻ tuổi không gởi được. Mãi gần đến sáng vua mới găm lên và quyết-định :

— Ừ, ta có kể rồi, ta phải đến cướp nàng vào ngày mai, một vị vua uy-quyền như ta đành để chết vì tuyệt-vọng tình-yêu này chẳng ?

Bước gần đến quan cận-vệ đang nằm ngủ trên tràng kỷ,

vua lay dậy và chỉ-thị : Ngày mai quan chuẩn-bị cho tôi 1 trung-đội Ngự-lâm-quân, một chiếc võng, một con chó, và làm bốn chân sắt giống bàn chân cạp.

Trước giờ Ngọ hôm sau, tất cả dụng cụ đều sẵn sàng. Pô Brak và đoàn tùy-tùng tiến về nhà Ông Nôl Rak (cố-vấn Đạo Bà-Ni). Dừng quân cách nhà Ông Nôl Rak 500 thước, tất cả đều cải dạng thành người đi dọn đám-cưới nàng Nei Matri.

Theo phong-tục Đạo Bà-Ni hồi đó, đám cưới chưa rước rẽ đến thì trong phòng tân-hôn chỉ có một mình cô dâu ở. Biết thế, Pô Brak lên vào phía trong đưa Nei Matri đi ngỏ sau nhà, có ngự lâm quân chực sẵn khiêng Nei Matri về kinh-đô. Còn một số khác lấy chân cạp giả làm đầu xung quanh vườn sau nhà và giết chó để máu chảy. Hầu phi tang là Nei Matri bị cạp bắt.

Đến khi rước rẽ đến, cả xuôi gia đều ngạc-nhiên. Tiếng đồn nàng Nei Matri không còn trong phòng tân-hôn nữa. Tất cả đổ đi tìm. Nhưng than ôi... Dấu chân cạp hiện đó, giọt máu Nei Matri đỏ đây. Xác nàng chắc

cộp mang đi rồi. Nên đồ vật dùng cho đám cưới biến thành đồ dùng cho đám tang nàng trinh-nữ Nei Matri bạc mệnh.

Thời gian hơn hai năm trời trôi qua, nỗi buồn thương con cũng vơi dần theo ngày tháng.

Một ngày nọ Ông Nôi Rak đến diện-kiến Pô Brak tại tư gia Ngài. Trong khi ngồi nói chuyện với Pô Brak, một nữ tỳ bưng khay trầu dâng Ông Nôi Rak thưởng thức.

Cầm miếng trầu tằm trên tay (trầu cuốn sẵn có vôi, cau, thuốc) Ông Nôi Rak ứa khóc to lên làm cho Pô Brak chạnh lòng liền hỏi lý-do nào mà Hoàng-sư khóc vậy. Ông Nôi Rak liền tâu :

— Tâu Hoàng-thượng, cầm miếng trầu tằm này, tôi liên tưởng như con gái của tôi còn sống. Cách đây hơn 2 năm nó thường tằm cho tôi những miếng trầu đẹp và vừa miệng như thế này. Tôi đã kiếm người khác thay thế nhưng không ai làm giống như thế được. Nó đã chết trong trường hợp đám cưới như Hoàng-thượng đã biết.

Ông Nôi Rak càng khóc to lên khi nhìn thấy những miếng trầu tằm còn sờ-sờ trước mắt. Pô Brak chạnh lòng và tin là Ông Nôi Rak sẽ tha thứ nên cho người vôi Nei Matri trong trường bước ra. Nhìn thấy cha, Nei

Matri ứa khóc và quỳ chịu tội. Pô Brak liền kể hết sự tình. Ông Nôi Rak tức giận bỏ ra về, kêu tất cả giòng họ thề rằng :

— Tất cả nên xem như Nei Matri đã chết và ta đã làm xong đám tang cho người trinh-nữ Đạo Bà-Ni. Kể từ nay và đời sau nữa, trong giòng họ này không được làm đám cưới lớn (pa dihk) (1) nữa mà nên làm các đám cưới khác cho nam nữ Thanh-Niên trong họ.



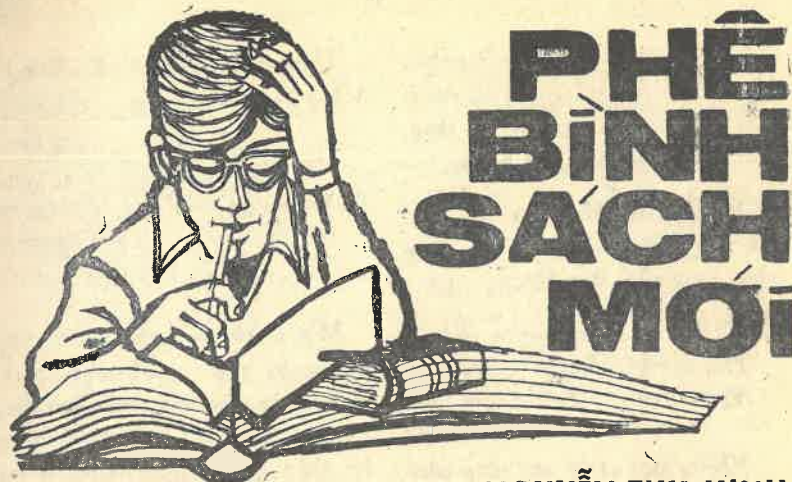
Ngày nay giòng họ Ông Nôi vẫn còn ở làng Minh-Mỹ, Quận Phan Lý Châm, Tỉnh Bình-Thuận. Một giòng họ giàu nhất làng. Nhưng không ai dám nghĩ đến làm đám cưới lớn (dihk) vì nhớ mãi lời thề năm xưa. Lặng thờ Pô Brak (mà người Việt gọi Ông Gạo) hiện ở Long-Hương, Quận Tuy-Phong, Tỉnh Bình-Thuận đã rêu phong do một số người Chăm vùng Lạc-Trị tôn thờ. Khách bàng quan có ai dám nghĩ rằng Pô Brak và Nei Matri có một thiên-hạ tình bi đát như thế.

★ VĂN - HỒNG - TỈNH

(1) Đạo Bà Ni có 4 thứ đám cưới :
— Pa dihk : dành cho nhà giàu có quý tộc.

— Ra khakh : dân thường, trung lưu.

— Ra man và Thọ Cạch dành cho góa phụ.



★ NGUYỄN-THU-MINH



NHỚ THƯƠNG

Tác - giả : HOÀNG - NGỌC - LIÊN
TỰ XUẤT-BẢN, NĂM 1962

NHỮNG năm gần đây, có thể nói tôi ít khi chịu dành thì giờ để ngồi đọc một thi phẩm nào, dù là với những tác giả mà tôi từng cảm mến, như tập Nhớ Thương của Hoàng-ngọc-Liên hôm nay, — nói thế không phải

tôi muốn đề cao hay khen Hoàng-ngọc-Liên — Bởi lẽ, hai chữ "Nhớ Thương" của thi tập, thêm vào đây, cách trình bày trang nhã, lời người giới thiệu đã làm cho tôi mến. Hơn thế nữa, trong mỗi chúng ta, hẳn mấy ai là không từng

mang ít nhiều nhớ thương trong tâm hồn ? Một ánh mắt, một nụ cười, một suối tóc !... một lũy tre làng, một chiếc cầu tre, một bờ ao !...

Ta hãy để lòng lắng nghe tác giả khởi đầu thi tập mà hòa đồng nhịp rung của tâm hồn :

Đã hẹn về thăm vườn cũ,
Tìm câu kết chuyện mười năm.
Người ơi ! Trăng nhạt mờ
đô thị
Không núi sông mà cũng cách
ngăn

Một cái gì xót xa, một cái gì man mác lẫn buồn thương nổi nhớ về một thời « vàng son » qua mau trên lớp tuổi đôi-chín, hai mươi đầy mơ và mộng. Và đâu là thần tượng Ái-Tình ?

Phấn hương mộng gợi đêm
vàng
Hắt hiu gió hẹn mùa sang
bao giờ ?

Sóng thề ngược giắt đường xưa,
Buồm trắng lạc lộng đôi bờ...
người đi !

Đuốc mai lần nẻo Thư-Trì,
Ngõ ngang ánh mắt, nhớ gì ngày
qua ?

Mây pha tím gài ngân-hà,
Mùa xưa hương gió, tình ta bể-
bàng.

Dặm dài trăng nước Sa-Giang.
Vẳng run tiếng nhạc, rộn ràng
ý thơ.

Về đây hương gió mùa xưa,
Nhớ thương nắn một đường tơ
gửi người !

(HƯƠNG GIÓ MÙA XƯA)

Một người con gái, người em
— người yêu — bé nhỏ, xinh
xinh, ngây thơ của buổi ban đầu
đã ra đi... xa xôi, biệt biệt không
lời nhắn gửi, khiến người ở lại
thêm chua xót, nhớ thương !

Bóng đêm đưa dáng liễu gầy,
Hắt hiu chỉ một bàn tay với
trời.

Đường trăng khuất một nét cười
Dặm dài in mãi bóng người
nhớ thương.

(ĐƯỜNG TRĂNG)

Chúng ta thấy ở đây, Hoàng-
ngọc - Liên, không những nhớ
thường suông mà còn sống, trong
cô độc nữa. Cô độc với Ái-tình đã
đành, còn cô-độc với cả cuộc đời :

Gác trọ không ánh lửa,
Sàn gỗ vắng chân đi
Khung trời trong khoảng tối,
Nghĩ ngợi nhớ nhưng gì ?

Đêm sâu tìm dư ảnh,
Ngày cũ xa còn đâu ?

Người qua mấy nhịp cầu
Dặm dài nhiều gió lạnh !

Tôi về căn phòng cũ,
Hoa tàn chưa trở nụ,
Cột xiêu mỗi lườn quanh,
Tình xưa còn viễn xứ !

(THỜI GIAN)

Nhưng tôi cũng hơi buồn mà
nói rằng những cảm-nghĩ của thi-
nhân ở đây hơi ảnh-hưởng thời-
đại... cũng chóng thương, chóng
yêu, rồi cũng chóng xa, chóng hờn
và chóng quên.

Ấu, đây cũng là tâm-trạng chung
của thanh-niên bây giờ, nhất là
sau một thời-gian no-nê, ham say
với những cuồng-vọng !

Ta hãy nghe tiếng lòng của thi-
nhân biểu-lộ sự khắc-khoải, giận
hờn, trách móc rất khéo khi bị tình
đầu đã phụ rầy rề đi về với một
kẻ lạ :

Giấy trắng ngày xưa trinh-trắng
lắm,
Chuyện đời trả lại cuộc đời
thôi.

Tháng năm Hoa Nắng vàng
tâm sự,
Nguyễn ước ngàn sau vẫn một
người !

Bao giờ hình ảnh đem tô lại ?
Ghép những lời hoa rắc lối
đường.

Trang giấy vạn màu lên ý sống,
Tin về tác - phẩm Đẹp Yêu
Thương !

Bây giờ giấy vẫn còn trinh
trắng,
Bút vẫn chưa ghi một nét đầu.
Vì viết làm sao cho hết được,
Những ngày xa cũ thuở còn
nhau ?

(GIẤY TRẮNG)

Thôi, thì đành mặc niệm « người
thơ » vậy !

Ngoài những sự luyến tiếc,
mong ước vu-vơ của tuổi trẻ ham
mơ mộng, thích say sưa với Ái-
tình, lại còn muốn ôm ấp những
ghen-tương « nho-nhỏ » để trối
lòng mình — lòng của con người
ham yêu, ham được, ham quên một
khi rồi-rảnh thả bộ một vòng quanh
Bô-nia và chợ Bến - thành vào
những khi trời lộng gió... lắm giai-
nhân !

Tôi nói thế, vì con người thơ
của Hoàng-Ngọc-Liên rất chóng
yêu say-dắm và cũng rất chóng
quên như sự « nhớ thương » ở đây
của anh. Chính anh đã thú-nhận

với chúng ta điều này :

.

*Nàng đi rồi! Gửi lửa thiêng
tình ta,*

*Căn gác trọ bừng lên xóa bao
khoảng tối.*

*Khói xanh tỏa như trầm hương
thống hối,*

*Đề dần quên hình ảnh những
ngày qua.*

(KHOẢNG TỐI)

Nhưng, chúng ta có nên trách con người của Hoàng-Ngọc-Liên chăng ?

— Con người của thế-kỷ này mà !

Nghĩ vậy nên tôi không đòi hỏi, không khắc khe với Hoàng-Ngọc-Liên — với thi-phẩm « Nhớ Thương » đầu tay của anh hôm nay. Cũng như Đinh-Hùng đã trình bày với chúng ta ở bài tựa :

NHỚ THƯƠNG gồm 16 bài thơ xinh xắn đơn sơ, như chính tấm lòng thành khẩn của người thơ đến với chúng ta hôm nay. Tôi đọc NHỚ THƯƠNG và chỉ biết rằng lòng mình cũng nao nao thương nhớ một cái gì hết sức tín

mộ, hết sức thuần thương, một cái gì xa xôi không còn nữa — phải chăng là mùa xuân của dĩ vãng, tuổi trẻ của mộng và thơ, hương thơm ngọt ngào của Tình-Ái thuở ban đầu ? ».



Đại khái toàn tập « NHỚ THƯƠNG » là vậy. Tuy rằng, Hoàng-ngọc-Liên có rất nhiều thiện chí nhưng vẫn còn lắm khuyết điểm đáng tiếc; như lặp lại những chữ đã dùng trong nhiều bài (tôi xin miễn trích ra ở đây) v.v... Nếu anh chịu chú ý, đề dặt hơn để tránh những thiếu sót ấy, khiến người đọc có thể hoài nghi sự chân thành, sống thực của anh — thì tôi tin chắc sẽ được nhiều người cảm mến đến NHỚ THƯƠNG nhiều !

Dù sao, sự có mặt của thi-phẩm Nhớ Thương của anh hôm nay cũng làm cho chúng ta hài lòng một phần nào, và đặt tin-tưởng vào sự cố gắng đầy thiện chí của anh ở những tác phẩm đến, vì giữa cuộc đời này có gì là toàn-bích đâu ?

NGUYỄN-THU MINH

(The Snake Song)

● R. K. NARAYAN

★ ĐỖ - KHẮC - THỨC dịch



Chúng tôi ra khỏi phòng âm - nhạc, căn phòng ấy đã hoàn-toàn thích hợp cho buổi hòa

nhạc. Chúng tôi tưởng đó là một buổi trình diễn rất hấp dẫn. Chúng tôi vẫn tưởng như vậy và trong đám sương mù bao phủ, chúng tôi bỗng chú ý đến con người nói luôn miệng đó, trông anh ta như là người ở trong ngục ra. Chúng tôi nhìn anh ta bằng một vẻ khó chịu, tôi nói : « chúng tôi thiết tưởng ông là một trong những vĩ nhân đã tin rằng nền âm-nhạc ở phía Nam

Ấn-Độ đã chết từ một trăm năm nay. Hay ông là người đã có lần quen biết với các nhà nghệ-sĩ cổ và những người sáng tác nhạc, nhiều người lại cho nền tân-nhạc đó có vẻ trẻ con và dở hơi, ông nghĩ thế nào ? Hay ông chỉ là người ưa lý luận suông không bao giờ có thể phân tích được một bản nhạc đến tận cội rễ của nó ?

«Không phải thế» người hay nói đó trả lời « Tôi là thằng người, đơn giản, mộc mạc nhưng cũng biết ông đang nói gì. Tôi biết sơ sơ về âm nhạc, có lẽ còn kém hơn tất cả những người ở đây, đó là lý do tại sao tôi lại ghé thăm cái trình độ kém cỏi ở bên dưới đồng bùn đen của tôi vậy.

Chúng tôi cố ý xử sự với anh bằng sự lạnh lùng trước lời nói của anh và chúng tôi chỉ nói chuyện riêng với nhau. Nhưng anh cứ theo chúng tôi và lái nhải suốt dọc đường và chúng tôi đã phải nghe anh nói.

«Bây giờ trông tôi (con người tí tía lia cái miệng đó tiếp) có lẽ các ông nghĩ rằng tôi chỉ là người bán phân hóa-học cho những người nhà quê hơn là một nhà nghệ-sĩ. Nhưng tôi phải nói với các ông rằng đã có lần tôi có tham vọng trở nên một nhạc-sĩ. Tôi đã gần thành. Số là những năm vừa qua, tôi sống ở Kumbum, một làng nhỏ bé. Một giáo-sư âm-nhạc cũng ở đây. Khi ông ta thôi tiêu; mục súc ở trong làng kéo đến gần ông. Tôi cho rằng có lẽ ông ta là một nhà nghệ-sĩ tài hoa nhất thế kỷ nhưng ông lại hoàn toàn bằng lòng với cuộc sống âm u ở trong làng, không một ai biết tới; ông ta chỉ tấu nhạc ở đền thờ trong làng và an phận với số lợi tức thu hoạch được trong khu đất của tổ tiên ông ta để lại. Tôi đã giặt quần áo, quét nhà, chạy vật và làm thư ký cho ông ta, lúc nào ông cảm thấy thích thì ông dạy tôi về âm nhạc.

Nhân cách và sự hiện diện của ông ta đã có một giá trị riêng, đến nỗi rằng ông chỉ dạy tôi một giờ cũng có giá trị bằng một niên học của bất cứ ông thầy nào khác. Chính cái bầu không khí chung quanh ông ta đã dạy tôi.

Sau ba năm khổ công thụ huấn thầy tôi cảm thấy rằng kiến thức về âm-nhạc của tôi đã thành hình. Ông nói: «Có lẽ, trong một năm nữa thôi, anh có thể đi ra tỉnh và biểu diễn trước công chúng được rồi nếu anh chịu khó trau dồi thêm ít nữa». Các ông có thể chắc rằng tôi đã sẵn sàng về âm nhạc của tôi như thế nào vì tôi không thích sự trống rỗng trong cảnh âm u nữa. Tôi muốn giàu có và nổi danh. Năm ngoái tôi đã mộng thấy tôi tới Madras biểu diễn trong các đại nhạc hội và rồi danh tiếng của tôi vang dội khắp vùng. Tôi sử dụng cái ống tiêu tre như là một cái que có phép quỷ thuật mà nó sắp mở đường cho tôi tới một thế-giới mới.

Tôi sống trong ngôi nhà tranh ở cuối phố, thói quen của tôi là học nhạc về ban đêm. Một đêm kia khi tôi đang say sưa với

bản nhạc Bhairavi Raga bỗng có tiếng gõ cửa. Sự cắt ngang đó làm tôi cảm thấy tức bực. «Ai đó»? Tôi hỏi.

«Một người Sadhu, đến xin ăn».

«Giờ này, à! đi, đi. Đừng đến quấy rầy người ta vào những giờ này».

«Nhưng kẻ đói không biết thời giờ».

«Cút đi. Tôi không có gì ở đây cả. Chính tôi cũng phải sống nhờ vào lòng nhân-tử của thầy tôi».

«Nhưng, anh không thể cho được một xu nhỏ thì ít ra cũng một lời nói an ủi người Sadhu?»

«Đóng cửa lại» Tôi kêu lên; rồi nhìn chằm chằm ra cửa và lại bắt đầu bản Bhairavi.

Mười năm phút sau lại có tiếng gõ cửa. Tôi mắt hằn bình tĩnh.

«Anh không biết nghĩ sao? Tại sao anh cứ đến quấy rối tôi?»

«Anh chơi tiêu thật nào nùng. Không cho tôi vào được ư? Anh có thể không cho tôi thức ăn nhưng đừng từ chối tôi về âm-nhạc».

Tôi vốn không thích một

người nào có mặt khi tôi thực hành nhạc và cái sự cắt ngang lúc này tôi vẫn còn tức giận. «Đừng đứng đó mà cãi nữa. Nếu anh không đi ngay, tôi sẽ mở cửa và tống cổ anh ra».

«À, anh nói những lời như vậy, được rồi, anh khỏi cần đuổi tôi ra. Tôi đi đây. Nhưng hãy nhớ rằng đây là ngày cuối cùng về âm nhạc của anh».

Tôi nghe thấy tiếng guốc gỗ bước xuống dưới thềm nhà. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và thôi tiêu trong mười phút nữa. Nhưng tâm trí tôi bối rối lạ thường. Những lời từ biệt của người Sadhu đó có nghĩa gì? Tôi vớ tay lấy cây đèn bão treo ở cái đinh trên tường và đi ra ngoài. Tôi đứng trên bậc thềm nhà, tay cầm cây đèn, tôi nhìn xuống đường phố tối đen. Tôi quay trở vào Hy vọng người Sadhu còn trở lại gọi nữa, tôi để ngỏ cửa. Tôi treo cây đèn lên và ngồi lại. Tôi nhìn bức tranh vị thần ở trên tường và cầu xin người bảo vệ cho qua khỏi những lời dọa nạt của kẻ hành khát. Và một lần nữa tôi lại thả hồn say sưa trong tiếng nhạc.

Hết bản này đến bản nhạc khác

nổi tiếp. Những âm điệu trầm bổng thanh thoát âm vang khắp mái nhà tranh cô tịch, tôi thấy bay bổng lên cao theo nhịp thở của tôi trong bóng tre và tôi như đã ở trong đám các vị thiên thần. Ngọn đèn trên tường bỗng trở nên sáng lấp lánh như một ngôi sao trong vòm trời... Và tôi tiếp đến bài ca con rắn trong điệu Punnaga varali. Tôi thấy con rắn với tất cả sự oai vệ; danh dự của nó hình như ở nơi những cái túi nọc rất độc đó, bây giờ tôi đã thấy cái thần tính của nó như khi nó được tôn lên trên quyền vị thần Shiva : Parvathi quấn nó trên mình : Subramanya làm bạn với nó, thần Vishnu gối đầu trên nó...

Tất cả những sự tích lạ lùng về con rắn, gây cho tôi sợ hãi và sùng bái.

Và bây giờ một con rắn đen hiện ra ở chỗ tôi ngồi và cửa ra vào. Nó dựng ngược cái mào lên. Tôi ngừng hát và lấy tay dụi mắt xem có phải tôi đang mơ ngủ không? Nhưng, một lúc lâu sau khi bài hát chấm dứt, con rắn độc quay trở lại, ném cái nhìn về phía tôi và bỏ gằn tới. Trong đời tôi chưa từng thấy một con rắn nào đen và dài đến như vậy. Bản năng tự

vệ như thăm bảo tôi : « Hay chơi đi ! Đừng có ngừng ». Tôi vội vã cầm ống tiêu lên môi và tiếp tục bài hát. Con rắn, lúc này ở cách tôi không quá ba thước, nó nhấc cao đầu lên, dán cặp mắt tròn của nó vào tôi và lặng lẽ nghe ngóng những âm thanh trầm bổng.

Miệng thổi tiêu mà mắt tôi vẫn hướng về phía con rắn, tôi cảm động trước sự trang nghiêm và cái uy quyền của nó. Sau khi thổi bản hát đó đến lần thứ ba tôi bắt đầu một bản mới. Con rắn quay phắt đầu lại và trông trực nhìn tôi, nó rít lên một tiếng nghe rợn người và từ từ trường mình lên, lập tức tôi phải bắt đầu lại bài ca con rắn.

Tôi đã thử thay đổi bài ca một hai lần nữa, nhưng tôi thấy con rắn lắc lư như muốn đe dọa. Tôi cố gắng đứng lên dần dần mảy ra có thể phóng lệ ra ngoài được nhưng con rắn độc đã dựng thẳng cái thân lên như muốn đứng trên cái đuôi của nó để sửa soạn trừng phạt tôi. Và vì vậy, tôi phải lặp đi lặp lại bài ca đó suốt đêm. Cứ thế tiếp tục tôi đã cảm thấy khô cứng cả cổ, đầu tôi choáng váng, hai bên má mồi ròi, đau nhức vì sự

thời không ngừng này, cái cảm tôi như muốn rỗng hẫng ra. Tôi biết, chỉ trong một vài giây nữa tôi sẽ ngã ra chết. Tôi nghĩ phải làm một việc gì trước khi con rắn sửa soạn quần lên mình tôi để chích cái chất độc chứa đầy trong túi độc của nó. Tôi liệng cái ống tiêu đi, đứng dậy và cúi xuống lấy nó, tôi nói được « Ô ! Naga Raja, ngài là vị thần, ngài có thể giết tôi nếu ngài muốn, nhưng tôi không thể chơi hơn nữa... »



Khi tôi tỉnh dậy, con rắn đã đi rồi. Ngọn đèn treo trên tường đã đổi ra màu xanh nhạt vì ánh sáng buổi mai. Cái ống tiêu nằm gần lối cửa ra vào.

Ngày hôm sau tôi kể lại sự đó với thầy tôi. Ông nói « Anh không biết rằng anh không được phép thổi bản punnaga varali về ban đêm sao? Bây giờ nếu anh chơi tiêu nữa chắc chắn con rắn đó sẽ trở lại. Và khi đến nó sẽ không tha thứ anh trừ khi anh hát lại bài ca của nó, và như

vậy, liệu anh có dám thổi tiêu nữa không ?

« Không, không, một ngàn lần không ». Tôi la lên. Cái kỷ-niệm về bài ca đó giống như một trận mưa rào thôi. Suốt đời tôi không bao giờ nhắc lại nó nữa. Nếu vậy tôi liệng ống tiêu đi và cố quên âm nhạc. Tôi không thể chơi với một con rắn. Nó chỉ là trò chơi của các vị thần được thôi ». Tôi đã khóc vì sự từ bỏ đó. Thầy tôi thương hại và an ủi tôi : « Có lẽ mọi việc sẽ tốt đẹp trở lại nếu anh chịu khó đi tìm người khách lạ đêm đó và cầu xin ông ta tha thứ cho. Anh tìm ông ta được chứ ? ».

Tôi đập nát cái ống tiêu và từ đấy, tôi bắt đầu đi tìm kiếm tên hành khất vô danh đó, trên cái thế giới này. Cả đến hôm nay, nếu nhờ trời dưng dũi tôi lại được gặp nó, tôi sẽ phục dưới chân nó, cầu xin sự tha thứ để tôi có thể lại thổi được ống tiêu như xưa.

ĐỖ-KHẮC-THỨC dịch



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞNG AN-ĐƯỢC

TỜ BÁO
ĐẦU - TIÊN
TRÊN THẾ-GIỚI
XUẤT - BẢN
Ở XỨ NÀO
NĂM NÀO
CỦA AI



MÌNH ƠI

— Hôm nay không có Mình-
ơ! Mình-hỏi gì hết nhé!

— Sao thế, Mình? Hôm
nay Mình bận gì mà không nói
chuyện với em?

— Bạn viết báo.

— Thì Mình nói chuyện viết

báo cho em nghe vậy.

— Ông chủ-nhiệm bảo anh
viết gấp một bài Kỷ-niệm Đệ-tứ
chu-niên tạp-chí Phồ-Thông.
Em đề anh viết kéo trễ, xong
rồi anh đọc cho em nghe.

— Không, em hồng chịu đâu.
Mình nói cho em nghe trước
rồi Mình hãy viết sau cơ.

— Hôm nay anh không có
thì-giờ kể chuyện. Anh rất tiếc.

MÌNH ƠI!

— Bộ em là vợ Mình, em
không có quyền ưu-tiên sao
chứ?

— Thì anh viết xong, em
đọc trước, cũng thế.

— Em hồng thêm đâu. Em
muốn nghe Mình nói cơ. Hôm
nay em cũng không có thì giờ
đề đọc, em rất tiếc.

— Thôi thế thì em muốn
anh nói chuyện chi?

— Chuyện viết báo.

— Anh nói chuyện Kỷ-niệm
Đệ-tứ chu niên báo *Phồ-Thông*
cho em nghe vậy nhé?

— Em muốn nhân dịp lễ kỷ
niệm đệ tứ Chu-niên Tạp-Chí
Phồ-Thông, Mình nói cho em
nghe về những tờ báo đầu tiên
trên thế giới. Xuất hiện từ hồi
nào, ở xứ nào, năm nào, hình
thức như thế nào, của ai v.v...
Em thích biết đầy đủ như thế.

— Tờ báo đầu tiên xuất hiện
trên thế giới?... Lâu - lặc
lâu-lơ rồi... đề anh nhớ
lại xem đã... Từ thời thượng-
cổ của lịch-sử Ai-cập, Hy-Lạp,
La-Mã, Trung-Hoa, Văn-minh
khoa học chưa nảy nở, thì chưa
có phương tiện làm ra tờ Báo,
cho nên cũng chưa có ai nghĩ
đến việc làm Báo. Tuy vậy, không
phải loài người sống bịt bùng,

ở đâu chỉ biết sống ở đó, và
đối với những chuyện xảy ra
chung quanh thì mù-tít mù-lắt.
Tuy rằng báo chí chưa có,
nhưng những biến cố lớn lao,
thí dụ như cái chết của vua
Ramsès II của Ai-cập, 1225
năm trước J.C, cái chết của
vua **Cyrus** của Ba-Tư (530
năm trước J. C.) cuộc chiến
tranh vĩ đại giữa hai thành
Sparte và **Athènes** của Hy-
lạp. (4 Thế kỷ trước J.C.), nhà
Triết - học **Socrate** bị Cường
quyền Hy - Lạp bắt tội, đại
đế **Alexandre** chinh-phục cả
vùng Cận-Đông (3 thế-kỷ trước
J.C.). Hoàng tử **Gautama**
Siddharta ở Ấn-độ bỏ trốn
kinh-thành trong đêm khuya đề
vào rừng đi tìm Đạo giải-thoát
(5 thế-kỷ trước J.C.). Vua
Tần thủy Hoàng-đế của Trung
Hoa bắt dân chúng xây đắp
Vạn-Lý Trường-thành (3 thế kỷ
trước J.C.), v.v... những việc
quan-trọng lớn lao như thế,
xảy ra ở mỗi địa phương, tuy
ở xa-lắc xa-lơ, núi sông cách
trở, sự thông-thương qua lại
rất là khó khăn, và không có
báo chí để truyền tin, thế mà
dân chúng ở các xứ lân cận,
đều biết cả. Ấy là nhờ họ truyền

miệng cho nhau. Lời đồn gần đồn xa, tuy rằng tin-tức thường thường bị phóng đại, nhiều khi bị xuyên-tạc, và rất chậm-trễ, nhưng loài người cũng đã dùng lời nói để « báo » cho nhau biết những chuyện lớn xảy ra chung quanh mình. Chính nhờ những « tin tức » loan truyền bằng miệng đó, mà khi một bà Hoàng-Hậu nước Tàu khám phá ra con tằm và biết nuôi tằm để lấy tơ (2698 năm trước J.C.) thì sau đó ở Hy-Lạp đã hay tin, và đã có những người tu sĩ đi qua Tàu để lấy tằm về Athens, Thèbes, Corinthe, cho nở ra tằm, và mở ra kỹ-nghệ làm tơ. Cho đến thế kỷ XII, Vua xứ Sicile cũng vì nghe được tin ấy, bèn đem một đạo Thuyền binh vượt bể Địa-trung-Hải sang đánh các thành phố Hy-Lạp để chiếm lấy các hăng nuôi tằm, và chặt những cây dâu, bắt những con tằm đem về lập những xưởng làm tơ đầu tiên ở Tây-phương ! Đó là lấy một thí-dụ để cho biết rằng đời xưa tuy chưa có báo chí thông tin, nhưng « tin tức » vẫn được loan truyền từ Á sang Âu, từ Đông sang Tây, bằng « ba tấc lưỡi », và cuộc diện thế

giới đã bao phen thay đổi, cũng vì « ba tấc lưỡi » của con người ta đem chuyện này chuyện kia mà phao tin đồn-đai từ nơi này qua nơi nọ.

— Rồi đến thời nào mới có những tờ báo thông tin chính thức, hả Minh ?

— Mãi cho đến khi có người phát-mình ra nghề in chữ.

— Ai ?

— Năm 1423 người Hòa-Lan **Coster ở Haarlem**, đặt ra chữ in bằng gỗ, và năm 1440 **Gutenberg**, người Đức, đặt ra chữ in latin, bằng kim-khí để in sách. Rồi từ đó, suốt hai thế-kỷ XV, XVI, có những thợ in nổi danh như **Plantin, Elsevier, Dolet**, phát-triển nghề in, và kỹ-nghệ ấn-loát bắt đầu mở-mang khắp cả Âu-châu. Chữ in, đây là phương-pháp thuận-tiện nhất để phổ-biến tin-tức cũng như tư-tưởng của con người. Kỹ-nghệ in vừa bắt đầu thịnh-hành thì các tờ **Báo** đầu-tiên cũng bắt đầu xuất-hiện. Đó là hậu-quả dĩ-nhiên của cuộc tiến-triển toàn diện về tinh-thần và kỹ-thuật, chung khắp cả Tây-phương.

Những tờ « Báo » đầu tiên của Âu-châu trong thời kỳ phôi thai báo chí, hãy còn để lại dấu vết trong các tàng cổ viện :

Năm 1583, một tờ tuần báo đầu tiên tên là **Relatio Historica** xuất bản ở Ý.

1594, ở Augsburg (Đức)

1600, ở Venise (Italie — Ý)

1605, ở Anvers (Belgique Bỉ)

1609, ở Strasbourg (Pháp)

1610, ở Bâle (Suisse Thụy-sĩ)

1619 ở Amsterdam (Hollande — Hòa-Lan).

1621, ở Vienne (Autriche — Áo)

1622, ở London (England — Anh)

1631, ở Paris (France)

Tờ Báo « **Ordinari Zeittungen** » xuất bản năm 1594 ở Augsburg, do một nhóm chủ nhà ngân hàng Đức, **Fugger**, ấn loát và phát hành thường xuyên để thu thập tin tức chính-trị, và đăng cả những bài phê bình thời sự.

Ở *Italie*, xuất hiện những tờ **Fogli avoisi** (bản báo cáo) đăng tin tức trong nước và ngoài nước. Năm 1600, ở Cận-đông có những cuộc chiến tranh

lớn giữa Turquie và các nước lân cận, một người ở Venise (Italie) lợi dụng cơ hội xuất bản một tờ báo để đăng tin chiến sự, có quan hệ đến việc buôn bán với Tây phương.

Những tờ báo ấy bán 1 đồng bạc Ý, gọi là 1 *gazetta*. Do đó mà tờ báo cũng được gọi là *gazette*.

Ở Anh, tờ báo đầu tiên tên là « **News** » (Tin-Tức — Thời-sự) xuất bản ở London năm 1622. Nhưng tờ báo quan trọng nhất ở Âu-châu thời bấy giờ là tờ « **Neuwe Tijdinghen** » chủ-nhiệm kiêm chủ bút là **Abraham Verhoeven**. Xuất bản ở Anvers (Bỉ), do đặc ân của công tước **Albert** và Nữ Công tước **Isabelle** đang cai-trị ở Bỉ, cho phép đăng những tin chiến tranh giữa xứ Espagne và Hòa-Lan—Bỉ. Số 1 tờ **Nieuwe Tijdinghen** đăng rõ trận **Eekeren** ngày 17 tháng 5 năm 1605, lại có cả hình một cuộc xáp chiến, bằng bản gỗ in trên giấy rất rõ ràng. Đó là tờ báo có « tranh ảnh » đầu tiên trên Thế-giới. Số 14 tờ báo ấy lại có đăng cả một bản đồ chiến sự rất tỉ mỉ.

Kế tiếp tờ **Nieuwe Tijdinghen** của Bỉ là tờ báo đầu tiên của Pháp tên là « **La Gazette** ». số 1 xuất bản ngày 30-5-1631, do một Văn-sĩ kiêm Y-sĩ có danh thời bấy giờ làm Chủ nhiệm và Chủ Bút, là **Théophraste Renaudot**. Dưới tên Báo, có ghi một giòng như sau đây : « *Commencements de la Publicité politique. Le premier journal français* ».

(Khởi đầu tuyên truyền chính trị. Tờ Báo đầu tiên của Pháp)... Sự thật, **La Gazette** là một tờ tuần báo, xuất bản ngày thứ Bảy, được các giới trí-thức và quý phái đọc nhiều hơn. Dân-chúng thỉnh-thoảng mới được coi, vì giá bán đắt, không hợp với túi tiền của đại chúng. Chính vua **Louis XIII** cũng thường viết bài trong báo **La Gazette**. Cho đến năm 1762, thì tờ **Gazette** trở thành cơ quan của chính quyền và đổi tên là **Gazette de France** (Gazette Pháp-quốc).

Tất cả các báo Tây-phương thời bấy giờ là *tuần báo* vì việc ấn-loát còn sơ-khai, còn in bằng tay, máy in chưa được chế tạo.

Mãi đến năm 1660, tờ **nhật**

báo đầu tiên mới ra đời ở Leipzig, của người Đức, tên là **Ritzsch**, viết bằng tiếng Đức.

Rồi trên 100 năm sau, năm 1777 nước Pháp mới bắt chước Đức mà xuất bản tờ **nhật báo** đầu tiên, tên là **Journal de Paris**.

Từ đây trở đi, các tờ báo khác đua nhau ra đời, mọc lên như nấm, ở khắp các kinh-đô và các thành phố lớn Âu-Châu, như những tờ *Journal de Genève* (Suisse), *Journal de Bruxelles* (Belgique) *Courier de l'Europe*, *la Gazette de Clèves*, v.v...

Cuộc Cách-mạng Pháp 1789 là một cơ hội rất thuận tiện cho các báo của nhân dân ra đời, do các nhà Văn cách mạng và các nhà Luật-sư làm chính-trị, chủ-trương, như :

— *Les Révolutions de Paris* của **Louis Prudhomme**

— *La Chronique de Paris* của nhà Bác học **Condorcet**

— *Les Révolutions du France* của nhà thơ **Camille Desmoulins**.

— *Le Journal de Paris* của nhà Thơ trẻ tuổi **André Chénier** và nhiều tờ khác nữa.

Tổng cộng riêng ở thủ đô Paris, năm 1789 có 150 tờ báo hằng ngày và hằng tuần.

1790 thêm 140 tờ báo mới, rồi bắt đầu con số sụt xuống còn :

Năm 1791, 85 tờ ; năm 1792, 60 tờ ; 1793, 50 tờ ; 1794, 40 tờ, 1795, 35 tờ.

Đặc biệt nhất là tờ báo **Le Moniteur Universel** sống lâu hơn tất cả các báo khác và tiêu biểu rõ rệt tinh-thần của những tờ báo mà ta thường gọi là « theo gió phất cờ », những tờ báo xu thời, sống dưới chế độ nào cũng được cả. khéo uốn nắn ngòi bút đề nghị bỏ các chính quyền liên tiếp đổi thay, cầu mong được yên thân đề lo làm giàu.

Số 1 tờ *Le Moniteur Universel* ra ngày Thứ Ba 24-11-1789, giữa lúc cao trào cách-mạng Pháp đang bùng nổ, người chủ nhiệm của nó, tên là **Charles Joseph Panckoucke** tuyên bố 5 mục phiêu « phụng sự Cách-mạng nhân-dân » ; thông tin đầy đủ về Quốc-hội, về chính sách quốc nội và quốc-

ngoại, về hành chánh, và làm cơ quan Văn học, Khoa-học, nghệ thuật. Sau cùng là đăng quảng cáo các nhà buôn và của tư-nhân đề « ủng hộ bạn đọc ».

Châm-ngôn in trên trang nhất của tờ báo là một câu latin :

« *Scribitur ad narrandum, non ad probandum* »

(Ghi-chép và tường thuật, mà không phê-bình).

Sự thật, thì ông Chủ-nhiệm và ông Chủ-bút chuyên-môn viết bài nịnh tất-cả các nhà cầm quyền của tất-cả các chế-độ liên-tiếp đổi thay. Nhờ vậy mà báo nào chết chứ báo **Le Moniteur** vẫn sống, báo nào bị đóng cửa chứ **Le Moniteur** cứ mở cửa luôn luôn. Thời kỳ nhân-dân Cách-mạng lập Cộng-Hòa, và giết Vua, báo **Le Moniteur** đăng thơ của ông chủ-nhiệm đại khái như bài sau đây :

*Peuple, éveille toi, romps tes fers
La liberté t'appelle ;
Tu naquis pour elle
Peuple, éveille-toi, romps tes fers !*

Hỡi nhân-dân, thức tỉnh dậy, bẻ xiềng sắt !

Hãy nghe tiếng gọi của Tự-do !

Ta sinh ra vì Tự-do,
Hỡi nhân dân, v.v...

Tờ báo đã đảo nhà Vua, đã kích chế độ quân-chủ, và suy tôn nhà lãnh-tự cách-mạng Robespierre, một vị « anh-hùng dân-tộc », vị « cứu-tinh của nước Pháp » v.v... 18 tháng sau, Robespierre bị tòa án nhân dân kết tội chém, báo *Le Moniteur* không ngần ngại đăng liền: « *hắn là con cạp khát máu* ». (*un tigre altéré de sang*), một tên độc-tài tàn-bạo (*un tyran*).

Sau đó các chính phủ kế-tiếp... Rồi đến Napoléon... thì *Le Moniteur* suy tôn Hoàng-đế Napoléon, « một César mới », vị « Chúa tể của Âu Châu », v.v... Đến khi Napoléon bị đày ra đảo Elbe, Louis XVIII của giòng họ Bourbons tái-vị, thì báo *Le Moniteur* quay lại chửi bới Napoléon, ca-ngợi Louis XVIII. Sau 10 tháng bị lưu đày. Ngày 1-3-1815, Napoléon đổ bộ trên vịnh Juan, được quân đội và dân-chúng nhiệt-liệt hoan-hô, đón tiếp niềm nở trở về Paris, thì báo *Le Moniteur* viết: *Vua Louis đã trốn đi, Hoàng-đế Napoléon chiều nay sẽ hồi loan, đúng 8 giờ, về Điện Tuileries của Ngài...*

Hoàng-đế muôn năm ! » Không hề Napoléon chỉ ngồi trên ngai vàng được 100 ngày rồi bị bắt buộc phải thoái-vị, vì đại-bại ở Waterloo. Louis XVIII trở lại ngôi Vua. Napoléon bị đày qua đảo Ste Hélène. Báo *Le Moniteur* đăng: « *thế là kẻ độc-tài bạo-chúa Bonaparte từ nay sẽ hết đường chọc nước khuấy trời. Đó là hình-phạt xứng-đáng* » v.v., và cuối cùng tờ báo hô to: « *Vua Louis XVIII muôn năm !* »

— Mình ơi, ở xứ ta cũng có những tờ báo như thế chứ !

— Anh thỉnh-thoảng viết báo chơi đôi ba bài, cũng mang danh là nhà báo, thì em đừng bắt anh phải phê-bình một vài đồng-nghiep của anh !

— Nghe nói báo bên Mỹ nhiều lắm và giàu lắm, phải không Mình ?

— Tờ báo đầu tiên của Mỹ, tên là *Boston News' Letter* xuất bản số 1 ngày 23-4-1704 là một tuần-báo. Tờ báo hàng ngày đầu tiên là *Pennsylvania Evening Post*, xuất bản ngày 30-5-1783. Hiện nay năm 1962, khắp cả nước Mỹ (Huê-Kỳ) có 1760 tờ nhật-báo, mỗi

ngày phát-hành 56 triệu số, không kể các báo hằng tuần và các nhật-báo chuyên môn của mỗi nghề-nghiep Riêng tờ nhật-báo *New York Daily News*, phát-hành 2 triệu số. Những thành phố nhỏ nhất, dân số không quá 5000 người, cũng có ba tờ nhật báo và tuần báo.

— Mình ơi, hiện nay trên thế giới có những tờ báo nào bị nhất, kết-xù nhất ?

— Ở Đức: tờ *Berliner Tageblatt*.

Hollande: *Télégraphe*

Belgique: *L'Indépendance Belge*

Anh: *Times, Daily News, Daily*

Telegraphe

Suisse: *Journal de Genève,*

Gazette de Lausanne

Espagne: *Imparcial, la Epoca*

Italia: *Corriere della Sera*

Observatore Romaro

Nga: *Izvestia, Pravda*

Đây là những tờ báo lớn nhất và có uy tín nhất trên Thế giới, mỗi tờ phát hành mỗi ngày trên 1 triệu số.

— Mình ơi, tại sao người ta thường nói: « *Báo chí là quyền thứ tư*, hả Mình ?

— Trong các nước Dân-chủ

thật-sự, Báo chí có uy quyền lớn lao bên cạnh quyền Hành pháp, quyền Lập pháp, và quyền Tư-pháp, (*Pouvoirs Exécutif, Législatif, Judiciaire*), bởi ảnh hưởng của tờ báo (nói báo tự-do, độc-lập) rất sâu rộng đối với chánh quyền và dư luận nhân-dân.

— Còn tại sao người ta cũng thường nói: « *Làm báo nói láo ăn tiền* » ?

Bà Tú cười, ông Tú cũng cười. Coi bộ ông chịu thua câu này, trả lời không được ! Bà Tú chơi ác cứ đeo theo hỏi:

— Hà Mình ? Tại sao ?

Ông Tú muốn nói giả-là sang chuyện khác, bèn đáp lại:

— Hồi sáng anh ăn 10 cái hột vịt lộn, thế tại sao cũng bị thúi mất mấy hột ? Em trả lời anh nghe nào !

Bà Tú véo ông Tú mấy cái đau diếng:

— Em đã cấm Mình nói đến cái Hột-vịt-lộn, sao Mình cứ nói hoài như thế hả ?

Hai người cò lét nhau, cười rùm lên cả nhà !

Diệu-Huyền

thơ Hoàng-Vu



★ NGUYỄN - VỸ



đã phát-hành

1 - 11 - 1962

★ 270 trang, cùng khuôn-khổ như PHỔ-THÔNG tạp-chí, loại giấy impression, bìa Blanc-fin, bọc nylon :

Giá : 30\$

★ Loại giấy Duplicateur, bìa Bristol, bọc nylon :

Giá : 85\$

● Trong số sau sẽ đăng danh-sách Đại-lý các tỉnh có bán tập thơ **HOANG - VU**.

● Ở những nơi nào chúng tôi không có Đại-lý, xin bạn đọc gửi bưu-phiếu (hoặc nhiều bạn gửi chung một bưu-phiếu) đề tên tác-giả, Tòa-soạn **PHỔ - THÔNG TẠP - CHÍ**

231, Phạm-ngũ-Lão — Saigon,

Xin biên địa-chỉ của bạn thật rõ-ràng, đề sách gửi đến khỏi thất-lạc.

★

Nhà xuất-bản và Tổng phát-hành

PHỔ - THÔNG TÙNG - THƯ

531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — SAIGON

PHI HÀNH-GIA THỨ BA CỦA HOA-KỲ

TRUNG-TÁ WALTER M. SCHIRRA

*Thực hiện chuyến
bay quanh Quỹ-Đạo
ĐỊA - CẦU*

★ John G.

TRUNG tá Walter Schirra, viên phi hành gia thứ ba của Hoa-Kỳ đã thực hiện chuyến bay quanh quỹ-đạo địa cầu, tình nguyện tham gia chương trình dự án Mercury với niềm tin tưởng rằng «thời đại mới đã đến với những sự vật mới

mẻ». Thật vậy, suốt cả cuộc đời, lúc nào ông cũng quyết tâm làm những gì mới mẻ.

Trung tá Schirra vạch rõ rằng ngành hàng không thường «tuỷ trước đây đã từng là một sự mới mẻ, nhưng nay đã có đến 50 năm rồi». Mỗi khi có sự gì mới mẻ và tốt đẹp hơn, Trung tá liền chụp lấy cơ hội đề cử phần.

Sau 4 năm thí nghiệm những chiếc phi cơ quân sự có vận tốc nhanh nhất của Hoa-Kỳ, đến năm 1959 ông nghĩ là đã tới lúc phải bay lên cao, xa, xa, tít trên thượng không, chứ không phải quanh quần ở trái đất nữa. Kể từ ngày ấy, và cho đến hôm nay cũng vậy, Trung tá Schirra nhận thấy rằng công cuộc phi hành thuần không gian chỉ là một bước tiến hợp lý và tất nhiên của vận tốc và cao độ hiện hữu của phi-cơ.

Khi được chỉ định làm phi hành gia không gian, Trung-tá Schirra tuyên bố ông dự trù trước 2 mục phiêu chánh yếu trong chương trình nghiên-cứu không gian với những chuyến bay do người điều khiển của Hoa-Kỳ: Thứ nhất, bay quanh quỹ đạo địa cầu và trở về trong một phi thuyền do hỏa tiễn

phóng đi, và thứ hai là bay lên một hành tinh khác nào đó, đổ bộ xuống hành tinh ấy rồi trở lại địa cầu. Và theo ông nghĩ thì «hành tinh khác nào đó» chính là Mặt trăng.

Ngày nay, ông cũng có cùng một cảm nghĩ như hồi 1959 về hai mục phiêu chánh yếu của chương trình thám-hiềm không-gian của Hoa-Kỳ. Còn về những mục phiêu xa vời nào khác nữa, thì ông nói rằng «một khi chúng ta đạt được hai mục phiêu nói trên, thì tất cả những gì còn lại chỉ là vấn đề chi tiết và đòi hỏi thêm một thời gian nào đó mà thôi.»

Trung tá hải quân Schirra hết sức hy vọng được ngồi trong phi thuyền đầu tiên của Hoa-Kỳ do người điều khiển du Nguyệt-cầu. Ông sẽ được 45 tuổi tính đến năm 1968, là năm có thể thực hiện chuyến bay du Nguyệt cầu và ông tin chắc rằng lúc đó ông sẽ không quá già đến nỗi không thể thực hiện được chuyến đi thăm Nguyệt-điện. Trung tá Schirra tuyên bố rằng



tất cả những phi hành gia Hoa-Kỳ đang tích cực hoạt động ngày đêm không ngừng cho chương trình Apollo du Nguyệt-cầu, «để chúng tôi khỏi bị loại bỏ theo thời gian.»

Tuy nhiên, phi hành gia nhấn mạnh rằng «không một ai trong nhóm phi hành gia chúng tôi lại quan tâm chỉ về một việc mang danh phi hành gia không gian.» Và ông tiếp thêm: «chúng tôi quan tâm đến việc bay lên và bay về mà thôi.»

«Wally», biệt danh thường được bạn bè dùng để gọi ông, là một người có bản tính tự-nhiên thích phi-hành. Thân sinh của ông ngày nay là một kỹ-sư dân sự hồi hưu, là một trong số những phi công đầu tiên của lịch sử phi hành Hoa-Kỳ và là một phi công lái chiến đấu cơ trong cuộc Đệ-Nhất Thế-Chiến. Sau chiến tranh, thân phụ và thân mẫu ông đã phi hành trên một phi cơ hạng nhẹ trong một cuộc bay biểu diễn. Hiện nay song thân của Trung tá Hải quân Walter M. Schirra đang vui hưởng tuổi già tại Californie.

Trung tá Hải quân, một người con danh tiếng của gia đình họ Schirra, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1923 tại thị trấn Hackensack, thuộc tiểu bang New Jersey, chỉ cách thành phố New-York có một vài dặm đường. Ông sinh trưởng ở đó và theo học tại các học đường ở những thị trấn nhỏ bé lân cận.

Đúng như lời tuyên bố của Trung-tá Hải-quân, ông sinh ra là để theo nghiệp phi hành, vì từ khi còn bé ông đã biết ca tụng nghiệp phi hành của Cụ thân

sinh. Sau một năm học ở Cao-dẳng Kỹ-thuật, ông được tuyển vào Hải quân Học viện Annapolis và tốt nghiệp vào năm 1945. Phi hành và những môn học kỹ-thuật đem lại cho ông nhiều nguồn thích thú, cho nên không mấy lâu sau đó, ông tham gia chương trình huấn luyện phi hành quân sự.

Ông cho biết « kể từ dạo ấy, tôi lúc nào cũng muốn có phi cơ tốt hơn để bay. Tôi bắt đầu bay với một phi cơ huấn luyện kiểu mẫu, rồi sau với loại phi-cơ mà tôi cho là «nóng nhất»: khu trục cơ Bearcat F8F. Tôi cố gắng tìm cách vào ngành hàng không phản lực càng sớm càng tốt, và lúc đó, ít ra là đối với Hải-quân, giai đoạn phi hành bằng phản lực cơ mới chỉ khai mào ».

« Từ đó, tôi bước vào ngành phản lực không vận, một ngành hàng không tiến hóa tất nhiên. Tôi cần nói thêm là lúc nào tôi cũng là một viên phi công lái chiến đấu cơ. Sau đó, tôi vào ngành phản lực không vận ban đêm, và rồi chuyển qua các phản lực cơ chiến đấu thường trực.

« Mỗi một loại phi cơ nói trên đều có phần nào nguy-hiểm,

nhưng nếu chúng ta bước tới thực tập phi hành dần dần, thì xét ra cũng không lấy gì nguy hiểm như người ta thường nghĩ, vì đồng thời kinh nghiệm phi hành của chúng ta mỗi ngày một phát triển thêm hơn. Kể đến, tôi lãnh nhiệm vụ phi hành tác chiến trong chiến cuộc Triều-Tiên ».

Trung tá Hải quân Schirra đã xuất trận 90 lần trong suốt thời gian gia nhập quân lực LHQ để chiến đấu ở Nam-Hàn. Với thành tích triệt hạ được một chiến đấu cơ MIG của địch quân, Trung tá Schirra được vinh thưởng huy-chương phi-hành đặc-biệt và 2 huân chương hàng không.

Trung tá nói tiếp : « từ Triều Tiên trở về, tôi tham gia công tác thí nghiệm tại Đài Thí-Nghiệm của Hải quân thiết lập tại Californie và dự phần trong công cuộc chế tạo hỏa tiễn bắn trên không Side-Winder. Kể đó, tôi phụ trách chương trình huấn luyện bắn hỏa tiễn cho hạm đội. Sau thời gian ấy, tôi theo học ở Trường Huấn Luyện Phi Công Thí-Nghiệm của Hải quân tại Maryland, và hàng ngày thực hiện những công tác phi hành

yêu thích trên phản lực cơ chiến đấu F4H và những loại phi cơ khác nữa ».

Tính ra, ông đã bay hơn 3200 giờ, gồm trên 2000 giờ phi hành với phản lực cơ.

Trung tá Schirra giải thích về nghiệp bay của ông như sau : « Trở thành phi hành gia không gian là cả một sự tiến hóa, chứ không phải chỉ là một trường hợp lánh ra khỏi đường phố với bộ đồ dạo phố hoặc một bộ quân phục, để rồi khoác vào người một bộ đồ phi hành không gian màu bạc. Quả thật, chính huyết thống, cuộc đời thơ ấu và những năm kế tiếp đó đã giúp tôi xây dựng sự nghiệp phi hành không gian ngày hôm nay. »

Trung tá Schirra là viên phi công phụ khuyết của chuyến bay trên quỹ đạo địa cầu do phi-hành gia không gian Scott Carpenter thực hiện vào ngày 24 tháng 5 vừa qua.

Còn trong suốt chuyến bay quỹ đạo địa cầu của Trung tá John Glenn thực hiện hôm 20 tháng 2, ông Schirra đã giữ vai trò điều hành các hệ thống liên lạc bằng vô tuyến tại Trắc-Viên Đài Mercury ở Californie.

Ngoài ra, Trung tá Schirra cũng điều khiển những công tác huấn luyện các nhân viên dưới đất của chương trình Mercury tại các Trắc-Viên-Đài thiết lập ở Bermude, Guaymas, Mễ-Tây-Cơ ; và Muchea, Úc-Đại-Lợi.

Trong chuyến bay thực tập thứ nhì, do hỏa tiễn Atlas bắn phi thuyền, hồi đầu năm 1961, Trung tá Schirra đã dùng phi cơ khu trục bay suốt lên không để quan sát hỏa tiễn ở cao độ chừng 10 cây số.

Ông thuật lại rằng « có lẽ đó là một cảnh tượng hào hùng nhất mà tôi chưa từng thấy, và thật ra đến nay chưa có mấy ai được từ trên cao nhìn xuống một hỏa tiễn đang từ dưới đất đi lên. »

Phi hành gia không gian Walter M. Schirra lập gia đình từ năm 1946 với một phụ-nữ tên là Josephine Fraser (ở Seattle), con ghê của một vị Đô Đốc hồi hưu. Bà Schirra lúc nào cũng đề đức phu quân trọn quyền quyết định về vấn đề nghề nghiệp. Bà chia sẻ mỗi nhiệt thành của ông đối với chương trình thực hiện dự án Mercury, và bà cho biết rằng công cuộc hoạt động này xét ra ít nguy hiểm hơn việc bay thí nghiệm một chiếc phản lực cơ chưa thử bao giờ, như ông thường đảm nhiệm. Bà vui sống

trong hành diện với nghiệp bay của chồng kể từ một ngày vào năm 1946, lúc Bà được chứng kiến cảnh ông đơn thân tung cánh lướt trời mây.

Gia đình Trung tá phi hành có được 2 mụn con, em lớn tên Walter Marty, III, năm nay 12 tuổi, và em nhỏ tên Suzanne, năm nay lên 4.

Trung tá Schirra có một thân hình lực lưỡng, cân nặng 76k500, cao 1th78, tóc và mắt màu nâu. Ông có đức tính trầm tĩnh, hay suy tư, nhã nhặn và thông minh tuyệt vời.

Những môn thể thao của ông ngoài giờ làm việc gồm có lái xe đua phóng nhanh, trượt tuyết, lướt sóng và săn bắn. Về nhà, ông thích nghe máy hát. Ông có một tinh thần hài hước dễ yêu và thường làm cho những bạn đồng đội cùng các bạn hữu hoạt động trong chương trình nghiên cứu không gian vui thích với những mẩu chuyện khôi-hài tế-nhị của ông.

Trung tá Schirra là một thuộc viên của Tin Lành Thánh Công Giáo Hội và là người từng tham gia tích cực vào mọi hoạt động của nhà Thờ. Ông tin tưởng rằng tín ngưỡng là một vấn đề cao cả của cá nhân, tuy nhiên không bao giờ ông bàn cãi về tín ngưỡng của ông giữa chốn công cộng.

TIẾNG SÁO

ĐÊM KHUYA

★ NGUYỄN VỸ

Tiếng sáo vi-vu đâu đó ?
Đêm khuya vắng-vắng gần xa.
Tiếng sáo đầu-hiu trong gió,
Ni-non khúc hận tình ca !

Tiếng sáo vi-vu đêm thu.
Nào-nùng thê-lương chị bấy !
Tiếng sáo êm-ru, âm-u,
Lòng ta đề-mê, tê-tái ..

Người thổi áo ơi, ai đấy ?
Đêm khuya gió lặn, trăng tà,
Bãi-khoảnh bao niềm ân-ái,
Nhớ-nhung man-mác người xa !

Mười thương, tơ vương mịt-mù,
Hèn vương sầu thương đêm thu.
Ôi tiếng sáo buồn ai-oán
Dệt chi khắp trời hoang-vu ?

Đêm khuya, gió lặn, trăng tà,
Ôi tiếng lòng ai xót-xa,
Ôi tiếng sáo buồn lai-láng
Rơi trong thăm-thẳm lòng ta !

Người thổi sáo ơi ! Im tiếng !
Đêm khuya, gió lặn, trăng tà,
Dệt chi mối sầu lưu-luyến
Dăng cùng non nước bao la ?...

Người thổi sáo ơi ! Im tiếng !
Không nghe giọt lệ đêm thu ?
Reo chi những lời xao-xuyến ?
Khóc chi những tiếng vi-vu ?...

la flûte dans la nuit

★ Poème Vietnamien de — ● Interprétation française de
NGUYỄN-VỸ **NGUYỄN-VĂN-CỒN**
(Paris, 1962)

*D'où vient cette flûte vibrante
Tantôt proche tantôt lointaine dans le soir,
Jetant dans le vent sa voix languissante
Et d'un chant d'amour le désespoir ?*

*La flûte vibre dans la nuit d'automne.
Chargée de tendresse et de mélancolie,
Exhalant sa plainte monotone
Et laissant mon âme toute meurtrie.*

*Qui donc joue de cette flûte au son cristallin
Dans la nuit profonde, le vent immobile, la lune déclinante.
Evoquant du passé la pensée exaltante
Et les souvenirs d'un cœur lointain ?*

*De tous côtés le brouillard étend son empire,
Mon âme de tristesse d'automne est alourdie,
La flûte de sa voix déchirante soupire
Dans le calme de la nuit infinie.*

*Nuit profonde, vent immobile, lune déclinante,
Ô d'un cœur la voix sanglotante !
La flûte dans sa tristesse infinie
S'infiltrer dans mon âme meurtrie.*

*Ô joueur de flûte ! Arrêtez !
Dans la nuit profonde, le vent immobile, la lune déclinante
Pourquoi tisser ces noeuds de tristesse attachante,
Couvrant de l'espace l'immensité ?*

*Ô joueur de flûte ! Arrêtez !
N'entendez-vous pas de l'automne les sanglots ?
Pourquoi répandre la nostalgie à flots
Et les pleurs de la flûte enchantée ?*

Câu Bao mới

★ Câu chuyện Mười Năm

Truyện ngắn của **Thiện-Chánh**, Phật học đường Nam-Việt, chùa Ấn-quan. Văn-phẩm gồm 9 chuyện ngắn, có tính cách Phật-giáo thuần-túy. Tựa của Thế-Dương. Tác-giả tự trình-bày. Quây Ronéo.

★ Ba Sinh hương lửa

Tiểu thuyết của **Doãn quốc Sỹ**. Bìa do Họa-sĩ Ngọc-Đưng trình-bày. Sáng-tạo xuất-bản. Giá 80\$.

★ **Bích Bối** — Báo nhi-đồng, ra ngày Thứ Năm và Chủ-nhật, mỗi tuần.

Chủ-nhiệm : Bà Nguyễn thị Hy — chủ bút : ông Thanh Hữu. Tòa-soạn 14 Ng. an-Ninh, Sài-gòn. Giá mỗi số 1\$.

★ Khảo-sát và Luận Việt-Văn

của **Ô. Trịnh-vân-Thanh**, Giáo-sư Văn-chương, Giám-đốc tập san « Siêng Học » soạn theo chương trình mới. Sách này có thể giúp-ích rất nhiều cho học sinh và các bạn quân-nhân không có phương-tiện đến trường.

Trên 400 trang, giá 85đ. Địa chỉ phát hành : 491 ter, đường Lê-quang-Định, Gò-vấp (gia-định)

★ Hoa muôn phương

Thi-tuyển của **Ô. Phạm-Lương**, Thi-văn-đoàn Hoa-Muôn-Phương, Châu-Độc, và cô **Phượng-Đài**, ô. **Hoàng-Oanh**, **Chiêu-Thiên-Thương**, **Lương-San**, **Chiêu-Suy-Tư**, **Nguyễn-Tam**, **Kim-Sắc**, **Chiêu-Thương-Hoa**. Có ảnh và tiểu-sử của các tác-giả. Một vài nhà thơ trên đây thỉnh-thoảng có thơ đăng trong **Phổ**.

Thông. Nhiều câu thơ khả-ái. Tác-giả xuất-bản : 21/5 Thủ-Khoa-Nghĩa, Châu-Đốc.

★ **Lên Đường**

Nội-san khu-đoàn đặc-biệt nha Quân-cự, Bộ-quốc-Phòng. Số 1 tháng 9-1962. Trang đầu có một bài thơ chữ Nho của Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm.

★ **Truyện Song-Tinh** của Nguyễn hữu-Hào

Do Ô. Đông-Hồ khảo-cứu và sao-lục. Nguyễn-hữu-Hào là một danh-thần ở Thanh-hóa, thời Chúa Nguyễn, tác-giả truyện *Song-Tinh Bất-Dạ* bằng chữ Nôm, phóng-tác theo một truyện cổ của Tàu.

Ông Đông-Hồ đã dày công tra-cứu và sao-lục theo một ấn-phẩm đã cũ của ông bác ông để lại, nguyên bằng chữ Nôm, do một người ở Hà-Tiên phiên âm ra Quốc-ngữ. Một văn-liệu bổ-ích cho sự tra-khảo về văn-học Việt-nam thế kỷ XVIII.

Nhà xuất-bản Bốn-phương — Dày 190 trang, giá bán 60đ —

★ **France — Asie-Asia**

Vol. XVIII — N° 171. Publiée à Tokyo, Directeur : René de Berval.

Tạp-chí văn-hóa bằng Anh-ngữ và Pháp-ngữ.

Nhiều bài đặc-sắc: 6th Conference of the World Fellowship of Buddhists — Cinq Nô — Notes et chroniques — Lettres d'occident et d'orient. Le Mahâtma Gandhi et l'Île Maurice. Some Comments on three Japanese Folk Dances. Indonesia's National Philosophy, etc...

Le N° US \$ 2.00

★ **Mục Lục Bưu-Hoa.** — Vietnam — Cambodge — Laos — Catalogue postage Stamp — 1963. Hiệu *Chơi tem Quốc tế* 71/12 G, đường Cao-thắng. Saigon — 10\$

★ **Cờ bay theo gió**

Của Tô-nguyệt-Đình. Lịch-sử tiểu-thuyết. Rất hấp dẫn — Hương-Nam xuất-bản. 42\$

★ **Sáng muôn thu,** Thơ của Diễm-Châu.

Độ 10 bài, nhà xuất bản Hoa Phương Đông. 291 Lý-Thái-Tô Saigon.

★ **Thơ Tuệ-Mai**

Của Bà Tuệ-Mai Trần-Gia. Bìa, do Họa-sĩ Ngọc-Dũng trình bày.

Tập thơ mở đầu bằng mấy câu dí-dỏm rất dễ thương, tỏ khiêu yêu Thơ của cô thiếu-nữ Hà-thành trong những ngày Thơ mộng :

*Cô ta có một nàng thơ
Cô yêu nàng lắm, bao giờ cũng yêu,
Cả hai còn bé tí teo
Mai Thơ dí dỏm, thương chiều lẫn nhau.
Có khi bận rộn đầu đầu
Bằng xa một dạo, nhớ nhau lại tìm.
Hẹn rằng : dù khó không quên
Yêu nhau, đôi bạn hồn nhiên... vào đời*

Hà-nội 1938

Hai mươi bốn năm sau, tuy đã trải qua bao nhiều sóng gió của đời, nét tài hoa của Nữ sĩ vẫn không phai nhạt, có phần thâm đậm hơn, và :

*Đau thương, không rên-rỉ,
Khó khăn, không nản chí,
Gặp tình-yêu, danh-vọng, chẳng cưỡng mê...*

Dalat — 1962

Nhiều câu thơ hay. Nhiều ý thơ đẹp. 41 bài, 100 trang. Bản đặc-biệt bằng giấy croquis — 150đ.

★ **Cộng rơm và giã biệt.**

Thơ của Trọng Dzy — Kiêm Thêm.

Đại-khái mấy câu sau đây :

*Cộng rơm và giã biệt
Điệu buồn thắng năm
Mùa xuân chim gù bay
còn lại
xóm dépôts
bản ngà
về biển
v. v...*

★ **Nước mắt người đàn bà.**

Của Ngọc-Linh

Nhà xuất-bản Tiền-Giang — 42đ.

★ **Hồn Văn.** Tập III.

Gồm những bài có giá-trị của Đình-Hùng, Bình-Nguyên-Lộc, Nguyễn Tiên-Thịnh. Cừ-Tạ, Bùi-Tiên v.v... Trích thơ văn của Bàng Bá-Lân, Ng. Vỹ, Khái-Hưng, Kiều-diệu-Hương, Ngọc-Bích v.v... 64 trang. Giá 6đ — Tòa-soạn 460 Nguyễn-tri-Phương, Chợ-lớn.

Trăng về trên mái lá
 Đêm nay buồn, buồn quá trăng ơi!
 Trăng đã sáng ở ngoài trời
 Sao không sáng trong lòng tôi?
 Trăng ơi!...
 Trăng trên ấy,
 Ngồi cao vọi vọi...
 Có nhìn xuống đây?...
 Đề thấy một kiếp người...
 Một kiếp người trọn vẹn tuổi đôi mươi
 Sầu héo hắt cả một đời xuân thắm
 Bao đêm trường lệ đắng
 Đã âm thầm ngấm ngấm ngập vành mi.
 Buồn rất nhiều từ, thuở cổ nhân đi
 Bước đưa tiền kinh kỳ tung cát trắng
 Quên sao được « cánh hoa mùa đi-văng »
 Mà cổ nhân đã nhặt giữa mùa thi
 Ép vào trong trang vở
 Kỷ niệm lúc phân kỳ
 Bốn năm rồi người đi xây cuộc sống
 Hân xây luôn cả giấc mộng ban đầu?
 Thân mến còn trong hai chữ « Tâm-Giao »?
 « Câu-thơ-ngọt » biết còn màu lưu luyến?
 Đừng trách nhé : nếu sự đời dâu biển...
 Cười lên đi cho không gian rung chuyển
 Cho cô trăng ngân tiếng hát yêu đời...
 Hỡi nàng tri kỷ của lòng tôi...
 Trần gian tìm chữa được người
 Thì tôi lên tận cung trời tìm trăng
 Vì tôi trăng kết tri âm (?)
 Mái lá trăng xuống trăng nằm bên tôi.
 Bên nhau ta nói chuyện đời...
 Đề ru nhân thế cho người ngủ mơ...
 Rồi tôi sẽ làm thơ
 Mà trăng là nguồn cảm hứng
 Tuyệt tác của thi nhân
 Thơ tôi đem biếu xa gần
 Khắp trong thiên hạ chẳng cần người mua...

TRUYỆN DÀI TRÀO-PHÚNG XÃ-HỘI LỢI-NGỌC

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 90)

TÔI xin phân bua trước với các bạn rằng lúc bây giờ giữa cô Bích-Ngọc và tôi không có một chút tình-ý gì cả. Tôi là thầy giáo nghiêm-trang. Cô là học-trò bẽn-lẻn, tuy tuổi cô và tuổi tôi cũng xuýt-xoát như nhau. Xác cô và xác tôi cũng không so-lẻ lắm.

Một hôm bỗng nhiên không phải giờ học, cô Bích-Ngọc đến nhà tôi. Trông thầy tôi, cô không chào, mà lại ngồi xuống ghế, gục mặt xuống bàn

khóc nức-nở. Thầy Ngọc vừa đi chợ về, trông thấy cô Bích-Ngọc khóc, nó nhìn tôi :

— Thề nà thề nào ?

Tôi đuổi nó xuống bếp, và đến gần cô Bích-Ngọc :

— Sao cô khóc, cô Ngọc ? Cô có chuyện gì ?

Tôi hỏi 3, 4, 5 lần. Cô không trả lời. Tôi nhìn cô, chỉ thấy một đầu tóc đen như huyền, thật đẹp. Cổ trắng như ngà, thiệt xinh. Lưng đều - đặn xuống ghề, gục mặt xuống bàn

lụa tím. Tà áo rách sà xuống đất. Tôi sợ bẩn áo của cô, muốn cúi xuống kéo tà áo tím lên giùm cô, nhưng tôi nghĩ rằng làm như thế chắc là cô mắc cỡ mà tôi cũng mắc cỡ. Tôi đành đứng ngó buồn bã tà áo tím của Bích-Ngọc phết xuống nền đất bẩn thỉu.

Tôi hỏi lại :

— Cô Bích - Ngọc ! Sao cô khóc? Cô có chuyện chi buồn?

Tôi thú thật rằng thầy Bích-Ngọc suốt-muốt, không hiểu chuyện chi nhưng tự-nhiên tôi cảm-động quá hình như cũng muốn khóc theo. Tôi muốn đứng xích lại gần cô học-trò đang đau-khổ của tôi, muốn đề bàn tay trên vai cô để an-ủi và hỏi cô có tâm sự gì bi-thảm lắm sao. Nhưng tôi do-dự, không biết tôi ái-ngại điều gì. Sau cùng, tôi bước hai bước đến cạnh cô, dịu dàng hỏi :

— Cô Bích - Ngọc, cô có chuyện gì buồn, nói cho tôi nghe?

— Dạ, em muốn trốn bác em.

Câu trả lời bất-ngờ ấy khiến tôi rất đỗi ngạc-nhiên :

— Cô nói sao?...

— Dạ em không muốn về nhà bác em nữa.

— Tại sao vậy?

— Bác em nhất-định bắt em phải làm vợ bé ông Lớn.

— Tôi không hiểu...

— Bác em ép em tôi nay phải đi với bác em lên ông Lớn.

— Sao bác cô lại có ý-định lạ lùng như thế?

— Dạ em không biết.

Nghe Bích-Ngọc nói như thế, tôi đã hiểu tại sao cô khóc. Cô mắc cỡ không dám nói rõ với tôi, chứ cô phải biết bác cô muốn dẫn cô lên cho ông Lớn trong lúc đêm hôm là có mục-đích gì rồi. Nếu không, sao cô trốn bác cô? Tôi hỏi tiếp :

— Vậy bây giờ cô muốn sao?

Bích-Ngọc làm thinh rất lâu. Tôi lại hỏi :

— Cô cứ nói thật cho tôi nghe, cô muốn tôi giúp cô việc gì?

— Em xin thầy cho em tạm ở đây một vài hôm rồi em trốn đi Sài-gòn.

Tôi càng ngạc-nhiên hơn nữa :

— Cô điên sao chứ, cô Bích Ngọc? Tại sao cô có ý-nghĩ ấy?

Bích-Ngọc không dám ngó tôi. Tôi suy nghĩ một lúc, rồi bảo :

— Tình cảnh của cô rất đáng thương. Bây giờ tôi mới hiểu cô là người rất đau khổ. Tôi hoàn toàn tán-thành ý-định của cô trốn đi Sài-gòn để tránh Bác cô và thằng Quỷ Sứ dâm-dục kia. Nhưng cô tạm trú ở nhà tôi có nhiều điều không tiện...

— Em biết thầy đứng-đắn từ-tề, em mới đến xin thầy cho em trốn tạm ở đây. Một vài ngày để em vay mượn được số tiền, rồi em đi Sài-gòn. Chớ em nhất-định không về nhà bác em nữa.

— Cô nên về nhà ở tạm vài ba hôm. Chẳng lẽ vì cô không bằng lòng làm theo ý muốn của bác cô mà bác cô giết chết cô hay sao?

— Bác gái em đánh em một trận suýt chết. Bác còn xúi giục bác trai em đuổi em đi!

Bác trai em cũng chửi em và đánh em tàn-nhẫn hết sức... Bà nói: nếu em bằng lòng làm vợ lẽ Ông Lớn thì bà làm «áp-phe» dễ-dàng, có nhiều tiền. Em thì sẽ được ông lớn tậu cho vi-la và xe hơi Huê-Kỳ. Còn bác trai thì được thăng chức, lên làm Trưởng Phòng Kế-toán. Nhưng em quyết liệt từ-chối, cho nên bác em hăm-he em và còn muốn vu-cáo em là tay sai của cộng-sản! Em sợ quá, cho nên em mới bỏ nhà trốn đi. Thấy thương em, che chở cho em... Em đau khổ lắm.

— Tôi không ngờ câu chuyện gia-đình của cô lại xảy ra như thế!

— Không phải là lần đầu, đâu ạ. Đã ba lần rồi, hai bác em cứ bắt ép em... Em đều từ chối. Lần này nhứt-định là lần chót. Dù chết thì chết, chớ em nhứt-định không về nhà bác em nữa.

— Cô có bà con nào ở đây nữa không?

— Dạ không.

— Bà má cô ở đâu?

— Cha mẹ em ở nhà quê, nghèo lắm. Cha em đi làm ăn phương xa, mẹ em đi ở mướn.

— Có định đi Sài Gòn, nhưng cô có quen với ai ở Sài Gòn không?

— Ở Sài Gòn, em có một người bạn gái lấy chồng làm ký-giả ở báo « *Dư luận* ».

Bây giờ tôi làm thính. Thật thề, tôi không biết nói sao! Bởi vì tôi là con trai 20 tuổi chưa có vợ, lẽ nào tôi chưa trong nhà tôi một cô gái 18 tuổi chưa có chồng? Huống chi cô trốn nhà ra đi, lại đến ở nhà tôi là thầy học của cô, nếu hai bác của cô biết được, ông bà ấy sẽ đưa tôi ra Tòa về tội « dụ-dỗ gái vị-thành-niên » thì còn gì là danh-giá của tôi, nghề nghiệp của tôi? *Dư luận* sẽ phê-bình tôi như thế nào? Pháp-luật sẽ tha thứ cho tôi không?

Tôi dứt hai tay trong túi quần đi ra đi vào, cúi đầu nghĩ-ngợi. Rồi tôi phì cười! Đời có lắm chuyện bi-đát nhưng tôi chỉ nhìn qua khía cạnh trớ-trêu, hài-hước của nó. Đứng trước mặt người thiếu-nữ tuyệt-đẹp và đang đau khổ, tôi khẽ gọi:

— Cô Bích-Ngọc!

Bích-Ngọc bẽn-lẽn ngược

mặt nhìn tôi:

— Dạ.

— Mời cô đi theo tôi.

Tôi quay lưng đi. Bích-Ngọc đi sau. Vào nhà trọng, đến trước cửa phòng ngủ của tôi, tôi chỉ vào phòng và bảo cô:

— Đây là phòng của cô trong những ngày cô lánh tạm ở nhà tôi. Chỗ này thằng Ngạc sẽ vô dọn những đồ đạc riêng của tôi ra ngoài. Cô đã tin nơi tôi thì cô cứ hoàn-toàn tự-do như nhà của cô vậy.

Bích-Ngọc nhìn tôi với đôi mắt băn-khoăn rất dịu-dàng. Tôi biết cô mắc-cở. Nhưng cô tin tôi, cô muốn cảm ơn tôi nhưng không nói ra lời. Tôi biết cô vừa cảm động, vui mừng vừa bẽn-lẽn. Tôi nở môi cười tự nhiên và cô cũng tự nhiên vào ở trong phòng tôi. Vì cô tin tôi.

Tôi trở ra phòng khách, mà cũng là nơi tôi dạy học. Tôi gọi vọng xuống bếp:

— Ngạc ơi!

— Dạ! Con đang thổi lửa mà nó không cháy, thề nà thề nào.

Thổi lửa cháy xong, thằng

Ngạc chạy lên. Nó trở mặt nhìn tôi:

— Cậu ơi! Con trông thấy cô Bích-Ngọc ở trong buồng ngủ của cậu, thề nà thề nào?

Nhưng lần này tôi không cười, lại còn rầy nó:

— Hình như con không chào cô Bích-Ngọc phải không?

— Con nhìn thấy cô, con đã chào cô bằng một nụ cười thề nà thề nào.

— Bây giờ con vào buồng cậu, không được cười nhé. Con lễ-phép « chào cô » xong rồi con mở tủ lấy mấy bộ quần áo của cậu, và cái áo treo trên móc, đem ra ngoài.

— Thưa cậu áo quần của cậu đem đi đâu?

— Đem xuống phòng của con.

— Nằm sao nại đem đồ của cậu xuống phòng của con, thề nà thề nào?

— Chỗ này cậu sẽ nói cho con rõ, bây giờ con đi làm theo lời cậu dặn, xong con làm cơm đủ 3 người ăn.

— Ba người ăn? Thề nà thề nào?

— Con, cậu, và cô Bích-Ngọc, chẳng phải là 3 người à?

Thằng Ngạc cười:

— Thề nà thề nào, há cậu? Thề nà thề nào?

— Cậu không bằng lòng con cười nữa nhé! Đi vào phòng dọn đồ đạc của cậu ra, mau lên!

Thằng Ngạc chạy vào buồng ngủ của tôi, nó không dám cười nữa. Tôi nghe nó nói với Bích-Ngọc:

— Chào cô. Thưa cô, cô cho phép con dọn phòng của cô và của cậu, thề nà thề nào?

Ngồi ngoài một mình, tôi tủm-tủm cười, không dám cười to. Tôi không nghe cô Bích-Ngọc nói gì. Thằng Ngạc đã dọn đồ đạc của tôi xuống phòng nó, ở cạnh bếp, rồi nó làm bếp. Bỗng tôi nghe nó gọi lớn:

— Thưa cậu, nhờ cậu chế hộ con mấy cây củi, thề nà thề nào?

Theo lệ thường, vì củi cứng lắm mà con dao chế củi đã cùn, nó chế không được, nên tôi làm việc ấy.

TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiếp của bạn **DIỄN-SƠN**, biên tập viên của *Phổ-Thông* tạp chí, ngày 12-10-1962, vâng lệnh song thân làm lễ thành hôn cùng cô **TRAN THỊ THANH-MỸ** ở Đà-Nẵng.

Nhân dịp vui này, chúng tôi xin thành thực chia mừng cùng hai họ, và chúc đôi tân hôn được bách niên giai lão.

Tòa-Soạn P.T.

Chợ Lớn Quận

Tâm thư gửi Diêu-Huyền

(Nhân ngày Đệ-tứ chu-niên Phồ-Thông tạp-chí)

Tình thư gửi Diêu-Huyền một bức,
Nỗi nhớ thương thồn-thức canh dài.
Cùng nhau chung một kiếp người,
Tẻ vui chung tiếng khóc cười bấy lâu
Duyên vắn tự chẳng cầu mà buộc,
Nghiệp thi-nhân không chuốc mà mang.
Từng phen chung một tiếng đàn,
Tơ tằm rút ruột ngang ngang mấy vắn.
Bước danh lợi thăng trầm từng trải,
Kiếp nhân sinh thành bại đã nhiều.
Đâu là kẻ mẫn, người yêu,
Đâu người bội bạc dệt thêu những lời.
Thấy những chuyện đông-dài sá kể,
Mình với ta tri kỷ đủ rồi.
Mình vui ta cũng chung vui,
Mình buồn ta cũng ngậm ngùi buồn theo.
Mình có phải cheo-leo gập bước,
Ta quyết dành xuôi ngược có nhau.
Mình không ham chữ sang giàu,
Ta nào quên đến ân sâu bấy chầy.
Tình Bão-Thức chứa đầy trong dạ,
Nghĩa Quân-Di dám há phai lòng.
Mai dù Nam, Bắc, Tây, Đông,
Mai dù sóng gió hãi-hùng ngày mai.
Sá chi chuyện sông dài bể rộng,

Sá chi điều sấm động mưa rơi.
Gần mình ta giữ niềm vui,
Xa mình ta cũng ngậm-ngùi thiết-tha.
Bao Phồ-Thung chưa nhòa nét mực,
Tình đôi ta có lúc nào quên.
Chúc mình hai chữ bình yên,
Vững chèo tay lái con thuyền Phồ-Thông.
Mình với ta giải đồng cam kết,
Ta vì mình giải hết lòng trinh.
Tiện đây ta hỏi riêng mình,
Cơ trời huyền-diệu, ai sinh Diêu-Huyền ?

★ TÚ-BE

TÌM VIỆC

● Nam-sinh Đệ-Tam đứng đắn, tính nhàn-nại. Muốn nhận kèm trẻ em
học Tiểu-học. Xin thư về :
Lâm 237/16, Nguyễn-Thông — Saigon

● Một nữ-sinh, rất đứng-dắn, hiền từ, đã có cấp bằng Trung-học đệ nhất
cấp, muốn xin việc làm vừa sức như : dạy kèm trẻ em, hay thư ký, hoặc
đứng bán hàng, v.v... Có thể đi xa. Nhờ tòa-soạn chuyển giao.

**THUỐC ĐAU LƯNG
HÔNG-NGUYỄN**

TR! *Thân suy
Yếu, nhức mỗi tay
Chôn, không thắp
gân tưởng đau nhức.*

Nhà thuốc HÔNG-NGUYỄN
Bà Dương-xuân-Lang chủ
246, Đại lộ NG. HOÀNG CHÁNH

KIỂM-NHẬN SỐ 238. BYT/QCĐP. NGÀY 7.8.62.



Mừng Phở-Thông đệ-tứ chu-niên

Chúng tôi đã nhận được rất nhiều *Thơ*, *đối*, và *thư* gửi về Tòa-soạn mừng ngày kỷ-niệm sinh-nhật Phở-Thông.

Chúng tôi vô cùng cảm-động, và xin thân-ái cảm tạ tất cả các *Bạn* xa gần đã có mỹ-ý tỏ cảm-tình chân-thành và nồng-nhiệt đối với *Phở-Thông tạp-chí*.

Chúng tôi xin tạm trích đăng vài bài của quý *Bạn*. Còn nhiều bài rất hay nhưng chúng tôi rất tiếc không đăng hết được, vì lý do không đủ chỗ. Nhưng chúng tôi vẫn đem ra ngâm trong những cuộc họp-mặt của Tòa-soạn, và toàn-thể bộ *Biên-tập Phở-Thông tạp-chí* rất hoan-hỷ và hân hạnh được các *Bạn* triu-mến và thông cảm.

Một lần nữa, xin chân-thành cảm tạ tất cả các *Bạn* thân-mến.

PHỞ-THÔNG TẠP-CHÍ

* Mừng Phở-Thông 4 năm

Trí-thức, bình-dân, báo Phở-Thông.
Đắp xây Văn-hóa rạng non sông,
Danh Nhân thế-giới, gương soi-sáng,
Nhân Vật Xuân-Thu, ý mẫn-nông,
Lội ngược, khôi-hài mùi thể-sự,
Mình ơi! phô-tả việc Tây-Đông.
Bốn năm bồi-đắp bao công-quả,
Bạn đọc gần xa thật hả lòng!

VÕ-KHẮC-CÁN

22/2A Đường Sinh-Trung Nha-Trang

* Mến gửi Chị Diệu-Huyền

Chị Tú Diệu-Huyền hân hiem con,
Nên chi nay đã bốn đông tròn

Phở-Thông Công-tử đã khôn lớn,
Sao chẳng thêm: «Huyền» bé tí hơn?

TÂM-TÌNH
(Saigon)

Em mong chị trả lời...

● Mến đáp:

Muốn có thêm «Huyền» bé tí hơn?
Vâng! Rồi sẽ có Diệu-Huyền con...
Bốn kỳ sinh-nhật thẳng Cu lớn,
Miệng lại thêm chua, bụng đã tròn! (1)

DIỆU-HUYỀN

* Câu đối của Ông Lý-văn-Huyền

(Phan-Châu-Trinh — Dân-ảng)

PHỞ-THÔNG thông-suối Kim-cổ Đông-tây,
 mới có 4 tuổi, thế nà thế nào?

TẠP-CHÍ chí cao, văn-chương quốc-tế,
 chỉ bán 10 đồng, Minh hơi Minh ơ!

* Mừng đệ-tứ chu-niên Phở-Thông tạp-chí

Phở-Thông xây đắp vườn văn
Bốn năm vun tưới nhọc nhằn xiết bao!
Dù cơn giông tố ào-ào
Thi-nhân há dè nao-nao tắc thành.
Đầy vườn hoa nở lộc xanh
Tỏa hương bốn gió, gây tình bốn phương!
Sao Khuê rạng vẻ tung bừng
Gió thu âm-áp quyen mừng Phở-Thông
Mỗi ngày vườn nở thêm bông,
Sắc tươi đẹp đất, hương xông ngát trời,
Say-mê muôn ức vạn người!

PHƯƠNG-ĐÀI
(Gia-Định)

(1) Chúng tôi đang dự-định cho ra thêm «*Phở-Thông Nhị-Đông*» hằng tuần, trong một ngày gần đây.

* Chúc mừng Phở-Thông

Mừng bảo Phở-Thông nay bốn tuổi
 Bao nhiêu sự nghiệp đã rành-rang.
 Tài-hoa góp sức cùng nhưn thế,
 Văn-hóa so tài với ngoại-bang
 Bút thép Diệu-Huyền thêm sắc-sảo,
 Tinh-thần Tâm-Trí vẫn hiên ngang.
 Chúc ông nọ trẻ còn vui trẻ
 Còn viết đêm ngày chuyện thế-gian !

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Giáo học hải lưu
 AN-GIANG

* Nhân dịp Phở-Thông độ tứ chu niên

Mừng chị Diệu-Huyền

Phở-Thông kỷ-niệm tứ chu-niên,
 Mến gửi mừng riêng chị Diệu-Huyền
 Lên ruột đôi-văn rắn thể-sự,
 Mơ hoa một giấc kẻ tình-duyên.
 Đông Tây chiến quốc nhiều trò lạ,
 Kim cồ danh nhân lắm kẻ hiền.
 Một mảnh gương trong treo đất Việt,
 Vừa vành trăng (1) rọi sáng sơn-xuyên.

ĐỖ-HOÈ-KHANH

(Tư thành, Quảng-ngãi)

(1) Bán-nguyệt-san

* Đáp bạn Bốn Phương

Vì kỳ này bài nhiều quá, không còn chỗ cho mục Đáp bạn, vậy xin lỗi bạn đọc. Tất cả những thư của các bạn, Diệu-Huyền sẽ xin phúc đáp trong số tới. D.H.

* PHỞ-THÔNG PHÁT-HÀNH Ở HẢI-NGOẠI

● Our Foreign Readers may subscribe to the Phở-Thông Review at our Agent's in Paris.

● Nos Lecteurs d'Outre-mer peuvent s'abonner au Phở-Thông chez notre Représentant à Paris.

● Các bạn đọc Phở-Thông ở ÂU-CHÂU và PHI-CHÂU có thể mua thường xuyên mỗi kỳ, hoặc mua dài hạn, ngay nơi Tổng Phát-hành của chúng tôi ở Hải-ngoại :

LONG - HIỆP

Représentant du Phở-Thông pour l'Europe et l'Afrique

(Vente-Abonnements-Publicité)

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève PARIS — V

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT

Hàng tuần vé số Kiến-Thiết
 phát-hành 3.000.000 vé :

- 1.000.000 vé mang mẫu tự A,B,C v.v...
 - 1.000.000 vé mang mẫu tự AA,BB,CC v.v...
 - 1.000.000 vé mang mẫu tự AAA,BBB,CCC v.v...
- đều được ghi số như sau từ 000.000 đến 999.999.

NGÀY MỞ SỐ :

THỨ BA HÀNG TUẦN

TỔNG SỐ CÁC LÔ TRÚNG :

3 lô trúng độc đặc mỗi lô 1.000.000\$

15 — — 100.000\$

15 — — 50.000\$

180 — — 10.000\$

600 — — 5.000\$

3.000 — — 1.000\$

3.000 — — 500\$

30.000 — — 100\$

165 — an ủi — 2.000\$

- Dù các bạn ở giai-cấp nào hay địa-vị nào !
- Các bạn vẫn có thể thực-hiện giấc mộng ngàn năm một thuở !
- Các bạn đang cư-ngụ tại miền quê hẻo lánh hay tại thành-thị !
- Các bạn muốn tiếp-xúc hay giao-dịch với người Anh-Mỹ-Pháp !
- Các bạn không có thì giờ để học nhiều môn. Các bạn cần học gấp rút một môn hữu dụng và cần-thiết nhất cho cuộc sống hiện tại.
- Các bạn hãy ghi tên theo học tại :

TRƯỜNG HÀM-THỤ SINH-NGŨ PHƯƠNG-MAI
22B, đường Ông-Ích-Khiêm — ĐÀ-NẴNG

- Lần đầu tiên và cũng là duy-nhất tại Việt-nam. Một Trường chuyên dạy ANH-VĂN và PHÁP-VĂN bằng lối GỬI THƯ về mặt THỰC-HÀNH CẤP-TỐC và BỒ-TÚC LUYỆN-THI. Áp-dụng phương pháp giảng dạy và qui-tắc sư-phạm của l'Ecole universelle, l'Institut Linguaphone, Assimil. Nhà Trường dạy đầy đủ mọi lớp từ Đệ-Thất (vở lòng) đến Đệ-Nhất. Bài vở soạn thảo công-phu, giảng-giải linh-động, rõ-ràng, dễ học dễ hiểu và gửi đúng kỳ hạn. Có phiên-âm ra Việt-ngữ rất rõ ràng và đầy đủ. Học-phí hạ. Cấp chứng chỉ giá-trị khi mãn khóa. Hãy viết thư xin bản thê-lệ theo địa-chỉ trên.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VÀI KỶ - NIỆM VỀ MẤY
Văn Thi-sĩ hiện đại
 (Kỷ-ức — Phê-bình)
 của **BÀNG-BÁ-LÂN**

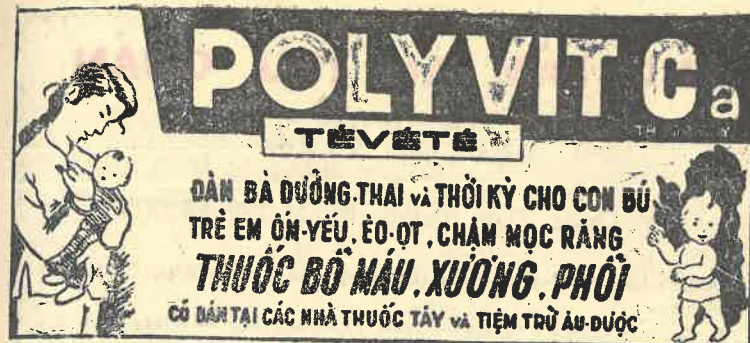
Quyển I giới-thiệu và phê-bình 10 văn, thi-sĩ : Nguyễn-Nhược-Pháp • Nguyễn Hiến-Lê • Anh-Thơ • Đông-Hồ • Vũ Hoàng-Chương • Nguyễn-Vỹ • Toàn-Anh • Phạm Đình-Tân • Phạm Đình-Khiêm • Phạm Văn-Sơn với đầy đủ hình, thủ-bút, chữ ký và những áng thơ văn chọn lọc.

Bìa do **Lữ-Hồ** trình bày.

Nguyễn-ngọc-Quan trông nom về kỹ-thuật ấn loát.

Sách in làm hai loại : Loại thường và loại đẹp dành cho các bạn yêu sách. Hỏi tại các tiệm sách lớn ở thủ-đô và các tỉnh

Nhà xuất bản **XÂY DỰNG** phát hành
 361/31, Phan-đình-Phùng, Saigon



POLYVIT Ca
TÈVÉTÈ
 ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
 TRẺ EM ỒN-YẾU, ÈO-ỢT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC



BILAXINE
Chuốc nhuận trường
CÓ BÁN KHAP NHÀ THUỐC ẬU MỸ
 K.N. số 93 của Bộ Y-Tế ngày 5-8-62

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở, tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phụ hiệu, cơ cho các hiệu đoàn, nhân cò áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do lưu-diện phát không) chuyển tiền vào Truong mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cò thư chỉ cần, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp Bảo-Hiêm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại : 23.187

Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIỀN

TRỊ : Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cổ khan, tiếng, ho nhiều ban đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc ho Quảng An Tiên.

Tổng phát hành : Lý Trắc, nhà thuốc Quảng An Hòa
169 Lê văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)
Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)

TRỊ : Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay, nổi mụn ở mặt, ăn chậm tiêu.

Và khi hết bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỒ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành : Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt Saigon, Lý Trắc. (Có bán khắp nơi) Kiểm nhận số : 200 ngày 31-7-62

Thuốc Bỏ Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa

TRỊ : Đau thận, suy thận, đau lưng, đái đêm, ù tai, mờ mắt, bái hoải mồi mêt, di mộng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành : Lý Trắc nhà thuốc Quảng an Hòa, 169 Lê v Duyệt Saigon. (Có đê bán ở các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số : 196 ngày 31-7-62